

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
VIỆN CHĂN NUÔI
LÊ THỊ BIÊN - VÔ VĂN SỰ - PHẠM SỸ TIỆP

Kỹ thuật chăn nuôi **MỘT SỐ ĐỘNG VẬT QUÝ HIẾM**



NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG - XÃ HỘI

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
VIỆN CHĂN NUÔI
LÊ THỊ BIÊN - VÕ VĂN SỰ - PHẠM SỸ TIỆP

Kỹ thuật chăn nuôi **MỘT SỐ ĐỘNG VẬT QUÝ HIẾM**

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG - XÃ HỘI

NUÔI LỢN Ỉ

1. Nguồn gốc xuất xứ

Phân bố

Lợn ỉ thuộc lớp động vật có vú (Mammalia), bộ guốc chẵn (Artiodactyla), họ Suidae, chủng Sus, loài Sus domesticus, giống lợn ỉ.

Theo nhiều ý kiến cho rằng lợn ỉ có nguồn gốc từ giống lợn ỉ mỡ ở miền Bắc Nam Định. Qua một thời gian dài, giống lợn ỉ mỡ đã tạp giao với các nhóm giống lợn khác trở thành giống lợn ỉ ngày nay với hai loại hình chính là ỉ mỡ và ỉ pha. Nòi ỉ mỡ bao gồm những con mà nhân dân ta gọi là ỉ mỡ, ỉ nhẵn, ỉ bộ hung. Nòi ỉ pha bao gồm những con mà nhân dân ta gọi là ỉ pha, ỉ bột pha, ỉ sống bương.

Lợn ỉ là một trong những giống vật nuôi rất phổ biến ở các tỉnh phía Bắc, trước những năm 70, lợn ỉ được nuôi hầu hết ở các tỉnh đồng bằng Bắc bộ và Thanh Hoá; chiếm 75% tổng số lợn được nuôi trong toàn vùng.

Trước những năm 70 lợn ỉ được nuôi hầu như ở khắp các tỉnh đồng bằng Bắc bộ và Thanh Hoá như Nam Định, Hà Nam, Hà Tây, Hưng Yên, Hà Nội, Vĩnh Phúc,

Hải Dương, Thái Bình, Quảng Ninh, Ninh Bình, Thanh Hoá, Hải phòng. Vị trí phổ biến của nó dần dần phải nhường cho lợn Móng Cái có sức sinh sản tốt hơn, và từ cuối những năm 70 lợn ỉ thu hẹp dần đến mức độ nguy kịch như ngày nay, chỉ còn sót lại ở một số xã của tỉnh Thanh Hoá.

Thanh Hoá cũng đã có những vùng giống lợn ỉ nổi tiếng như Quảng Giao, Quảng Đại, Quảng Hải (Quảng Xương) mà người ta vẫn quen gọi là lợn ỉ Quảng Hải. Từ cuối những năm 70 đến nay, lợn ỉ giảm dần về số lượng và thu hẹp dần về vùng nuôi đến mức độ nguy kịch như ngày nay, chỉ còn sót lại ở một số xã ở tỉnh Thanh Hoá do thực hiện đề án của Viện Chăn Nuôi mà còn.

Do áp lực của kinh tế, con lợn lai và con lợn ngoại với ưu thế sinh sản nhanh, khả năng cho thịt nạc cao đang dần chiếm ưu thế và lợn ỉ bị đào thải dần. Từ năm 1990, đàn lợn ỉ Thanh hoá đã giảm đến mức báo động, có nguy cơ bị diệt chủng; ở vùng giống Quảng Giao chỉ có 169 lợn nái ỉ, không có lợn đực giống ỉ.

Để có một giống vật nuôi mang nhiều đặc điểm quý góp phần giữ vững tính đa dạng sinh học vốn có của đất nước, Viện chăn nuôi đã tiến hành thực hiện đề tài khoa học: “Nuôi lợn ỉ giữ Quỹ Gen trong khu vực hộ nông dân ở Thanh Hoá năm 2000 - 2004” thuộc đề án cấp nhà nước: Bảo tồn các giống vật nuôi có vốn gen quý ở Việt Nam.

2. Đặc điểm sinh học

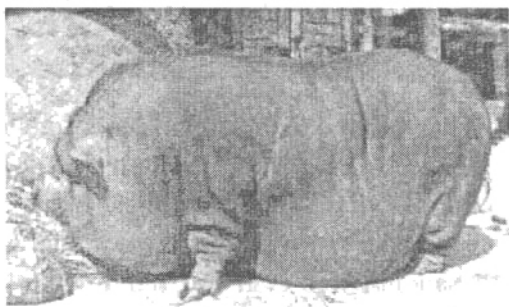
2.1. Đặc điểm ngoại hình

Có nhiều loại hình lợn ỉ, trong đó phổ biến là ỉ mỡ và ỉ pha.

2.1.1. Lợn ỉ mỡ (ỉ đen)

Lợn ỉ mỡ cũng có lông da đen bóng, đa số có lông nhỏ thưa, một số có lông rậm (lông móc) như ỉ pha. Đầu hơi to, khi béo trán dô ra, mặt nhăn nhiều, nọng cổ và má chày sệ từ khi lợn 5-6 tháng tuổi, mắt híp.

Mồm to bè và ngắn, môi dưới thường dài hơn môi trên, lợn nái càng già mồm càng dài và cong lên nhưng luôn ngắn hơn ỉ pha. Vai nở,



ngực sâu, thân mình ngắn hơn ỉ pha, lưng vồng, khi béo thì trông ít vồng hơn, bụng to sệ, mông nở từ lúc 2-3 tháng, phía sau mông hơi cúp. Chân thấp hơn ỉ pha, lợn thịt hoặc hậu bị có hai nái thì thường đi chữ bát, hai chân sau yếu.

2.1.2. Lợn ỉ pha

Lợn ỉ pha có lông da đen bóng, da số có lông nhỏ thưa, một số có lông rậm lông móc).

Đầu to vừa phải, trán gần phẳng, mặt ít nhăn, khi béo thì nọng cổ và má chầy sệ, mắt lúc nhỏ và gầy thì bình thường nhưng khi béo thì híp. Mõm to và dài vừa phải, lợn nái càng già mõm càng dài và cong lên. Vai nở vừa phải, từ 8-9 tháng vai bằng hoặc lớn hơn hông, ngực sâu.



Thân mình dài hơn so với ỉ mỡ, lưng da số hơi võng, khi béo thì trông phẳng, bụng to, hông lúc nhỏ hơi lép về phía sau, từ 6-7 tháng hông nở dần, chân thấp Lợn thịt hoặc hậu bị thì hai chân trước tương đối thẳng, hai chân sau hơi nghiêng, lợn nái thì nhiều con đi vòng kiếng hoặc chữ bát.

3. Khả năng sản xuất

3.1. Khả năng sinh trưởng

Điều tra một số vùng nuôi lợn ỉ thuần, với những phương thức và điều kiện nuôi dưỡng của địa phương đã cho thấy khả năng sinh trưởng và tầm vóc của hai nòi lợn ỉ

pha và mỡ tương đương nhau, thể hiện qua khối lượng và kích thước các chiều đo của chúng ở các bảng sau:

Bảng 1. Khối lượng lợn ỉ pha và ỉ mỡ qua các mốc tuổi (kg)

Tháng Tuổi	Lợn ỉ pha		Lợn ỉ mỡ	
	Trung bình	Biến động	Trung bình	Biến động
Sơ sinh	0.425	0.25-0.77		
1	2.034	1.1-3.8		
2	4.401	2.0-6.6	4.528	2.0-7.0
3	7.525	5.0-12.0	7.3	4.5-11.7
6	24.9	18.0-42.0	22.5	15.5-40.0
9	39.9	30.0-55.0	41.3	28.0-52.0
12	48.2	40.0-66.0		

Bảng 2: Khối lượng và kích thước lợn ỉ pha và ỉ mỡ

Giống lợn	Năm tuổi	Khối lượng (kg)	Cao vây (cm)	Dài thân (cm)	Vòng ngực (cm)
Lợn ỉ Pha	1	38.4	39.5	77.7	74.9
	2	44.4	41.5	83.9	81.4
	3	48.4	42.9	90	84.7
	> 3	49.4	44.1	95.6	87.6
Lợn ỉ Mỡ	1	36.3	38.8	75.6	73.5
	2	42.2	40.5	82	80.5
	3	46.5	42	88.7	83.5
	>3	49.3	42.6	91.5	86.3

3.2. Khả năng sinh sản

Lợn đực i có hiện tượng nhảy cái rất sớm, ngay từ lúc 3-4 tuần tuổi đã tập nhảy lên lưng con cái, đến 40 ngày tuổi tinh trùng đã có khả năng thụ thai, tuy nhiên tuổi sử dụng phối giống tốt nhất là từ 6 tháng tuổi, lượng tinh xuất 1 lần trung bình 50-100 ml, thời gian sử dụng đực giống tốt nhất trong 2-3 năm.

Lợn cái i 4-5 tháng tuổi là động dục và có khả năng thụ thai, tuy nhiên tuổi phối giống tốt nhất là khoảng 7 tháng tuổi. Chu kỳ động dục của lợn i trung bình 19-20 ngày (biến động từ 17 đến 24 ngày). Thời gian đông dục trung bình 3-4 ngày, thời điểm phối giống tốt nhất là ngày động dục thứ hai. Thời gian mang thai trung bình 110- 115 ngày, ở đàn lợn i Thanh hoá, lợn cái thành thực về tính sớm, lúc 3 tháng tuổi đã có biểu hiện động dục, 4 tháng tuổi có khả năng thụ thai. Chu kỳ động dục thường 19-21 ngày, thời gian động dục kéo dài 4-5 ngày (biến động 3-8 ngày). Tuổi phối giống đầu tiên tốt nhất là 8 tháng tuổi, lúc đó khối lượng cơ thể đạt 35-40 kg. Thời gian mang thai trung bình 110 ngày, số con đẻ ra 8.8- 11.3 con/ lứa và con cái có tuổi sử dụng có thể tới 10-11 năm.

Bảng 3: Khả năng sinh sản của lợn nái ỉ ở Thanh Hoá

Công thức phối giống	Số ổ sinh sản	Số ổ sinh sản/ ổ còn sống	Khối lượng sơ sinh kg/con	số con 1 tháng tuổi/ ổ	số con 2 tháng tuổi/ ổ	Khối lượng 2 tháng tuổi kg/con	Khối lượng 3 tháng tuổi kg/con
$\frac{x}{x} \cdot \frac{1}{1}$	20	7,8	0,51	7,2	7,2	5,15	9,0
$\frac{DB}{x} \cdot \frac{1}{1}$	10	8,2	0,76	7,5	7,4	8,30	16,2
$\frac{LD}{x} \cdot \frac{1}{1}$	1	8,1	0,78	8,0	7,0	8,60	16,3

3.3. Khả năng cho thịt

Chỉ tiêu	ỉ mỡ	ỉ pha	Lợn ỉ Thanh Hoá
Tỷ lệ thịt xẻ/thịt hơi (%)	62,7	64,1	63,34
Tỷ lệ thịt mỡ/thịt xẻ (%)	48,23	42,57	41,8
Tỷ lệ xương/thịt xẻ (%)	8,79	10,5	10,6
Tỷ lệ thịt tinh/thịt xẻ (%)	30,16	33,53	33,53
Tỷ lệ mỡ hàm (%)	69,7	75	73,96
Độ dày mỡ gáy (cm)	5,26	3,9	-
Độ dày mỡ ngực (cm)	4,3	3,7	-
Độ dày mỡ lưng (cm)	3,76	3,66	-

4. Giá trị kinh tế

Giống lợn ỉ hiện đang được sự chú ý của các chuyên gia trong nước và ngoài nước do ngoại hình đặc thù và tính chống chịu với thức ăn nghèo dinh dưỡng và

khí hậu nóng ẩm của nó. Nhiều dự án đang tập trung để khắc phục nguy cơ mất giống lợn ỉ. Lợn ỉ dễ nuôi, thịt thơm ngon, tạp ăn, ăn nhiều, sử dụng tốt các loại thức ăn nghèo dinh dưỡng phù hợp với điều kiện của địa phương như: cám xát, khoai lang, dây lá lang, rau muống già, bèo, thân cây chuối, thích nghi với khí hậu nhiệt đới, lấm nắng, mưa nhiều nhưng ít bệnh. Thời gian sinh sản kéo dài, có con 8 - 10 năm.

5. Kỹ thuật và môi trường nuôi dưỡng

Nuôi lợn cái ỉ hậu bị và lợn nái ỉ sinh sản với thức ăn là cám gạo, bột ngô, bột khoai lang khô và khoai lang tươi; rau xanh là rau khoai lang, rau muống, bèo tây, bèo cái, thân cây chuối v.v... không có bổ sung protein kể cả lợn nái ỉ cho phối tinh lợn ngoại. Các loại thức ăn ổn định, chủ yếu là những phụ phẩm nông nghiệp, là thức ăn cổ truyền.

Bảng 4: Khẩu phần ăn ở cái ỉ hậu bị nuôi ở gia đình

Tháng tuổi	Khối lượng lợn (kg)	ĐT	Cám gạo (kg)	Bột ngô, khoai (kg)	Rau xanh (kg)
3	5-Aug	0,55	0.40	0,03	1.2
4	Sep-13	0,75	0.50	0.07	1.8
5	14 - 19	0.95	0.60	0.07	2.8
6	20 - 26	1.20	0.70	0.10	4.0
7	27 - 33	1,45	0,90	0,05	5,0
8	34 - 41	1.70	1,15	0,05	5,0

Bảng 5: Khẩu phần ăn của lợn nái i chữa nuôi ở gia đình

Thời gian chữa	ĐT	Cám gạo (kg)	Bột ngô, khoai (kg)	Rau xanh (kg)
3 tháng đầu	1,2	0,8	0,1	3,0
3 tuần 3 ngày cuối	1,4	1,0	0,25	2,0

Bảng 6: Lợn nái nuôi con

Thời gian nuôi con	ĐT	Cám gạo (kg)	Bột ngô, khoai (kg)	Rau xanh (kg)
Nuôi con tháng thứ 4	2,4	1,5	0,4	5
Nuôi con tháng thứ 2	2,7	1,6	0,5	6

** Nguyễn Như Cương và cộng sự*

NUÔI CHIM TRĨ ĐỎ

1. Nguồn gốc xuất xứ

Phân bố

Đây là một loài định cư và đặc biệt, các tài liệu còn ghi nhận rằng đó là loài "đã trở nên hiếm" giống chim quý vốn là đặc sản nước Nam này. Hiện nay chim trĩ đỏ tồn tại ở

Rừng quốc gia Nam Cát Tiên (Lâm Đồng); khu bảo tồn U Minh Thượng (Kiên Giang); khu bảo tồn thiên nhiên Phong Điền (Thừa Thiên Huế).



Trĩ đỏ là một loại động vật hoang dã trước đây ở Việt Nam chỉ được tìm thấy tại Cao Bằng và Quảng Ninh. Bởi vậy, cái tin ở Đà Lạt (Lâm Đồng) có một

người đã tìm thấy và nhân giống thành công loài động vật này khiến cho dư luận đặc biệt quan tâm.

Người đó là anh Trần Đình Nhơn ở số nhà 39/1 đường Mê Linh, TP Đà Lạt. hiện là một cán bộ ngành lâm nghiệp, công tác tại Trung tâm Phát triển lâm nghiệp thuộc Sở NN&PTNT Lâm Đồng.)

Theo các tài liệu khoa học, trĩ đỏ có tên khoa học là *Phasianus colchicus* Common Pheasant. Đây là một loài định cư và đặc biệt, các tài liệu còn ghi nhận rằng đó là loài "đã trở nên hiếm" đó là trĩ đỏ"

2. Đặc điểm sinh học

Đây là loài chim quý hiếm có tên trong Sách đỏ Việt Nam, chúng có bộ lông rất đẹp. Chim trống mào đỏ và bộ lông óng mượt khá đẹp màu xanh lục ở đầu, họng và trước cổ, phần lông còn lại có màu nâu hung đỏ hay nâu -vàng. Chiều dài thân con trống trưởng thành từ 70 - 90cm Chim mái có bộ lông vân nâu, điểm các chấm đen.hay màu xám mốc, mào thấp... Con mái có kích thước nhỏ hơn. Trĩ đỏ có bộ lông óng mượt khá lạ: vàng, có điểm đen nhạt đỏ, xanh, trắng, còn non quá không biết nó là trĩ hay chỉ là chim cun cút (chim trĩ với chim cun cút khi còn non khá giống nhau, rất khó phân biệt) vài tháng sau mới xác định được đó là trĩ đỏ".

Thức ăn của trĩ cũng... giống thức ăn cho gà: cám tổng hợp, ngô, lúa xay, rau xanh, cỏ...

3. Khả năng sản xuất

Một điều đáng lưu ý là trĩ đò lớn rất nhanh và có khả năng đề kháng rất cao. Chim trĩ ít mắc bệnh, theo kinh nghiệm nuôi trĩ của anh Trần Đình Nhơn (ở 39/A1 Mê Linh, phường 9, TP Đà Lạt cho biết chưa thấy con nào mắc bệnh, "ngoại trừ một con trúng gió, chỉ cần xát dầu, giã ngải cứu cho uống là khỏi ngay"

Chỉ cần nuôi đến 8 tháng là trĩ mái bắt đầu đẻ trứng, đẻ liên tục bình quân khoảng hơn 60 trứng, sau đó nghỉ một thời gian khoảng 2 tháng để thay lông rồi lại tiếp tục đẻ

Nuôi nhốt trong điều kiện thiếu các phương tiện ấp trứng nhân tạo thì khó thành công. mỗi con mái trưởng thành trong một năm có khả năng đẻ trung bình 100 quả trứng. Với điều kiện hiện nay (lò ấp...)

Chu kỳ đẻ của chim mái : 60 - 70 trứng.

Chim trĩ đở không còn nhớ bản năng ấp cả, phải nhờ gà ri ấp hộ, tỉ lệ ấp nở thành công tới hơn 60%. Trĩ đở đẻ mỗi năm hai lứa, mỗi lứa có khi đến 40-50 trứng có màu đất sét. Nếu được ăn đầy đủ, thêm côn trùng, mỗi con trĩ đờ mái có thể đẻ đến hai trứng mỗi ngày. Tuy nhiên, chỉ có khoảng 50% số trứng có khả năng nở con. Chỉ khi chúng lớn, gần trưởng thành mới phân biệt được con trống con mái.

Chim trĩ đỏ đã sinh đẻ và phát triển rất tốt trong điều kiện khí hậu khô mát

Loài chim đang có nguy cơ tuyệt diệt đã sinh đẻ và phát triển tốt trong môi trường nhân tạo, và nuôi chúng, theo lời anh Nhơn "có tốn kém hơn một chút nhưng chẳng khác nuôi gà là mấy". Cái khó nhất ở trĩ là loài chim sinh sản nhanh nhưng không có khả năng ấp trứng. Do đó, nuôi nhốt trong điều kiện thiếu các phương tiện ấp trứng nhân tạo thì khó thành công

4. Giá trị kinh tế

Trước mắt, đàn trĩ này đang là nguồn cung cấp quan trọng cho các khu bảo tồn, vườn bách thú trong cả nước

Ít người biết được rằng, trĩ đỏ - giống chim quý đã được Bộ Tài nguyên Môi trường xếp vào sách Đỏ VN do số lượng bị sụt giảm nguyên trọng vì săn bắn quá mức - đang được một người dân TP Đà Lạt nuôi như nuôi... gà; nhưng giá trị kinh tế và văn hoá nguyên trọng vì săn bắn quá mức - đang được một người dân TP Đà Lạt nuôi như nuôi... gà; nhưng giá trị kinh tế và văn hoá của chúng chắc chắn gấp hàng chục lần... gà. Mặc dù thịt trĩ đã được đánh giá là giàu protein, vitamin, calci, sắt... nhưng do tính chất quý hiếm và nhờ "ngoại hình" rất đẹp của chúng, nên hiện chim trĩ mới chỉ được nuôi làm cảnh chứ chưa đến nỗi săn như gà để làm thịt, trứng trĩ - tuy

chì lớn gấp 3. 4 lần so với trứng chim cú, nhưng rất thơm ngon

Trong y học cổ truyền, thịt chim trĩ được sử dụng như một vị thuốc; tính vị ngọt, bình. Công hiệu: bổ trung ích khí, tư bổ gan thận; chủ trị tỳ vị hư yếu, ít ăn. Mà giá một cặp trĩ đỏ giống hiện tại không phải là thấp (trung bình trên 1 triệu đồng). Bên cạnh đó, trứng cũng đang được thị trường rất ưa chuộng nên việc nuôi trĩ lấy trứng cũng là một khả năng trong tầm tay. Và điều quan trọng hơn tất cả là bảo tồn được nguồn gen cùng với việc đưa giống chim "đã trở nên hiếm" này vào phục vụ du lịch. Anh Nhơn cho biết

"Cửa hiếm là của quý" - giá trị kinh tế của trĩ đỏ thì khỏi phải nói giá mỗi con 2,5 - 3 tháng tuổi là 1.000.000 đồng, loại 6 tháng trở lên là 2.000.000 đồng, loại đang thời kỳ đẻ trứng là 3.000.000 đồng con, có giá tới 50 nghìn đồng/quả. mỗi con mái trưởng thành trong một năm có khả năng đẻ trung bình 100 quả trứng. Với điều kiện hiện nay (lò ấp...) của anh Nhơn thì mỗi năm anh có thể nhân từ mỗi con trĩ mái trưởng thành này khoảng 40 con trĩ con. "Việc nuôi chim cảnh đối với loài trĩ này hiện đang là một nhu cầu chắc chắn không nhỏ. Bên cạnh đó, trứng cũng đang được thị trường rất ưa chuộng nên việc nuôi trĩ lấy trứng cũng là một khả năng trong tầm tay. Cái khó nhất ở trĩ là loài chim sinh sản nhanh nhưng không có khả năng ấp trứng

5. Kỹ thuật và môi trường nuôi dưỡng

Điều thú vị nữa tuy đây là một trong những loài động vật hoang dã nhưng nếu nhân giống và nuôi trong môi trường nuôi nhốt thì giống trĩ vẫn lớn nhanh và khả năng cho thịt và trứng là hoàn toàn có thể. Hay nói như anh Nhơn "Nuôi trĩ để lấy trứng hoặc lấy thịt thì cũng chẳng khác gì mấy so với nuôi gà (chất lượng của thịt và trứng trĩ cao hơn rất nhiều so với gà)".

Trĩ đỏ là một loại động vật hoang dã trước đây ở Việt Nam chỉ được tìm thấy tại Cao Bằng và Quảng Ninh. Bởi vậy, cái tin ở Đà Lạt (Lâm Đồng) có một người đã tìm thấy và nhân giống thành công loài động vật này khiến cho dư luận đặc biệt quan tâm. Người đó là anh Trần Đình Nhơn ở số nhà 39/1 đường Mê Linh, TP Đà Lạt.

Anh Trần Đình Nhơn hiện là một cán bộ ngành lâm nghiệp, công tác tại Trung tâm Phát triển lâm nghiệp thuộc Sở NN&PTNT Lâm Đồng. Anh kể: "Tôi bắt đầu nuôi loại chim cảnh có tên là trĩ này từ năm 2000. Lúc đó, một người bạn đã tặng tôi một cặp trĩ trắng rất đẹp. Tiếp theo, có mấy người đồng bào dân tộc thiểu số ở Đa Sar (huyện Lạc Dương) mang ra "gà" bán cho tôi 3 con chim cảnh lạ còn non. Tôi đã mua nó với giá không rẻ nhưng điều quan trọng là vì 3 con này còn non quá không biết nó là trĩ hay chỉ là chim cun cút (chim trĩ với chim

cun cút khi còn non khá giống nhau, rất khó phân biệt) nên cảm thấy hơi ngại ngại. Nhưng may quá, vài tháng sau tôi xác định được đó là trĩ đỏ". Anh Nhơn cho biết, điều quan trọng nhất đối với anh lúc đó là làm thế nào để nhân giống loài chim cảnh quý hiếm này. Bắt đầu từ đó, anh đã lục tìm các tài liệu nói về chim trĩ để nghiên cứu và áp dụng vào thực tế. Và kết quả thật bất ngờ cho đến lúc này, anh có thể sản xuất hàng loạt con giống.

Mới đây, chúng tôi đã tìm đến nhà anh theo địa chỉ trên. Hôm chúng tôi đến, trong chuồng nuôi nhốt có đến 3 loài trĩ: Đỏ, trắng và xanh với số lượng tổng đàn đã lên đến khoảng 50 con, trong đó có 30 con mái (đa số đã trưởng thành và sắp trưởng thành). Chúng tôi quan sát: Trong chuồng lưới ở phía trước nhà, bầy trĩ có cảm giác như cái không gian ấy đã trở nên quá chật hẹp. Anh Nhơn bảo: "Đến lúc này tôi quả thực là không dám nhân giống nhiều vì chỗ nuôi nhốt không đảm bảo. Cũng đã có người đến "gạ" mua trĩ giống của tôi với giá khá hời nhưng hiện tôi chưa hoàn tất các thủ tục đăng ký nên không bán".

Anh Xiêm đã dùng máy ấp trứng nhân giống thành công chim trĩ trong điều kiện nhân tạo

Trĩ đỏ (tên khoa học: Phasianus colchicus) là loài động vật quý hiếm nằm trong Sách đỏ Việt Nam đang có nguy cơ tuyệt chủng. Từ hai cặp trĩ đỏ mua được ở Đà Lạt, anh Nguyễn Văn Xiêm (ở

phường 1, thị xã Bảo Lộc, Lâm Đồng) đã nuôi và nhân giống thành công giống chim này tại nhà. Hiện nay trong chuồng nhà anh có hơn 70 con chim trĩ đủ loại. Giá chim trống 1 tháng tuổi là 500.000 đồng/con, chim lớn đã trưởng thành giá 1,5 triệu đồng/con. Các trung tâm du lịch sinh thái, các khu bảo tồn, vườn quốc gia... và nhiều hộ gia đình đặt mua chim trĩ rất nhiều.

NUÔI GÀ LÔI

1. Giới thiệu giống

Theo một số tài liệu nghiên cứu thì gà lôi có 8 loài khác nhau gồm: Gà lôi trắng (white thunder fowl); Gà lôi lam mào đen (black crested blue thunder fowl); Gà lôi mào đen (black crested thunder fowl) (Nguyen, Le & Phillipps); Gà lôi lam mào trắng (white crested blue thunder fowl); Gà lôi mào trắng (white crested thunder fowl) (Nguyen, Le & Phillipps); Gà lôi lam đuôi trắng (white tailed blue thunder fowl) or Gà lừng (lung fowl); Gà lôi Hà Tĩnh (Ha Tĩnh thunder fowl) (Ha Tĩnh



is province in Central Vietnam) (Nguyen, Le & Phillips); Gà lôi hồng tía (rosy purple thunder fowl)

Phân bố

Trong đợt điều tra khảo sát tài nguyên rừng mới đây, KL tỉnh Bình Định đã phát hiện tại vùng rừng nguyên sinh An Lão - Vinh Thạnh có 4 đàn gà lôi hồng tía (*lophura diardi*) mỗi đàn có chừng 3-7 con. Cách đây khoảng 15 năm, gà lôi hồng tía có khá nhiều ở rừng Bình Định, gà lôi lam hồng tía ngoài những khu rừng thường xanh còn có mặt ở rừng thứ sinh ẩm ướt và cả rừng phục hồi với độ cao lên đến 800m. Do bị săn bắt dữ dội để làm chim cảnh, với việc khu vực sinh sống bị thu hẹp do nạn phá rừng, loài gà này được liệt vào danh sách truyện chủng trên khu vực. Gà lôi hồng tía là loài chim quý hiếm, từ năm 1992 sách Đỏ Việt Nam xếp vào bậc T (bị đe dọa, cần bảo vệ đặc biệt).

Khi đối chiếu theo tài liệu Nhận dạng động vật hoang dã bị buôn bán, cán bộ Hạt kiểm lâm huyện mới biết đây là giống gà lôi hồng tía có tên khoa học *Lophura diardi*,



được sách đỏ thế giới xếp vào bậc VU - nguy cấp

Gà lôi là giống chim quý hiếm cũng được tìm thấy tại khu bảo tồn của 1 tổ chức phi chính phủ Dakrong Quảng trị. Dự án bảo tồn sinh sống của loài chim quan trọng này ở Quảng Trị

Lê Văn Quý (hiện là Phó Chi cục Trưởng Chi cục Kiểm Lâm Quảng Trị) cho biết loài gà lôi lam mào trắng đ ược phát hiện lần thứ 2 ngày 30 tháng 12 năm 1996 nuôi bảo tồn tại Đakrông. loài Gà lôi lam mào trắng hiện nay đã trở thành Logo của Khu bảo tồn thiên nhiên Đakrông - Khu bảo tồn duy nhất trên Thế giới bảo tồn loài Gà lôi lam mào trắng. Gà lôi lam mào trắng (*Lophura edwardsi*) được Jean Delacour, nhà điều học người Pháp nghiên cứu và đặt tên vào năm 1923 từ 4 cá thể trống và mái được đem về từ rừng Quảng Trị. Suốt 80 năm qua, Đặc chủng này trừ Việt Nam. Gà lôi lam mào trắng thuộc họ Trĩ, bộ Gà hiện đang tồn tại ở rừng Quảng Trị và Thừa Thiên - Huế.

Tuy vậy sau khi phát hiện Gà lôi lam mào trắng tại rừng Hải Lăng, Hướng Hoá, Vĩnh Linh (Quảng Trị) đã kéo theo những chuyến điều tra, nói cách khác săn lùng loài Trĩ xanh (tiếng địa phương) này của hàng chục nhà khoa học của Pháp, Thụy Điển, Anh đến Quảng Trị từ cuối năm 1923 đến 1929. Kết quả sau 7 năm họ đã mang về châu Âu hàng chục cá thể để nghiên cứu và gây nuôi nhân tạo. Từ sau 1929, nhiều chuyến trở lại rừng để tiếp tục săn lùng loài Gà lôi này nhưng đã thất bại, họ cho rằng: Chúng đã bị

tuyệt chủng ngoài thiên nhiên? Vào các năm 1975 và 1976, Giáo sư Võ Quý, nhà khoa học hàng đầu về chim đã vài lần vào tận rừng A Lưới, rừng Hương Hoá tìm kiếm nhưng không có kết quả. Để bảo tồn loài chim quý này, Tổ chức bảo tồn chim quốc tế Birdlife International ở Hà Nội, đặc biệt là Hội Trĩ thế giới WPA đã tặng Việt Nam hai cặp Gà lôi lam mào trắng được nhân nuôi ở châu Âu vào năm 1994 với hi vọng sẽ phát triển và trả lại môi trường tự nhiên của chúng. Tiếp đó là hội thảo về bảo tồn loài Trĩ sao và Gà lôi lam mào trắng được tổ chức tại vườn quốc gia Bạch Mã - Thừa Thiên Huế vào năm 1996, bàn kế hoạch bảo vệ loài Trĩ sao và Gà lôi lam mào trắng.

Quảng Trị, từ những ngày còn nhập tỉnh Bình Trị Thiên cũng như khi lập lại tỉnh nhà, mọi thông tin về loài Gà lôi này hầu như không ai biết. Từ kết quả hội thảo từ vườn Bạch Mã, Chi cục Kiểm lâm Quảng Trị mới đặt vấn đề nghiên cứu đến loài chim quý này. Bất ngờ vào sáng 30/12/1996, anh Lê Văn Quý (hiện là Phó chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm Quảng Trị) vội vã tìm gặp chúng tôi như để "khoe" một báu vật mà anh vừa tìm được. Để chiếc xe máy đời 78 ở sân, tay xách chiếc bao cát và kéo chúng tôi ra phía sau nhà làm việc nói nhỏ: "Anh xem, chắc là con Gà lôi lam mào trắng". Khi được tận mắt chứng kiến, chúng tôi mới tin có thật một con Gà lôi lam mào trắng. Đó là con gà trống nặng cỡ 1,5kg mà anh đã bỏ

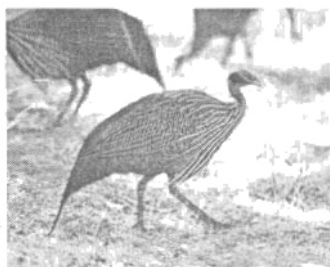
200.000đ (bằng một nửa chỉ vàng lúc ấy) để mua nó từ một thanh niên trong xã chuyên buôn động vật tươi sống. Anh ta mua con vật này ở bản Kreng, Hường Hiệp cùng với con mái nhưng do bị thương quá nặng vì sập bẫy nên nó đã chết tại chỗ. Vậy là sau gần 70 năm, sau Jean Delacour là anh Lê Văn Quý đã phát hiện lại loài Gà lôi lam mào trắng tại quê hương của chúng. Điều đó chứng tỏ sinh cảnh ở Quảng Trị còn phù hợp cho loài chim quý này tồn tại và phát triển. Cùng với việc nuôi nhốt, chăm sóc con gà trên, Chi cục Kiểm lâm Quảng Trị đã thông báo với tổ chức và các nhà khoa học. Qua sáu tháng nuôi nhốt, theo đề nghị của vườn thú Hà Nội và các nhà khoa học, Chi cục Kiểm lâm Quảng Trị đã bàn giao con gà trên với lệnh vận chuyển đặc biệt ra vườn thú Hà Nội. Tiếp đến là việc tuyên truyền tại các xã có rừng về bảo tồn loài Gà lôi lam mào trắng này. Anh Quý và các đồng nghiệp lại lặn lội lên tận xã biên giới A Bung, A Vao của Đakrông; ra tận Vĩnh Hà, Vĩnh Ô của Vĩnh Linh; lên Hường Lập, Hường Sơn của Hường Hoá để điều tra và tuyên truyền ở thôn, xã. Từ tín hiệu về loài Gà lôi lam mào trắng còn tồn tại ở rừng Quảng Trị, đặc biệt ở Đakrông. Tổ chức bảo tồn chim quốc tế Birdlife International đã phối hợp với viện điều tra quy hoạch rừng và Chi cục Kiểm lâm Quảng Trị tiến hành khảo sát đa dạng sinh học ở rừng Đakrông. Từ việc phát hiện con Gà lôi lam mào trắng đầu tiên vào năm 1996, năm 2000 chúng tôi

phát hiện thêm 4 cá thể gà này tại rừng Ba Lòng, Vĩnh Linh và Hải Lăng đã đặt ra yêu cầu cấp thiết xây dựng dự án về Khu bảo tồn nhằm bảo vệ sinh cảnh cho loài Gà lôi đặc hữu của thế giới sinh sống. Đáp ứng yêu cầu trên, một dự án Khu Bảo tồn thiên nhiên Đakrông được thực hiện với mục tiêu: "Bảo tồn sinh cảnh rừng núi thấp miền Trung và quần thể Gà lôi lam mào trắng". Giờ đây con Gà lôi lam mào trắng đã trở thành logo của

Khu Bảo tồn thiên nhiên Đakrông. gà lôi lam đuôi trắng, gà lôi lam mào trắng. Kết quả khảo sát cũng cho thấy, Khe Nét là nơi có nhiều loại gà lôi nhất Việt Nam, gồm 8 loài là gà lôi lam mào đen (hạng tối nguy cấp trong Sách Đỏ Thế giới), gà lôi lam đuôi trắng (hạng nguy cấp), gà lôi hồng tía, gà tiền mặt vàng, gà so Trung bộ, gà lôi trắng, gà anh Lê Văn Quý, người có công phát hiện lại loài Gà lôi lam mào trắng đóng góp cho lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên ở tỉnh ta. Kết quả khảo sát cũng cho thấy, Khe Nét là nơi có nhiều loại gà lôi nhất Việt Nam, gồm 8 loài là gà lôi lam mào đen (hạng tối nguy cấp trong Sách Đỏ Thế giới) Gà lôi lam mào đen thường sống trong các khu rừng thường xanh có độ cao dưới 200m, gà lôi lam đuôi trắng (hạng nguy cấp), gà lôi hồng tía, gà tiền mặt vàng, gà so Trung bộ, gà lôi trắng, gà lôi vằn và gà so ngực gụ. Loài Gà lôi Hà Tĩnh *Lophura hatinhensis*, Gà lôi mào đen *L. imperialis* là hai bảo tồn thiên nhiên Kê

Gỗ cùng với các vùng lân cận ở phía Bắc tỉnh Quảng Bình là khu vực duy nhất trên thế giới đã tìm thấy loài Gà lôi Hà Tĩnh.

Ngoài ra, vườn thú còn có gà lôi lam mào trắng, loài gà đặc hữu của Việt Nam, chỉ xuất hiện ở vùng Quảng Trị và Thừa Thiên Huế, giống gà lôi trắng, phân bố từ phía Bắc đến Nam Trung Bộ Việt Nam và vùng đông nam Trung Quốc. Theo số liệu gần đây thì Bà Nà - Núi Chúa có 544 loài thực vật, 266 loài động vật, trong đó có 44 loài động vật và 6 loài



Gà lôi mào đen

thực vật có tên trong Sách đỏ Việt Nam. Nơi đây tập trung các loài chim quý hiếm như gà lôi trắng, gà lôi lam mào trắng, gà lôi lông tía. Trên đỉnh núi Bà Nà có cây thông quỳ (thân cây cong như quỳ) khoảng gần trăm tuổi. Gà lôi lam mào trắng xuất hiện sau hơn 100 năm vắng bóng.

Gà lôi lam mào trắng. Loài đặc hữu này đã được các nhà tự nhiên học thế giới định loại ở bảo tàng Paris từ cuối thế kỷ 19 (1895) nhờ 3 mẫu giống lấy từ Quảng Trị. Nhưng mãi đến 28 năm sau, nhờ những người dân ở ven rừng tỉnh Quảng Trị, TS Jean Delacour đã nuôi thử nghiệm những con gà đầu tiên, vào năm 1923. Sau đó,

vào tháng 5/1924, ông đã đưa số gà này sang vườn thú Cleres của Pháp. Và ngày 23/3/1925, những quả trứng đầu tiên của GLLMT đã được đẻ ở vườn thú Cleres, rồi sau 21 ngày ấp, những con gà con đã bóc vỏ vẹn toàn. Từ vườn thú Cleres, đến tháng 4/1994, đã có 263 con GLLMT sinh sống trong 35 vườn thú và 9 trại chăn nuôi của gia đình ở 14 nước, chưa kể số gà được chuyển sang Đức, Mỹ và Hà Lan.

Trong các năm 1996, 1998, 2000, các nhà điều học trong nước và quốc tế, cùng với Tổ chức Bảo tồn thiên nhiên thế giới (WWF) đã tổ chức 3 đợt điều tra dài ngày, tại Phong Mỹ và các cuộc tìm kiếm đã cho kết quả như mong đợi: Họ đã nghe tiếng gà gáy, nhìn thấy chúng đập cánh bay trong sương mai và dấu vết chúng để lại ở những nơi trú ẩn ở những vạt rừng thấp, ẩm ướt, nhiều mùn bụi thuộc khu bảo tồn thiên nhiên Phong Điền..

Tìm lại giống gà quý sau 80 năm

Trong số này, đặc biệt nhất là loài gà lôi lam mào trắng chỉ phân bố duy nhất ở vùng giáp ranh giữa Thừa Thiên - Huế và Quảng Trị mà không có bất cứ nơi nào khác trong thiên nhiên trên toàn thế giới.

Gà lôi lam mào trắng (*Lophura edwardsi*) được Oustalet định loại từ năm 1895 nhưng phải đến 28 năm sau (1923), những mẫu sống của loài này mới được Pierre Jabouille nuôi nhốt tại Quảng Trị, sau đó nhà truyền đạo Renault đưa chúng về vườn thú Cleres (Pháp)

từ tháng 5-1923. Đến nay tại 35 vườn thú quốc gia và tư nhân ở 14 nước trên thế giới đang nuôi 263 cá thể loài gà này.

Sau năm 1923, các cuộc tìm kiếm loài gà quý này ngoài thiên nhiên vẫn được tiếp tục tại VN nhưng đến năm 1929 thì thông tin về chúng hoàn toàn không còn nữa. Sau 30-4-1975, đã có rất nhiều cuộc tìm kiếm gà lôi lam



*Gà so ngực gụ phát hiện tại
khu bảo tồn thiên nhiên
Phong điền vào tháng 8-1999*

mào trắng được thực hiện nhưng vẫn không mang lại kết quả cụ thể nào, khiến giới khoa học tin chắc rằng giống gà này đã bị tuyệt diệt trong thiên nhiên; thậm chí ủy ban bảo vệ loài gà lôi lam mào trắng đã được thành lập tại châu Âu để tìm cách bảo vệ, nhân giống chúng trong điều kiện nuôi nhốt.

Tháng 9-1995, nhân một hội thảo quốc tế về gà lôi lam mào trắng được tổ chức tại vườn quốc gia Bạch Mã, khoảng 5.000 tờ rơi với mô tả và nhận dạng cụ thể gà lôi lam mào trắng đã được dán khắp

các thôn, bản đồng bào các dân tộc ở huyện Phong Điền và A Lưới, nơi được xác định là vùng phân bố của chúng.

Cho đến đêm 26-8-1996, Chi cục Kiểm lâm Thừa Thiên - Huế mới nhận được tin một nông dân tên Văn Công Vĩnh ở bản Hòa Bắc, xã Phong Mỹ, huyện Phong Điền đã bắt được một đôi gà được nhận dạng như trong tờ rơi. Đôi gà này lập tức được đưa về nuôi tại vườn quốc gia Bạch Mã và mẫu máu của cả con trống và con mái được gửi đến Viện Sinh học hoàng gia Đan Mạch.

Chưa đầy hai tuần sau, từ kết quả phân tích ADN, các nhà khoa học đã xác định đó chính là gà lôi lam mào trắng. Sau đó, liên tiếp các cuộc khảo sát hiện trường được Quỹ Quốc tế về bảo vệ thiên nhiên (WWF) và Birdlife International thực hiện tại nơi ông Văn Công Vĩnh bắt được đôi gà này, và đã có thêm những bằng chứng cho thấy loài gà lôi lam mào trắng đang có cơ hội phát triển tại đây. Chuyến khảo sát cuối cùng vào năm 2001 cho thấy số lượng loài gà quý này quanh khu vực rừng giáp ranh giữa Quảng Trị và Thừa Thiên - Huế đã lên đến gần trăm cá thể. Như thế, sau gần 80 năm tưởng như đã bị tuyệt diệt trong thiên nhiên, loài gà quý này lại được tìm thấy.

Hiện tại khu vực được xác định là vùng sống của gà lôi lam mào trắng đã được qui hoạch để

thành lập khu bảo tồn thiên nhiên Phong Điền và khu bảo tồn thiên nhiên Đakrông (Quảng Trị). Vùng rừng này còn là vùng sống của các loài gà đặc hữu quý hiếm khác như gà tiến mặt vàng, gà so Trung bộ, gà so ngực gụ, trĩ sao... Tổ chức Birdlife International xếp hạng đây là vùng chim quan trọng có giá trị toàn cầu (IBA).

NHỮNG LOÀI GÀ QUÝ TẠI VƯỜN THÚ HÀ NỘI

Vườn thú Thủ Lệ, Hà Nội, nơi bảo tồn và nhân giống những động vật quý hiếm đồng thời là địa điểm du lịch hấp dẫn của thành phố, đang nuôi dưỡng gần 10 loài thuộc bộ gà, trong đó có 6 loài đặc biệt quý hiếm.

Gà lôi lam đuôi trắng, giống gà đặc hữu của Việt Nam, được vườn thú Hà Nội nuôi dưỡng từ năm 1990 và nhân giống thành công từ năm 1992. Đến nay giống gà này đã có mặt tại 34 vườn thú trên thế giới và được nhân giống tại nhiều cơ sở nhân giống của châu Âu và châu Á.

Ngoài ra vườn thú còn có gà lôi lam mào trắng, loài gà đặc hữu của Việt Nam, chỉ xuất hiện ở vùng Quảng Trị và Thừa Thiên Huế, và giống gà lôi trắng, phân bố từ phía Bắc đến Nam Trung Bộ Việt Nam và vùng đông nam Trung Quốc. Tiếp đó là gà lôi hồng tía, với mào lông màu lam ánh thép và đỏ tía ở phía trên hồng gà trống, và gà tiền mặt vàng với những đốm lông giống như đồng tiền xu, phân bố tại vùng rừng núi từ phía Bắc đến Quy Nhơn.

1. Đặc điểm ngoại hình

Gà trống nặng 1 kg có bộ lông rất đẹp. Con trống đầu nhỏ có màu lông đen ánh thép. Bộ lông ở vùng cổ,

ngực, bụng và đùi có màu đen bóng, nhưng phía sau cổ, lưng, cánh và đuôi có màu trắng bạc điểm vằn đen. Đặc biệt là lông đuôi dài như lông công phủ xuống, nhưng chỉ mang một màu trắng bạc có điểm tuyết các viền đen bóng. Con mái có mào ngắn màu đen, mặt lưng lông màu xám xanh, lông đuôi đen có điểm những vệt trắng ngà. Cả con trống có mái đều có mắt.

Gà lôi trắng, thật đẹp với một bộ lông trắng bạc óng ánh, đỏ nâu, da mặt và da chân màu đỏ tía (xem tem Paraguay và tem 40xu VN bộ “Chim lông đẹp”).

Gà lôi lam mào trắng (GLLMT), tên khoa học là *Lophura Edwardsi* thuộc họ trĩ, một loài đặc hữu quý hiếm của Việt Nam. Chúng có hình dáng giống như loài chim trĩ nhưng được khoác bộ áo lông lẩy, lông màu xanh tím lấp lánh ánh thép, mào lông trắng (gà trống) màu nâu gụ (gà mái) chân đỏ tía, da mặt đỏ thẫm, mỏ như chiếc sừng nhỏ màu đen.

Gà lôi hồng tía, với mảng lông màu lam ánh thép và đỏ tía ở phía trên hông gà trống, và gà tiền mặt vàng với những đốm lông giống như đồng tiền xu, phân bố tại vùng rừng núi từ phía Bắc đến Quy Nhơn, cả hai loại gà này VN thường chỉ được tìm thấy phổ biến tại vùng núi bắc miền Trung.

2. Khả năng sản xuất

Giống gà này hiện nay đã được đưa về nuôi ở vườn thú với số lượng rất ít nên chưa có vườn thú nào theo dõi sâu về khả năng sinh sản và phát triển của nó. Nhưng

chủ mới chỉ phát hiện phân lớn ở các khu vùng phía Bắc nước ta, gà lôi mào đen chúng sống ở trong các khu rừng thường xanh có độ cao dưới 200m. Gà lôi lam hồng tía ngoài những khu rừng thường xanh còn có mặt ở rừng thứ sinh ẩm ướt và cả rừng phục hồi với độ cao lên đến 800m.

3. Giá trị kinh tế

Gà lôi đóng góp vào lĩnh vực bảo tồn sinh học thiên nhiên rừng của nước ta. Gà lôi lam mào trắng, loài gà đặc hữu của Việt Nam, chỉ xuất hiện ở vùng Quảng Trị và Thừa Thiên Huế, và giống gà lôi trắng, phân bố từ phía Bắc đến Nam Trung Bộ Việt Nam và vùng đông nam Trung Quốc.

Khu Bảo tồn thiên nhiên Đakrông được thực hiện với mục tiêu: "Bảo tồn sinh cảnh rừng núi thấp miền Trung và quần thể Gà lôi lam mào trắng". Giờ đây con Gà lôi lam mào trắng đã trở thành logo của Khu Bảo tồn thiên nhiên Đakrông

4. Môi trường và kỹ thuật chăm sóc nuôi dưỡng

Gà lôi hiện nay vẫn đang còn là động vật hoang dã, ở nước chưa có nơi nào và kể cả vườn thú Hà nội cũng chưa theo dõi kỹ càng để rút ra quy trình chăm sóc nuôi dưỡng gà lôi

NUÔI LỢN SÓC

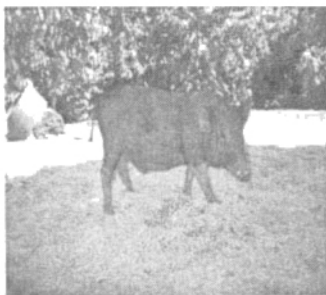
1. Giới thiệu giống

Lợn Sóc thuộc lớp động vật có vú (Mammalia), bộ guốc chẵn (Artiodactyla), họ Suidae, chủng Sus, loài *Sus domesticus*, nhóm giống lợn Sóc. Lợn sóc là giống lợn thuần được nuôi phổ biến trong khu vực buôn làng đồng bào vùng Tây Nguyên, dân địa phương thường gọi là "heo Sóc", "heo Đê".

Phân bố

Trước kia, lợn Sóc được nuôi ở hầu hết các buôn làng của đồng bào các dân tộc Êđê, Gia-rai, Bana, Mơnông... ở 4 tỉnh Lâm Đồng, Đaklak, Gia Lai, Kon-tum. Ngày nay số lượng và phân bố thu hẹp dần bởi sự xâm nhập của các giống lợn khác và lợn lai

Số lượng ước tính khoảng 5000 lợn trưởng thành đang được nuôi rải rác trong các buôn làng vùng sâu vùng xa, còn các vùng quanh đô thị phần lớn đã bị lai tạp



2. Đặc điểm ngoại hình

Hình dáng lợn Sóc rất gần với lợn rừng, tầm vóc nhỏ, mõm dài, hơi nhọn và chắc, thích hợp đào bới kiếm thức ăn. Da dày, mốc, lông đen, dài, có hờm dài và dựng đứng. Chân nhỏ, đi bằng móng rất nhanh nhẹn.

3. Khả năng sản xuất

3.1. Khả năng sinh trưởng

Lợn Sóc có tầm vóc nhỏ, dáng hoang dã, thích nghi với việc thả rông tự tìm kiếm thức ăn. Tốc độ sinh trưởng chậm và phụ thuộc nhiều vào nguồn thức ăn kiếm được. Khối lượng ở 1 năm tuổi chỉ đạt 30-40 kg, tăng trọng chỉ khoảng 100g/ ngày. Rất nhiều việc phải làm như chọn lọc, nuôi dưỡng tốt mới mong nâng tầm vóc và khả năng sản xuất của giống lợn này.

Bảng 1: Khối lượng cơ thể trong điều kiện thả rông và nuôi nhốt

Tháng	Thả rông		Nuôi nhốt	
Tuổi	N (con)	Khối lượng (kg)	N (con)	Khối lượng
2	200	3,85	12	4,15
6	200	17,45	12	19,42
12	100	30,57	12	40,42
24	100	50,87	-	

3.2. Khả năng sinh sản

Do còn hoang dã hoặc nuôi nhốt trong điều kiện ít được chăm sóc, lợn Sóc có tuổi thành thục về tính muộn.

thời gian động dục lại sau đẻ dài dẫn đến khoảng cách hai lứa đẻ dài, thường chỉ được 1,1 - 1,2 lứa/ năm . Số con đẻ ra một lần ít. Do thả rông và giao phối tự do, nên hiện tượng phối giống cận huyết là không tránh khỏi.

Bảng 2: Một số chỉ tiêu sinh sản của lợn Sóc

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả
Tuổi động dục lần đầu	Tháng	6-9
Tuổi đẻ lần đầu	Tháng	10-15
Số con đẻ ta/lứa	Con	6-10
Khối lượng sơ sinh	kg	0.4-0,45

3.3. Khả năng cho thịt

Do được nuôi thả rông thiếu dinh dưỡng, ít tích lũy mỡ, tỷ lệ nạc của lợn Sóc khá cao so với nuôi nhốt, mặc dù nuôi nhốt có khối lượng cơ thể lớn hơn, tỷ lệ thịt xẻ cũng khá hơn.

Bảng 3: Các chỉ tiêu chất lượng thịt với hai phương thức nuôi

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Nuôi nhốt	Thả rông
Số lượng mỡ khảo sát	Con	3	3
Khối lượng giết mổ	Kg	40,55	35,33
Tỷ lệ thịt xẻ	%	77,74	75,00
Tỷ lệ nạc/thịt xẻ	%	34,38	43,79

4. Hiệu quả kinh tế của lợn sóc

Hiện nay một số tổ chức và cá nhân đang tiến hành nuôi nhân giống và sản xuất thịt lợn sóc để cung cấp cho

thị trường (xin lưu ý: lợn sóc rất khác lợn rừng thuần chủng - Cty Anfa). Ngoài lợn rừng thuần chủng, lợn sóc cũng được đánh giá là loại thịt đặc sản có khả năng thu hút giới ẩm thực sành điệu.

Nuôi lợn sóc, theo đánh giá của chúng tôi, sẽ trở thành chương trình làm kinh tế đặc thù rất đáng được quan tâm.

5. Môi trường và kỹ thuật chăm sóc nuôi dưỡng

Có khả năng chui rúc và đào bới, tự kiếm thức ăn trên các loại địa hình khác nhau. Có khả năng làm tổ, đẻ con và nuôi con nơi hoang dã không cần sự can thiệp của con người. Thích nghi tốt với điều kiện tự nhiên ở Cao Nguyên với độ cao > 500m so với mặt biển, khả năng chống đỡ bệnh tật cao, nhanh nhẹn, sống thả, ít phụ thuộc vào sự cung cấp của con người .

Lợn Sóc là giống lợn rất lâu đời và duy nhất được dân địa phương nuôi, rất gắn bó với đời sống kinh tế và văn hoá của đồng bào Tây Nguyên.

NUÔI LỢN VÂNPA Ở TỈNH QUẢNG TRỊ

1. Giới thiệu giống

Phân bố

Giống lợn VânPa được phân bố rải rác dọc theo dải Trường Sơn tập trung ở 32 xã của 2 huyện Hướng Hoá, Đakrong và 3 xã của 2 huyện Vĩnh Linh và Gio Linh.

Lợn VânPa sống ở điều kiện khí hậu hết sức khắc nghiệt, giữa hai mùa mưa và khô có biến động lớn về nhiệt độ và ẩm độ. Mùa nắng nóng thường bắt đầu từ tháng 1 đến tháng 6 ở Hướng Hoá, đến tháng 7 ở Đakrong nhiệt độ bình quân của tháng 6 và tháng 7 trên 300C, có những ngày nhiệt độ lên đến gần 400C, lại bị ảnh hưởng của gió Lào nên nắng nóng hanh khô kéo dài (biên độ dao động nhiệt giữa ngày và đêm ở mùa hè rất lớn).

Phương thức chăn nuôi rất lạc hậu, nhưng những giống lợn ở đây vẫn tồn tại và phát triển tự nhiên, có khả năng chống chịu cao đối với các điều kiện sinh sống khắc nghiệt cũng như khả năng kháng bệnh tật, thịt thơm ngon, là nguồn gen quý hiếm cần phải được bảo tồn.

Hơn nữa, do quá trình phát triển của xã hội và con người làm cho địa bàn phân bố các giống lợn này ngày càng bị thu hẹp dần có nguy cơ bị tuyệt chủng. Vì vậy việc bảo tồn và nghiên cứu khả năng sinh trưởng và phát triển lợn Vânpa (mini) ở Quảng Trị là một việc làm hết sức cần thiết.

Mùa mưa thường bắt đầu từ tháng 7 đến tháng 1 năm sau, mưa dầm kèm theo gió mùa Đông Bắc, độ ẩm từ tháng 8 đến tháng 12 chiếm bình quân 90 - 92% .

Giống lợn Vânpa (mini) được nuôi ở vùng dân tộc Pakô, Vân Kiều, trình độ dân trí thấp, đời sống kinh tế khó khăn, tập quán chăn nuôi hết sức lạc hậu, lợn được nuôi theo phương thức thả rông, hầu hết không có chuồng trại, lợn trú ngụ dưới gốc cây vào mùa nắng, tư tìm kiếm thức ăn là chủ yếu, ốm đau không chữa trị, giết thịt lúc cứng giò

2. Đặc điểm ngoại hình

Giống lợn không rõ nguồn gốc hiện nay ở vùng này có 2 loại giống lợn mang màu sắc khác nhau.

+ Giống lợn màu đen, đầu hơi to, mõm nhọn, tai nhỏ, thân hình ngắn, bụng hơi to, trọng lượng lợn trưởng thành khoảng 30-35 kg.

+ Giống lợn khi nhỏ có sọc thoir vàng lớn lên chuyển thành màu tro hơi ánh vàng. Đây có thể là giống lợn đen được phối giống với lợn rừng hình thành con giống này, đầu nhỏ thanh, mõm nhọn cơ thể cân đối, bụng gọn, trọng lượng trưởng thành khoảng 40 kg.

Giống lợn Vânpa có 2 loại, một là giống lợn màu đen, đầu hơi to, mõm nhọn, tai nhỏ, thân hình ngắn, trọng lượng lợn trưởng thành khoảng 30-35kg. Hai là giống lợn khi nhỏ có sọc thưa vàng, lớn lên chuyển thành màu tro hơi ánh vàng. Đây có thể là giống lợn đen được phối giống với lợn rừng hình thành con giống này, đầu nhỏ thanh, mõm nhọn, cơ thể cân đối, bụng gọn, trọng lượng trưởng thành 40kg. Giống lợn Vânpa được nuôi ở vùng dân tộc Vân Kiều, Pa Cô thuộc các địa bàn Hướng Hoá, Đakrông.

Ưu điểm của loại giống lợn Vânpa là có khả năng chống chịu cao đối với các điều kiện sinh sống khắc nghiệt cũng như khả năng kháng bệnh tật, thịt lại thơm ngon, tỷ lệ nạc không kém các giống ngoại nhập, cơ thể phát triển sản xuất lớn nếu kết hợp với các trang trại trồng cây lâm nghiệp và cây ăn quả

3. Khả năng sản xuất

3.1. Một số chỉ tiêu sinh trưởng và phát dục của lợn Vânpa quần Trĩ

Bảng 1: Khả năng sinh trưởng và phát triển của giống lợn Vânpa ở Quảng Trĩ

Chỉ số thống kê chỉ tiêu theo dõi	x	Sx	CV%
Trọng lượng 3 tháng tuổi (kg)	4,5	0,32	7,1
Trọng lượng 4 tháng tuổi (kg)	6,3	0,78	12,4
Trọng lượng 5 tháng tuổi (kg)	7,5	0,54	7,2
Trọng lượng 6 tháng tuổi (kg)	9,4	0,71	7,5

Chỉ số thống kê chỉ tiêu theo dõi	\bar{x}	Sx	CV%
Trọng lượng 7 tháng tuổi (kg)	12,5	0,82	6,5
Trọng lượng 8 tháng tuổi (kg)	15,2	0,84	5,0
Trọng lượng 12 tháng tuổi (kg)	23,5	0,9	3,9

3.2. Khả năng sinh sản

Bảng 2: Một số chỉ tiêu phát dục của giống lợn nái Vânpa

Chỉ số thống kê - Chỉ tiêu theo dõi	ĐV tính	\bar{x}	Sx	CV%
Tuổi đồng dục lần đầu	Ngày	235	11,39	4,84
Trọng lượng đồng dục lần đầu	Kg	15	0,83	5,523
Thời gian cai sữa	Ngày	60	0,78	1,3
Thời gian động dục lại sau tách con	Ngày	10	0,64	6,4
Chu kỳ động dục	Ngày	20,5	0,52	2,5

Bảng 3: Một số chỉ tiêu về sinh sản của giống lợn nái Vânpa

Chỉ số thống kê- chỉ tiêu theo dõi	ĐV tính	\bar{x}	Sx	CV%
Số con đẻ ra/lứa	Con	8,5	0,61	7,18
Số con con sống đến cai sữa	Con	6	0,43	7,17
Trọng lượng sơ sinh	Kg	0,25	0,02	8,0
Trọng lượng cai sữa	kg	3,5	0,32	8,58

Trọng lượng lợn bố mẹ nặng 35kg và bắt đầu đẻ con, bình quân mỗi năm một con lợn nái sinh được 2 lứa, 1 lứa từ 6- 8 con

4. Giá trị kinh tế

Số lợn con này được cung ứng cho các trang trại chăn nuôi trong vùng. Đặc biệt giống lợn này đã được Bộ NN-PTNT đưa vào bộ ATLAT "Những giống lợn Việt Nam", đưa vào danh sách những giống bảo tồn và đang có chương trình nhân rộng và phát triển

Lợn VânPa là có khả năng chống chịu cao đối với các điều kiện sinh sống khắc nghiệt cũng như khả năng kháng bệnh tật, thịt lại thơm ngon, tỷ lệ nạc không kém các giống ngoại nhập, có thể phát triển sản xuất lớn nếu kết hợp với các trang trại trồng cây lâm nghiệp và cây ăn quả...

5. Kỹ thuật và môi trường nuôi dưỡng

Nguồn thức ăn

Thức ăn của lợn chủ yếu là các loại củ quả như sắn, khoai, các loại rễ cây, rau cỏ, chuối mà lợn có thể tự tìm kiếm được trong rừng, ven suối...v.v... nguồn thức ăn đậm chủ yếu là giun đất và các loại côn trùng khác.

Con người thường chỉ cắt chuối và một ít sắn trộn lẫn đặt ở dưới nhà sắn.

Hàng ngày chỉ 2 lần cho lợn uống nước và ăn thêm cám, bã sắn và sử dụng theo phương thức nuôi thả rông nuôi theo phương thức thả rông, không có chuồng trại, trú ngụ chủ yếu là dưới gốc cây vào mùa nắng và tự tìm kiếm thức ăn. Thức ăn chủ yếu là các loại củ quả như sắn, khoai, các loại rễ cây, rau cỏ, chuối rừng, hay ven suối, giun đất và các loại côn trùng khác

NUÔI NHÍM

1. Giới thiệu giống

Nhím thường sống ở vùng đồi núi, những nơi có nhiều cây cối, rừng rậm. Chúng phân bố ở khá nhiều vùng, các nghiên cứu trước đây cho thấy nhím có ở các tỉnh miền Bắc, đến nay đã phát hiện sự xuất hiện của chúng ở nhiều vùng miền Nam như Khánh Hoà, Đắk Lắk, Đồng Nai, Bình Phước..., chúng tỏ nhím thích nghi được với khí hậu và thổ nhưỡng của nhiều vùng trên đất nước ta

2. Đặc điểm sinh học

Theo dõi từ cặp nhím tình cờ mua được, anh ẩn đã ghi chép lại qui trình sinh sản. Cặp nhím con đầu tiên khi lọt lòng khoảng 100gr. Sau 8 -



10 tháng nuôi, nhím con đạt trọng lượng 8 -10kg/con và bắt đầu chịu đực phối giống. Cứ thế mỗi năm 2 lần, nhím mẹ tiếp tục đẻ từ 1 đến 2 nhím con cho mỗi lần sinh nở. Nhờ vậy, nhiều thế hệ nhím đã ra đời để đến hôm nay, đàn nhím của anh ẩn đã lên đến hơn 50 con.

Nhím ăn ngày 3 bữa nhưng đặc biệt ăn nhiều về đêm. Thức ăn là các loại củ quả, ngũ cốc, rau xanh. Những thứ này ở nông thôn, ngoại thành đất rộng ai cũng có thể tự tạo thức ăn cho nhím. Về chuồng trại chỉ cần giữ vệ sinh tốt, thông thoáng đầy đủ ánh sáng, không khí. Chăm sóc nhím không cầu kỳ như heo, bò. Mỗi ngày quét dọn chuồng một lần. Quá trình nuôi nhím, anh ẩn chưa hề thấy xảy ra một trường hợp đau bệnh nào. Vì vậy, anh ẩn đi đến kết luận nuôi nhím rất kinh tế vì giá nhím giống hiện nay được bán ra từ 3 đến 5 triệu đồng một cặp. Riêng nhím thịt nếu nuôi tốt trong 1 năm có thể lên đến 15kg/con cũng đã có giá 150 ngàn/1kg hơi. Tuy nhiên hiện còn đang trong thời kỳ phát triển để nhân rộng, anh ẩn chưa chịu xuất chuồng một con nhím nào. Theo anh đến lúc lên hàng trăm con, mới có nhím xấu để bán thịt, nhím tốt bán giống và trao đổi với các nhà chăn nuôi khác một số nhím đực để tránh sự trùng huyết khi phối giống làm thoái hoá đàn nhím.

Sau gấu, nai, trăn, cá sấu đến nay nhím là một loài thú rừng được nuôi như gia súc. ở Cù Chi, nhiều hộ khác như hộ ông Phạm Ngọc Tuấn ở Bến Đình, bà Nguyễn Thị Mỹ ở Bình Mỹ và tại Hóc Môn, anh Trần Văn Thời (xã Thới Tam Thôn) đã sở hữu hàng trăm con nhím. Ước muốn của nhà chăn nuôi mong có được những ý kiến của các nhà khoa học giúp thêm kiến thức để hoàn thiện qui trình nuôi nhím.

Hầu hết những người nuôi nhím đều có một trăn trở chung là hiện nay pháp lệnh bảo vệ động vật hoang dã đang là rào cản cho việc phát triển đàn nhím trong nhân dân. Họ hy vọng sẽ có một hành lang pháp lý, cho phép những người nuôi nhím được vận chuyển, mua bán, trao đổi và thậm chí giết mổ thì quý mô phát triển ngành chăn nuôi mới mẻ độc đáo này mới có cơ hội lan đi khắp nơi.

3. Khả năng sản xuất

Nhím trưởng thành 8-10 tháng, đạt trọng lượng bình quân 8-10 kg/con mỗi bắt đầu sinh sản. Nhím cái động dục 1-2 ngày mới cho nhím đực phối giống suốt ngày lẫn đêm. Thời gian có thai 3 tháng (90-95 ngày) thì đẻ, mỗi lứa đẻ từ 1-3 con, thường là 2 con, trọng lượng sơ sinh bình quân 100 gr/con. Nhím thường đẻ vào ban đêm, nhím con mới đẻ ra kêu lút chít như chuột. Nhím mẹ không chỉ cho con mình đẻ ra bú mà còn cho cả những con không phải mình đẻ ra bú bình thường. Nhím mẹ sau khi đẻ 3 ngày là chịu đực và cho phối giống cho chu kỳ sinh sản tiếp theo. Nhím con mới đẻ trong vòng 1-2 tháng đầu, lông còn mềm và rất hiền, ta có thể bắt lên xem để phân biệt đực cái, đánh dấu theo dõi về sau. Nhím con theo mẹ tăng trọng nhanh, bình quân 1 kg/con/tháng, sau 1 tháng thì nhím con biết ăn, sau 3 tháng thì cai sữa, đạt trọng lượng bình quân 3 kg/con. Nhím con sau cai sữa, nếu chăm sóc nuôi dưỡng tốt có thể đạt trọng lượng bình quân 1 kg/con/tháng. Nếu trong đàn có nhím đực sắp trưởng thành (5-6 tháng) thì phải

tách đàn nuôi riêng, nếu không nhím bố sẽ tấn công cho đến chết mới thôi (đó là qui luật tự nhiên để bảo tồn nòi giống). Tỷ lệ đực cái thích hợp là 1/8-10.

4. Giá trị kinh tế

Nhím dễ nuôi, ít dịch bệnh, nuôi dưỡng chăm sóc rất đơn giản, nhưng người nuôi cần biết, nhím cũng nằm trong danh mục động vật hoang dã, do vậy, phải có sự quản lý trong việc nuôi và vận chuyển, tiêu thụ. Vậy người nuôi cần liên hệ với chi cục kiểm lâm địa phương để biết thêm chi tiết.

Nhím là loài vật dễ nuôi, ít dịch bệnh, yêu cầu về chăm sóc, nuôi dưỡng cũng rất đơn giản. Hiện nay chưa có một nghiên cứu nào, một sách hướng dẫn nào được biên soạn giúp người dân thêm kiến thức để nuôi các loài động vật hoang dã quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng.

Nuôi nhím không đòi hỏi nhiều công sức và chi phí không cao. Nguồn thức ăn rất chủ động dễ tìm, dễ mua và có mua giá cũng rẻ

Tiếp chúng tôi trong gian chuồng trại vừa mới được nâng cấp, anh Ân, người trong địa phương quen gọi là Út Ân, vui mừng báo cho chúng tôi biết chỉ trong vòng một tháng nay, số nhím con của đàn nhím nhà anh đã tăng hơn 10 con. Anh cho biết trong suốt thời gian đi bộ đội, không ít lần anh đã ăn thịt nhím. Thịt nhím có mùi vị thơm ngon và nhất là bao tử nhím, một mặt hàng rất được ưa chuộng vì có được tính khá cao. từng cặp đồng thời anh cũng đang có kế hoạch biến 1ha đất vườn để

tiếp tục nhân rộng mô hình trang trại nuôi nhím giống vì thịt nhím nạc ngon, không hề có mỡ, giá cao đến 200.000đ/kg. Nuôi nhím còn dễ hơn cả nuôi lợn, thậm chí có thể nuôi cả trên sân thượng nhà cao tầng.

Hiện nay ở Việt Nam, thịt nhím đang hiếm vì nhím trong thiên nhiên bị săn bắt khá nhiều. Dân sành ăn vẫn ca tụng thịt nhím là ngon ngọt, giàu đạm, rất nạc, chắc và thơm, hơi giống thịt lợn rừng. Không chỉ ngon miệng người ăn, nhím còn là vị thuốc quý, nhiều công dụng. Mật nhím dùng chữa đau mắt, đau lưng và xoa bóp chấn thương. Thịt, ruột, gan và cả phân nhím dùng chữa bệnh phong nhiệt.

Nuôi nhím: Đầu tư ít, lợi nhuận cao

"Bản thảo cương mục" của Lý Thời Trân cho biết: dạ dày nhím vị ngọt, tính hàn, không độc; được sử dụng làm thuốc chữa bệnh dạ dày ở người. Theo GS-TSKH Đỗ Tất Lợi, dạ dày nhím còn có thể giải độc, mát máu, chữa lòi dom, di mộng tinh, nôn mửa, kiết lỵ ra máu... Người Trung Quốc rất coi trọng những công dụng này và thường xuyên tìm mua dạ dày nhím.

Hiệu quả kinh tế do nhím mang lại là rất lớn. Cơ sở nuôi nhím với quy mô trung bình của ông Phạm Ngọc Tuấn (Củ Chi, Tp.HCM) là một ví dụ. Ông Tuấn nuôi 60 con, trong đó có 40 con cái, mỗi tháng chỉ tính riêng tiền bán giống (2,5 triệu đồng/đôi), ông đã thu về hơn 10 triệu đồng. Thức ăn cho nhím chỉ lá những lá rau, củ thừa vương vãi thu nhặt ở các chợ, thật đúng là làm chơi ăn thật.

Hy vọng một ngày không xa, bà con ta sẽ nhận thấy được hiệu quả của việc nuôi nhím, với người Việt sẽ có cơ hội được thưởng thức món thịt thơm ngon này.

Theo "Cây cỏ và động vật làm thuốc ở Việt Nam": da nhím được dùng trong y học cổ truyền với tên thuốc là thích vị bố. Cách chế biến da nhím làm được liệu: Ngâm da nhím vào nước cho mềm, cạo sạch lông gai, thịt và mỡ, để ráo nước rồi cắt thành từng miếng nhỏ, phơi khô rồi sao nóng với bột hoạt thạch cho đến khi chuyển sang màu vàng; lấy ra chài hết bột rồi cạo lần nữa cho sạch hẳn. Nuôi nhím vừa bảo tồn động vật hoang dã vừa đem lại giá trị kinh tế cao

5. Kỹ thuật và môi trường nuôi dưỡng

Nhím là loài vật dễ nuôi, ít dịch bệnh, yêu cầu về chăm sóc, nuôi dưỡng cũng rất đơn giản.

Chuồng nuôi

Chuồng nuôi nhím nên làm nửa sáng nửa tối, không cần ánh sáng trực tiếp, tránh mưa tạt và nắng nóng, bảo đảm khô sạch, thoáng mát. Nền và sân chuồng làm bằng bê tông dày 8- 10cm, nghiêng khoảng 3-4%, để thoát nước và để nhím không đào hang chui ra... Xung quanh khu chuồng rào bằng lưới thép B40, cao trên 1,5m.

Nên làm hàng giả cho nhím ở bằng loại ống cống phi 50-60cm hoặc tôn uốn cong, để nổi trên nền chuồng để vệ sinh, sát trùng...

Máng uống rộng khoảng 20 - 25cm, cao 20 - 25cm, để nhím không ỉa đái vào và xây máng ở ngoài sân để nước vung vãi ra không làm bẩn, ướt nền chuồng.

Trong chuồng nên để một vài khúc gỗ, sắt hoặc đá liềm để nhím mài răng và không cắn phá chuồng

Diện tích chuồng nuôi nhím không cần rộng lắm, trung bình 1m²/con.

Chuồng nuôi nhím nên làm nửa sáng nửa tối, không cần ánh sáng trực tiếp, tránh mưa tạt và nắng nóng, bào đảm khô sạch, thoáng mát. Nền và sân chuồng làm bằng bê tông dày 8 - 10cm, nghiêng khoảng 3 - 4%, để thoát nước và để nhím không đào hang chui ra... Xung quanh khu chuồng rào bằng lưới thép B40, cao trên 1,5m. Trong tự nhiên nhím hay ở hang nên có thể làm hang nhân tạo cho nhím bằng tôn uốn cong hoặc bằng ống cống phi 40- 50cm và để ở ngoài sân chơi để tiện vệ sinh, nhưng tốt nhất nên làm hang nhân tạo cho nhím nuôi, vừa đảm bảo vệ sinh, vừa tạo điều kiện cho nhím dễ thích nghi. Máng uống rộng khoảng 20 - 25cm, cao 20 - 25cm, để nhím không ỉa đái vào và xây máng ở ngoài sân để nước vung vãi ra không làm bẩn, ướt nền chuồng. Trong chuồng nên để một vài khúc gỗ, sắt hoặc đá liềm để nhím mài răng và không cắn phá chuồng.

Chuồng nuôi nhím nên làm nửa sáng nửa tối, không cần ánh sáng trực tiếp (ánh sáng tán xạ), tránh mưa tạt, gió lùa và nắng nóng, phải đảm bảo khô ráo.

sạch sẽ và thoáng mát. Nền chuồng và sàn chuồng nên tráng bằng bê tông hơi dốc, dày 8- 10cm để nhím không đào hang chui ra ngoài và dễ thoát nước... Xung quanh rào bằng lưới thép cao 1,2 - 1,5cm, phía trước có cửa ra vào thuận lợi.

Mỗi ô chuồng chỉ cần khoảng 1,5 - 2m², rộng 1m, dài 1,5 - 2m. Giữa hai ô chuồng nên xây tường hoặc che tôn cao 20 - 30cm để nhím không cắn chân nhau.

Hệ thống cống rãnh thoát nước thiết kế ở phía sau, ngoài chuồng.

Thức ăn

Không nên cho nhím ăn các loại thức ăn bẩn thỉu, ẩm mốc, hôi thối...

Nhím là loài ăn tạp, có thể "tiêu thụ" từ các loài rễ cây, mầm cây, rau, củ, quả ngọt bùi, đắng, chát... đến côn trùng, ốc, giun đất... Bình thường cần cho ăn 2kg thức ăn/con/ngày; khi đẻ bổ sung thức ăn tinh nhiều chất đạm, chất béo, chất bột đường... để nhím mẹ đỡ mệt sức vì vừa phải tiết sữa nuôi con vừa mang thai. Nên thay đổi khẩu phần ăn hàng tuần nhằm kích thích nhím ăn và nhanh lớn; bổ sung mầm cây, rễ cây các loại giúp nhím dực phổi giống hăng hơn.

Khẩu phần ăn

Giai đoạn 1-3 tháng tuổi: cho ăn khoảng 0,3kg rau củ quả các loại, 0,01kg cám viên tổng hợp, 0,01kg lúa bắp đậu các loại.

Giai đoạn 4-6 tháng tuổi: cho ăn 0,6kg rau quả củ, 0,02kg cám viên tổng hợp, 0,02kg lúa bắp đậu các loại, 0,01kg khô dầu dừa, đậu phộng.

Giai đoạn 7-9 tháng tuổi: cho ăn 1,2kg các loại rau quả củ, 0,04kg cám viên hỗn hợp, 0,04kg lúa bắp đậu các loại, 0,02kg khô dừa đậu phộng.

Giai đoạn sinh sản: cho ăn 2kg rau quả củ các loại, 0,08kg cám viên hỗn hợp, 0,08kg lúa bắp đậu các loại, 0,04kg khô dừa, đậu phộng.

Khẩu phần thức ăn cơ bản hằng ngày theo từng giai đoạn cho nhím (xem bảng, đơn vị tính: kg/con/ngày).

Loại thức ăn	Giai đoạn (tháng tuổi)			
	1-3	4-6	7-9	10-12
Rau, quả, củ	0,3	0,60	1,2	2
Cám viên hỗn hợp	0,01	0,02	0,04	0,08
Lúa, ngô, đậu	0,01	0,02	0,04	0,08
Khô, dầu dừa, lạc	0	0,01	0,02	0,04

Thức ăn của nhím rất đa dạng như: rễ cây, mầm cây, rau, củ, quả ngọt bùi; đắng, chát...

Bình thường nhím ăn 2kg thức ăn/con/ngày. Nhưng khi nhím đẻ cần bổ sung thêm thức ăn tinh nhiều chất đạm, chất béo, chất bột, đường... để nhím con mau lớn, nhím mẹ đỡ mất sức, vì vừa phải tiết sữa nuôi con vừa mang thai. Thức ăn cho nhím cần bổ sung thêm mầm, rễ cây các loại, nhím đực sẽ phối giống hằng hơn.

Khẩu phần thức ăn cơ bản hàng ngày cho một con nhím theo từng giai đoạn:

- 1- 3 tháng tuổi: Cho ăn mỗi con/ngày: 0,3kg rau, củ, quả các loại, 0,01kg cám viên hỗn hợp, 0,01kg lúa, bắp, đậu các loại. -

- Từ 4-6 tháng tuổi: 0,6kg rau quả củ, 0,02kg cám viên hỗn hợp, 0,02kg lúa bắp đậu, 0,01kg khô dầu, dừa, lạc.

- Từ 7-9 tháng tuổi: 1,2kg rau quả củ, 0,04kg cám viên hỗn hợp, 0,04kg lúa bắp đậu, 0,02kg khô dầu dừa lạc.

- Từ 10-12 tháng tuổi: 2kg rau quả củ, 0,08kg cám viên hỗn hợp, 0,08kg lúa bắp đậu, 0,04kg khô dầu dừa lạc.

Trong chuồng cần bố sung một vài mẩu xương hay đá liếm (loại dùng cho trâu bò, dê, cừu...) để nhím mài răng và liếm láp khoáng tự do, rất có lợi cho nhím sinh sản và tiết sữa nuôi con.

Nước uống

Nhím ăn rau, quả, củ nên ít uống nước, nhưng cũng phải có đủ nước sạch cho nhím uống tự do, trung bình 1 lít/5 con/ngày.

Nhím thường uống nước vào buổi sáng và buổi trưa. Nhím không thích tắm ướt mình, nếu bị ướt nhím sẽ rụng mình và vẩy lông liên tục sẽ không tốt.

Cách phân biệt nhím đực, nhím cái

Khi nhím còn nhỏ, có thể cho nhím con nằm ngửa, dùng hai ngón tay vạch lỗ sinh dục ra, thấy gai giao cấu lộ rõ là con đực, không thấy gai giao cấu là con cái.

Khi nhím đã trưởng thành, có thể quan sát thấy: nhím đực mõ dài, đầu nhọn, thân hình thon dài, đuôi dài hơn con cái, tính tình hung dữ, hay sùng lông, đập chân phành phạch, tấn công đối phương và rất nhường nhịn, hào hiệp để bảo vệ con đàn, không cho bất cứ nhím đực trưởng thành nào ở nơi khác xâm phạm lãnh thổ và đàn cái do nó kiểm soát.

Nhím cái mõ ngắn, đầu hơi tròn, thân hình mập và ngắn hơn, đuôi ngắn hơn con đực, tính tình hiền lành, chỉ hung dữ lúc đẻ.

Cũng có thể cho nhím vào lồng để quan sát, nếu thấy dưới háng có hai dịch hoàn và dương vật nhô ra phía trước bụng, cách lỗ hậu môn khoảng 2-3cm thì đó là nhím đực, nếu thấy dưới háng có lỗ sinh dục, cách lỗ hậu môn khoảng 2-3cm và có hai lông vú 4-6 vú, nổi rõ phía dưới bụng thì đó là nhím cái.

Phòng bệnh

Nhím thường ít bị dịch bệnh. Một số bệnh thông thường có thể gặp như:

- *Bệnh ký sinh trùng ngoài da: Do ve, mò cắn gây nên ghẻ lở, ta có thể dùng thuốc bôi hoặc để nhím tự*

liếm cũng khỏi. Để phòng bệnh này, nên vệ sinh sát trùng chuồng và xung quanh chuồng mỗi tháng 1-2 lần.

- *Bệnh đường ruột*: Do khẩu phần thức ăn cung cấp không đầy đủ như ngoài thiên nhiên, nhím có thể bị tiêu chảy. Trường hợp này, có thể dùng thuốc trị tiêu chảy hoặc bổ sung thêm thức ăn đắng chát như ổi xanh, cà rốt, rễ cau, rễ dừa... Để phòng bệnh tiêu chảy, nên cân đối khẩu phần thức ăn đầy đủ cho nhím

Không nên cho nhím ăn các loại thức ăn bẩn thỉu, ẩm mốc, hôi thối...

NUÔI GÀ CHƠI

1. Giới thiệu giống

Phân bố

Gà chơi được nuôi từ xa xưa ở nhiều địa phương thuộc tỉnh Bình Định. Đến nay, ước tính cả tỉnh có khoảng 1000 gà trống được tuyển chọn, huấn luyện và sử dụng làm gà thi đấu ở các cấp độ khác nhau. Tất cả các huyện và thành phố đều có nuôi và tổ chức trường đấu gà, song tập trung nhất là thành phố Quy Nhơn, Tây Sơn và Hoài Nhơn.

Chơi gà chơi cũng là hoạt động giao lưu văn hoá, cho nên giống gà chơi Bình Định hiện nay không chỉ tồn tại riêng ở Bình Định mà còn phát tán ra các tỉnh lân cận như Quảng Ngãi, Phú Yên, Khánh Hoà, Gia Lai, ĐakLak.



Gà trống thi đấu đạt thành tích cao thường được bán đi nhiều nơi trong và ngoài nước chơi gà chơi cũng là hoạt động giao lưu văn hoá, cho nên giống gà chơi Bình

Định hiện nay không chỉ tồn tại riêng ở Bình Định mà còn phát tán ra các tỉnh lân cận như Quảng Ngãi, Phú Yên, Khánh Hoà, Gia Lai, ĐakLak.

Gà trống thi đấu đạt thành tích cao thường được bán đi nhiều nơi trong và ngoài nước.

Khó có thể xác định được lịch sử và nguồn gốc của gà chọi Bình Định do có ít tài liệu nói về gà chọi, bên cạnh đó người chơi gà và nuôi gà thường hay dấu nghề và giữ độc quyền về dòng máu. Nhiều ý kiến cho rằng gà chọi Bình Định có nguồn gốc từ Trung Quốc. Giả thiết này phù hợp với đặc điểm về giống: gà chọi Bình Định có thân hình to khỏe, xương to chắc (theo thuật ngữ gọi là gà Đồn) được nuôi phổ biến ở Trung Quốc đến miền Bắc và miền Trung của Việt Nam (ở miền Nam ít nuôi loại gà này). Ngoài ra thể lệ đấu gà ở Miền Bắc, miền Trung và Trung Quốc có nhiều nét tương đồng.

2. Đặc điểm sinh học

2.1. Đặc điểm ngoại hình

Gà chọi Bình Định có tầm vóc to lớn, xương to, cơ bắp phát triển, chân cao và to khỏe, có cựa ngắn hoặc không có, lớp biểu bì hoá sừng ở cẳng chân dày và cứng. Gà đá bằng sức mạnh của bàn chân chứ không phải bằng khả năng đâm xuyên của cựa.

2.1.1. Màu sắc của lông, da

Nhìn chung màu sắc của gà chọi Bình Định đa dạng, có thể thuần màu hay đa màu trên một cá thể.

Thông thường màu sắc lông phụ thuộc vào màu lông của con trống là chính. màu lông giống con trống chiếm tỉ lệ 50 - 60%.

** Màu lông*

- Gà có lông đen tuyền, gọi là gà ô, loại này chiếm tỉ lệ cao nhất.

- Gà có lông đen, lông mả màu đỏ gọi là gà Tía.

- Gà có màu lông giống lông chim ó gọi là gà Ó.

- Gà có màu lông trắng toàn thân, gọi là gà Nhạn

- Gà có màu lông xám tro gọi là gà Xám.

- Gà có lông 5 màu (đỏ, đen, vàng, trắng, xám), gọi là gà Ngũ sắc.

Ngoài ra, còn có một số có màu lông pha tạp như gà đen có chấm trắng...

** Màu mỏ*

Màu mỏ cũng có màu sắc đa dạng, thường thấy mỏ có màu trắng ngà, màu vàng, màu đen, màu xanh lợt (xanh dợt chuối).

** Màu chân*

Lớp biểu bì hoá sừng (vảy) ở bàn chân và các ngón chân gà chọi Bình Định cũng có màu sắc không giống nhau giữa các cá thể. Thậm chí, cùng một cá thể song màu sắc hai chân lại khác nhau. Thường thấy gà hai chân đen, vàng, xanh lợt, trắng, vàng đốm nâu, một chân vàng một chân đen hoặc trắng. Màu sắc cựa gà thường

giống màu chân, song có con có hai cựa với hai màu khác nhau mặc dù hai chân lại cùng màu.

** Màu da*

Phần da đầu, cổ, ức, đùi và hông có màu đỏ và dày. Các phần khác như: lưng, nách, cánh lại có màu vàng hoặc trắng và da mỏng.

2.1.2. Tầm vóc

Gà chọi Bình Định có tầm vóc to lớn, chân cao, xương ống chân to, ngón dài và khoẻ, bàn chân (ống chân) gà trưởng thành có con dài tới 15 cm, song thường thấy loại 10 - 13 cm. Ngực rộng với cơ ngực nổi rõ. Đùi to, dài và cơ phát triển. Tuy nhiên bụng lại rất gọn, khoảng cách giữa hai mòm xương chậu hẹp (1.5 - 3.0 cm ở gà trống). Phao câu và lông đuôi phát triển (lông đuôi có thể dài tới 30 cm). Khối lượng cơ thể trưởng thành của gà trống có thể đạt 5.0 kg, song thường gặp loại gà nặng từ 3.5 - 4.5 kg. Khối lượng cơ thể trưởng thành của gà mái đạt 3.5 - 4.0 kg. Tuy nhiên, trong quá trình nuôi dưỡng và huấn luyện gà, người ta thường khống chế khối lượng của gà trống thi đấu ở khoảng 3.0 - 3.8 kg, là khoảng khối lượng mà gà phát huy tốt nhất các đòn đá hay và hiểm.

Chỉ tiêu	Trống	Mái	Chỉ tiêu	Trống	Mái
Dài thân (cm)	22	20	Sâu ngực (cm)	15,75	13,5
Vòng ngực(cm)	41	31	Cao chân (cm)	31,5	25
Dài lườn (cm)	13,5	12	Dài đuôi (cm)	17,5	11,5

2.1.3. Một số đặc điểm ngoại hình khác

- Gà chọi Bình Định có ít lông, lông to, dài, cứng và dòn (rất dễ gãy).

- Các phần đầu, cổ, ngực, đùi rất thưa lông nhưng hai cánh có bộ lông phát triển, giúp gà có khả năng cất cao mình để tung đòn đá.

- Mặt gà gọn gàng, thường không có tích, tai ít phát triển.

- Mõng nhỏ và thấp, có 3 loại mõng (lá, đầu, cục)

- Mỏ gà to, ngắn, nhọn và khoẻ.

- Mắt thường nhỏ và sâu, mí mắt dày, màu mắt đa dạng: mắt bông (màu đen pha trắng), mắt hạt cau (màu nâu có tia phát từ đồng tử ra xung quanh), có con mắt màu đồng thau hoặc mắt đen, xanh.

3. Khả năng sản xuất

3.1. Đặc điểm sinh trưởng, phát dục và sinh sản

* Khả năng sinh trưởng

Bảng 1: khối lượng cơ thể qua các tháng tuổi (gam)

Tháng tuổi	Gà trống (n =15)	Gà mái (n = 30)
Sơ sinh	38 ± 0,24	38 ± 0,24
1	260 ± 3.17	260 ± 3,17
2	650 ±7.20	470 ± 4 12
3	1264 ±18,20	1056 ± 11,15
4	1654 ± 22.60	1280 ±17.50

Tháng tuổi	Gà trống (n =15)	Gà mái (n = 30)
5	2632 ± 30,70	1513 ± 22,45
6	3005 ± 35,40	2076 ± 28,92
9	3 371 ± 33,35	2325 ± 26,48
12	3765 ± 38,90	2628 ± 25,40
18	4034 ± 39,55	2870 ± 25,70

3.2. Phát dục

Gà trống 06 tháng tuổi biết gáy, đến 07 tháng tuổi thì gáy rõ tiếng và có khả năng đập mái. Gà mái 06 tháng tuổi bắt đầu cấp ố, 07 tháng thì chịu trống và đẻ trứng lứa đầu.

Gà chọi Bình Định thay lông theo mùa, quá trình thay lông diễn ra từ tháng năm, tháng sáu đến tháng mười một âm lịch. Lần thay lông thứ nhất bắt đầu từ lúc gà được 4 - 5 tháng tuổi, và đến 16 tháng thì thay lông lần thứ hai. Trong mùa thay lông, gà xuống sức, đồng thời do lông cánh bị rụng nên gà khó có thể bay lên để tung đòn và đỡ đòn nên người ta không cho gà thi đấu vào thời gian này mà để dưỡng gà cho mùa đấu năm sau.

3.3. Sinh sản

Tuổi đẻ quả trứng đầu tiên : 192 ngày.

Khối lượng trứng : 52 ± 0,55 gam/quả.

Tỷ lệ trứng có phôi : 91,6%.

Tỷ lệ nở/trứng : 85%.

Số trứng đẻ/lứa : 8 - 12 quả.

Thời gian gà mẹ nuôi con : 3 tháng.

Khoảng cách giữa 2 lứa đẻ : 5 tháng.

Mục đích chính của việc nuôi gà chọi sinh sản là sản xuất ra gà trống có khả năng thi đấu. Trong thời gian theo mẹ, gà con học được ở gà mẹ khá nhiều thế đánh. Chính vì vậy, thời gian gà mẹ nuôi con phải kéo dài đến 3 tháng. Mỗi năm, gà mẹ chỉ sản xuất được vài ổ gà con và tuổi khai thác kéo dài đến 9 - 10 năm. Gà mẹ có khả năng kiếm mồi khá, song lại vụng nuôi con.

* Các tính trạng đặc biệt

Gà chọi Bình Định có thể chất tốt, thể hiện ở đặc điểm có sức chịu đòn khá và thi đấu bền bỉ, rất nhiều con chịu đựng được 40 hiệp đấu liên tục (mỗi hiệp dài 20 phút và thời gian giải lao giữa các hiệp là 5 phút). Nhiều gà chọi Bình Định đã thi đấu và nổi tiếng ở các trường đấu Việt Nam, Trung Quốc, Lào, Cam pu chia, Thái Lan,...nhờ các thế đánh hay, đòn đá đẹp và hiểm. Gà chọi Bình Định có tốc độ sinh trưởng chậm, trên 1 năm tuổi mới thành thực về thể vóc. Nuôi theo phương thức truyền thống tại các hộ gia đình, gà 18 tháng tuổi đạt bình quân 4.034 g con trống và 2.870 g ở con mái.

4. Giá trị kinh tế

Mục đích chính của việc nuôi gà chọi là sử dụng con trống vào việc huấn luyện và thi đấu. Đa phần gà mái và những con trống không thành công trong

quá trình tập luyện cũng như thi đấu thường được giết thịt.

Đối với gà mái, từ khi nở ra, lớn lên con nào có ngoại hình “ngố” thể chất khoẻ mạnh, tính khí hung dữ và có một số đặc điểm ngoại hình qui định phẩm chất tốt sẽ được giữ lại làm gà mái sinh sản. Chúng được kiểm định qua vài lứa, nếu sản xuất ra được nhiều gà trống đạt thành tích cao thì tiếp tục sử dụng nhân giống. nếu không đạt thì bị loại bỏ, chuyển sang giết thịt. Đối với gà trống, con nào có ngoại hình tốt, thể chất tốt, tính tình hung hăng thì được đưa vào huấn luyện, trong quá trình này người ta tiếp tục chọn theo các tiêu chí:

- Có thể chạt tốt (có khả năng chịu đòn, gan lì, luyện tập và thi đấu bền bỉ).
- Có thể đánh hay, đòn đá đẹp và hiểm.
- Có khả năng tránh đòn tốt.

Tỉ lệ gà được huấn luyện thành công và trở thành gà thi đấu là rất thấp, chỉ đạt dưới 20% so với tổng số gà trống lúc nở ra.

Toa thuốc dùng để tắm cho da gà dai, cứng

Để cho da gà dai, cứng, cựa không đâm thủng, trong dân gian thường có những bài thuốc rất công hiệu. Xin giới thiệu một toa thuốc nam khá phổ biến ở vùng Cao Lãnh (Đồng Tháp) gồm: vỏ măng cụt (200g), vỏ cây bần (200g), gừng (100g), nghệ xà cừ (100g), củ riềng (100g). Tất cả cho vào hũ ngâm ngập rượu, để 1 tháng sau mới

dùng để tắm da gà. Tắm xong loại rượu này, lại tắm tiếp bằng phèn chua, mỗi ngày tắm một lần, mỗi tuần tắm 2 lần. Tắm liên tiếp từ 2-3 tháng thì da gà dày, dai.

Còn có cách "gọt giữa cựa" chỉ dùng cho gà đá cựa thường ở vùng Bắc bộ (không dùng cựa sắt như ở Nam bộ). Gà đá cựa thường, cựa không mọc dài ra, do người nuôi cứ nướng đỏ sắt tì vào, cho cựa lì đi, chỉ dài độ 1-1,5cm, chuốt cho sắc, nhưng không nhọn. Đá bằng loại cựa này, gà chơi không bị chết như chơi cựa sắt, mà chỉ bị thương thôi. Và lúc này dùng toa thuốc ăn, tắm như trên mới có tác dụng

5. Kỹ thuật và môi trường nuôi

5.1. Phương thức nuôi gà chọi

Phần lớn là người nuôi gà trống với số lượng ít (1 - 3 con), có một số gia đình nuôi gà mái để tạo giống. Nếu có dòng mái tốt thì họ thường giữ độc quyền, không bán con mái ra ngoài mà chỉ bán con trống.

5.2. Chọn và nhân giống

- Chọn dòng mái tốt theo ngoại hình, thể chất (thường là những con mái dữ) và đời trước cũng như đời sau của nó có nhiều con trống đạt thành tích cao. Gà mái chọn nhân giống thường là đã đẻ một vài lứa và tuổi không quá già (<6 năm tuổi).

- Chọn gà trống có ngoại hình tốt và có thành tích cao, tuổi từ 1.5 - 4.0 năm, không đồng huyết với mái đã chọn.

- Bổ sung dinh dưỡng cho gà trống và gà mái đã chọn trong suốt một tháng trước khi giao phối.

- Tiến hành ghép phối(thường là vào cuối tháng chạp và đầu tháng riêng).

- Ấp nở: theo truyền thống, người ta thường cho gà nở vào mùa xuân bằng phương thức ấp tự nhiên do bản thân gà mẹ thực hiện với một vài động tác hỗ trợ của con người. Đã có một số thử nghiệm ấp bằng máy, song lại được đánh giá là chưa thành công, thể hiện ở nhược điểm là gà lớn lên có khả năng thi đấu rất kém.

5.3. Thức ăn và dinh dưỡng

Theo truyền thống, gà chơi Bình Định được nuôi dưỡng bằng thức ăn tự nhiên dạng nguyên, bao gồm: lúa, gạo, ngũ cốc, giun, dế, động vật thủy sinh, côn trùng cây cỏ.... Ngày nay, người ta sử dụng thức ăn hỗn hợp công nghiệp để cho gà con ăn ở giai đoạn theo mẹ. Sau 1.5 tháng tuổi cho thêm lúa, gạo, cơm, ngô, ếch, nhái, lươn, thịt bò, lòng đỏ trứng, rau, giá,... khi tăng lượng lúa thì rút dần cám công nghiệp, đến khi tách mẹ thì cho ăn hoàn toàn bằng lúa. Cho gà ăn làm hai bữa vào 9 giờ sáng và 4 - 5 giờ chiều. Riêng gà con cho ăn tự do, gà tách mẹ ngoài hai bữa chính còn tự đi kiếm ăn. Gà lớn trên 6 tháng cho ăn thêm rau, giá, xà lách, chuối sứ, cà chua, mỗi tuần cho ăn thêm 1 - 2 bữa lươn hoặc thịt bò.

**** Khẩu phần ăn cho gà con tách mẹ (cho ăn tự do):***

- Cám gạo : 10%

- Bắp : 20%
- Lúa : 30%
- Cá tươi nấu chín : 20%
- Rau(muống, cải, xà lách) : 20%.

** Khẩu phần cho một gà trống thi đấu/ ngày:*

- Lúa : 0.25 kg.
- Rau, giá : 0.10 kg.
- Lươn, thịt bò : 0.10 kg.

Cho gà chọi ăn để không có mỡ

Nuôi gà đá, gà chọi (gà nòi) hoàn toàn khác với nuôi gà thịt, nhất là khẩu cho ăn để sao cho gà không có mỡ. Để gà không có mỡ, phải cho ăn theo cách riêng: gà cho ăn phải có chừng mực, mỗi ngày chỉ cho ăn 2 lần, đúng giờ giấc? một lượng thóc không thay đổi.

Vì tiết chế việc ăn như vậy nên gà chọi không có mỡ thừa. Song việc định mức thóc cho gà ăn hàng ngày là việc cực kỳ khó khăn, vì phải tùy thuộc vào thể trạng của mỗi con gà. Việc cho ăn này áp dụng từ tháng thứ 3 trở đi và từ đây gà cũng đã được nhốt riêng, có thể nuôi để đem đá chọi.

Nhờ cách cho ăn rất giới hạn, nhưng không quá ít gà mới phát triển thể lực được. Nếu không cho ăn đúng cách thì một là gà mất sức, không phát triển bình thường, lại yếu ớt, hoặc là gà sẽ thừa mỡ, đây là điều hết sức kỵ đối với gà chọi.

Vì lý do đó nên lượng thóc cho gà ăn phải định lượng cho đúng. Chọn thóc cho gà ăn, phải là loại thóc tốt, chắc hạt, nhặt kỹ thóc lép, các thứ dơ bẩn, rồi đãi trong nước sạch, lại phơi khô và cho gà ăn... nhiều khi phải đếm hạt cho ăn. Nghĩa là phải tính toán chi ly mỗi ngày gà ăn bao nhiêu. Với cách cho ăn nghiêm ngặt như vậy nên người xưa nuôi gà chọi rất công phu, tỉ mỉ và gà chọi sau thời gian được chăm sóc, cho ăn, cộng với khâu tắm ướp thuốc thì da thịt gà chọi săn chắc, dai như da voi, cựa thường khó mà đâm thủng.

5.4. Quản lý huấn luyện gà thi đấu

- Gà con được nuôi chung cả ở và theo mẹ đến 2.5 hoặc 3 tháng tuổi.

- Sau khi tách mẹ vẫn được nhốt chung, cho đến 4 - 5 tháng tuổi thì tách riêng trống, mái. Gà trống lúc này được nhốt riêng mỗi con một ô, không cho các con trống thấy mặt nhau để tránh mổ và đá bậy.

- Khi gà đã gáy rõ tiếng thì bắt đầu cắt lông ở các vùng đầu, cổ, ức, đùi nhằm bộc lộ da ở các vùng này. Đồng thời cắt tai, tích.

- Cho gà đá thứ 1 - 5 trận, xem con nào có khả năng đá hay thì giữ lại huấn luyện tiếp, hoặc không thì bán hoặc giết thịt.

- Huấn luyện gà bằng các việc chính:

+ Quán sương: cho gà vận động vào sáng sớm hàng ngày.

+ Xát nghệ: dùng nghệ giã nhỏ, hoà với rượu, nước trà, nước tiểu trẻ con sát vào vùng da đã cắt lông trong vòng 3 tháng để cho da dày lên nhằm tăng khả năng chịu đòn và giảm thương tích khi thi đấu.

+ Dâm cẳng: trước khi thi đấu 1 tháng, gà được cho ngâm chân trong hỗn dịch: nghệ, muối, nước tiểu để cho gà được cứng chân.

- Tổ chức thi đấu:

+ Gà được phân theo 3 hạng: hạng tiểu (<3.0 kg), hạng trung (3.0 - 3.5 kg) và hạng đại (từ 3.5 kg trở lên). Các gà cùng hạng thường được thi đấu với nhau. Tuy nhiên, nếu là gà có tài nghệ cao thì chủ gà có thể cho đấu với hạng trên.

+ Mỗi trận đấu thường được tổ chức từ 01 hiệp trở lên, mỗi hiệp có thời gian 20 phút. Thời gian nghỉ giải lao giữa các hiệp đấu là 05 phút để săn sóc và hồi phục cho gà.

- Mùa thi đấu: Mùa chọi gà thường được tổ chức vào dịp Tết và Xuân, kéo dài từ tháng chạp đến tháng tư âm lịch. Sau đó, từ tháng năm đến tháng mười một âm lịch là mùa gà thay lông nên không sử dụng thi đấu được.

NUÔI GẤU LẤY MẬT

1. Giới thiệu giống

Trước đây, hầu như trong bất cứ khu rừng nào của nước ta cũng có gấu đen sinh sống. Tuy nhiên, khoảng 20 năm trở lại đây, rừng bị tàn phá, môi trường sống bị thu hẹp, lại thường xuyên phải đối mặt với nạn săn bắt nên loài gấu đen ở ta đang đứng trước nguy cơ tuyệt chủng. Nghệ An và Hà Tĩnh là hai tỉnh “nổi tiếng” nhất về săn bắt và nuôi gấu lấy mật, cũng là hai vùng rừng được xem là nhiều gấu nhất. Nhưng theo đánh giá của các nhà sinh vật học thì gấu trong rừng hiện nay tại khu vực này không thể nhiều bằng gấu nuôi trong nhà!

Phân bố

Truyền thuyết Núi Gấu đã có từ thời xa xưa. Trong bộ sách cổ "Sơn Hải Kinh" của Trung Quốc đã nêu: ở Núi gấu có rất nhiều loài gấu khác nhau, nhưng Núi gấu ở đâu? Cho tới những năm gần đây vẫn là một chủ đề tranh luận sôi nổi, năm 1987, các chuyên gia nghiên cứu vấn đề này chỉ ra rằng Núi gấu có khả năng ở khu vực Thần Nông Giá. Điều này là có căn cứ. Vì ta có thể hình dung Thần Nông Giá trên bản đồ giống như một con gấu

đang đứng và tìm thấy trong rừng sâu núi thẳm những dấu vết của gấu.

Ngày nay, theo thống kê chưa đầy đủ, ở khu núi Thần Nông Giá có khoảng 7 loài gấu. Nếu dựa vào ngoại hình và màu lông của gấu để phân biệt, ta có thể phân thành gấu chó, gấu nâu, gấu ngựa, gấu lợn, gấu trắng, gấu người và gấu hoa. Trong đó loài gấu gây nên tranh luận là gấu hoa, thần bí nhất là gấu người.

Nước ta, theo thống kê mới nhất của Chi cục Kiểm lâm Hà Nội, trên địa bàn thành phố hiện có 706 con gấu rừng (406 con đực, 300 con cái) được nuôi nhốt để lấy mật bán. Trong đó có 8 gấu chó và 698 gấu ngựa thuộc nhóm quý hiếm. Số gấu này có trọng lượng từ 20-70 kg, phần lớn đã được khai thác mật nhiều lần và mất đi bản năng hoang dã.

Toàn thành phố Hà Nội hiện có 210 hộ nuôi gấu (nhiều nhất 17 con, ít nhất 1 con, phổ biến là 2-4 con).

Họ khai thác mật, bán thu lời nhưng khai báo là nuôi làm cảnh và nghiên cứu sinh sản. Phần lớn số gấu nuôi không có giấy tờ chứng minh nguồn gốc hợp pháp (685 con nuôi trái phép). Chi cục



Kiểm lâm cho biết: với các biện pháp dẫn lưu, chiết, hút, phẫu thuật, để lấy dịch mật như hiện nay, sự sống của gấu rừng chỉ có thể kéo dài 3 năm là cùng. Theo sự ước lượng của các chuyên viên quốc tế về bảo vệ thiên nhiên số gấu đang nuôi để rút lấy mật có tới 5.000 con.

Sự ước lượng hồi năm 1999 về số gấu bị bắt nuôi lấy mật chỉ khoảng vài trăm con. Bởi vậy, theo sự ước lượng của bà Jill Robinson của cơ quan Asia Animal Foundation, số gấu còn lại trong các khu rừng già ở đây chỉ còn khoảng hơn 100 con, và tới một ngày không xa, rừng Việt Nam sẽ không còn bóng dáng một con gấu nào nếu người ta vẫn tiếp tục săn, bẫy để ăn thịt, hoặc nuôi để rút lấy mật

Trong sách đỏ Việt Nam Gấu là loài động vật hoang dã, được xếp phải bảo vệ và chúng đang đứng trước nguy cơ tuyệt chủng cao. Có thể nhận thấy nguy cơ đàn gấu đang bị tiêu diệt và mức độ giảm sút nhanh chóng qua thị trường trao đổi trái phép các sản phẩm và loài động vật hoang dã này

Xuất sứ của con gấu này, nó là một trong bốn con gấu (một cái và 3 đực) do Myanmar tặng Việt Nam, tiếp nhận vào 1/1996. Quá trình tiếp nhận và nuôi dưỡng con gấu trên: đàn gấu 4 con được chuyển giao cho Trung tâm Nghiên cứu bò và đồng cỏ Ba Vì nuôi dưỡng. Việt Nam là nơi cư trú của hai loài gấu, gấu ngựa và gấu chó. Gấu trong tự nhiên đang bị đe dọa nghiêm trọng bởi nạn săn bắt và buôn bán trái phép nhằm đáp ứng nhu cầu của

các nhà hàng đặc sản thú rừng và thị trường sản phẩm làm từ gấu. Nghiêm trọng hơn, phần lớn gấu ở Việt Nam hiện nay đang bị săn bắt và bán sống. Chúng bị giam hãm trong những lồng sắt chật hẹp và bị khai thác lấy mật. Nhiều người tin rằng mật gấu là phương thuốc cổ truyền chữa bách bệnh. Chính vì thế, mật gấu được bày bán phổ biến ở rất nhiều nơi. Theo số liệu của Cục Kiểm lâm, hiện ở Việt Nam có hơn 4.000 con gấu đang bị nuôi nhốt lấy mật.

2. Đặc điểm sinh học

Nước ta có hai loài gấu là gấu chó và gấu ngựa. Gấu chó thường sống trên cây, làm nhà và ngủ trên những chạc cây. Còn gấu ngựa thì thường ngủ trong hốc cây, hang, hốc đá

Gấu ngựa (*Ursus thibetanus* hay *Ursus tibetanus*), còn được biết đến với tên gọi Gấu đen Tây Tạng, Gấu đen Himalaya, hay gấu đen châu Á, là loài gấu kích thước trung bình, vuốt sắc, màu đen với hình chữ "V" đặc trưng màu trắng hay kem trên ngực.



Loài gấu này có quan hệ họ hàng rất gần với gấu đen Mỹ, người ta tin rằng chúng có chung nguồn gốc tổ tiên ở châu Âu.

Gấu ngựa dài khoảng 1,30 - 1,90 m. Con đực cân nặng khoảng 110 - 150 kg và con cái là khoảng 65 - 90 kg. Tuổi thọ khoảng 25 năm.

Gấu ngựa có khu vực sinh sống trải rộng từ đông sang tây châu á. Chúng có thể tìm thấy trong các cánh rừng của những khu vực đồi núi ở Đông á và Nam á, bao gồm Afghanistan, Pakistan, bắc ấn Độ, Nepal, Sikkim, Bhutan, Myanma, đông bắc Trung Quốc, Đài Loan hay Nhật Bản. Chúng có thể sống trong những khu vực lên tới cao độ 3.000 m (9.900 ft), cũng như ở những vùng đất thấp. ở một vài khu vực, chúng chia sẻ nơi sinh sống với gấu nâu (*Ursus arctos*) là loài to hơn và khỏe hơn. Tuy nhiên, gấu ngựa có ưu thế trước kẻ cạnh tranh: khả năng leo trèo tốt của nó giúp nó lấy được hoa quả và các loại hạt trên cây. Nó cũng chia sẻ nơi sinh sống với gấu trúc Trung Quốc, ví dụ ở khu bảo tồn Wolong, Trung Quốc, là nơi chúng sống rất ít. Nòi gấu ngựa tìm thấy ở Đài Loan là nòi gấu đen Đài Loan.

Gấu ngựa là loài ăn tạp, chúng ăn các loại thức ăn như hoa quả, quả mọng, cỏ, hạt, quả hạch, động vật thân mềm, mật ong và thịt (cá, chim, động vật gặm nhấm cũng như các động vật có vú nhỏ hay xác súc vật). Gấu ngựa là loài ăn thịt nhiều hơn anh em của nó là gấu đen Mỹ; tuy nhiên thịt chỉ là một phần nhỏ trong khẩu phần của chúng.

Gấu ngựa còn được biết đến như là những con thú rất hung hăng đối với con người (hơn nhiều so với gấu

đen Mỹ); có rất nhiều ghi chép về các cuộc tấn công gây thương vong của gấu ngựa. Điều này có lẽ chủ yếu là do gấu ngựa sống gần với con người và tấn công khi nó bị giết mình.

Gấu ngựa được đưa vào danh sách trong sách đỏ của IUCN (Hiệp hội bảo tồn thế giới) như là loài dễ bị thương tổn trong số các động vật đang bị đe dọa. Chúng bị đe dọa chủ yếu là do phá rừng và mất chỗ sinh sống. Gấu ngựa cũng bị giết bởi nông dân vì mối đe dọa của chúng đối với gia súc, gia cầm và chúng cũng không được yêu thích do tập tính hay bóc vỏ cây của chúng làm giảm giá trị của cây trồng. Một vấn đề khác mà gấu ngựa phải đối mặt là chúng thông thường hay bị săn để lấy mật, là chất được sử dụng trong y học Trung Hoa. Do Trung Quốc cấm việc săn bắt gấu ngựa từ những năm 1980, mật gấu được cung cấp tới tay người tiêu dùng bởi các trại nuôi gấu đặc biệt, ở đó gấu bị nuôi nhốt trong chuồng và mật gấu bị rút theo định kỳ bằng cách hút mật theo các ống kim tiêm sau khi gấu bị gây mê. Những người ủng hộ cho việc này cho rằng nếu không có các trang trại như vậy thì do nhu cầu về mật gấu là cao nên việc săn bắn trộm sẽ gia tăng và càng làm cho loài gấu vốn đã gặp nguy hiểm lại càng thêm nguy hiểm trong họa diệt chủng. Những người phê phán thì cho rằng việc này là độc ác và vô nhân đạo, hay mật gấu tổng hợp (axít ursodeoxycholic), cũng có hiệu quả y học như mật gấu thật và trên thực tế là rẻ tiền hơn nhiều.

Gấu chó, *Ursus malayanus*, được tìm thấy chủ yếu trong các rừng mưa nhiệt đới ở khu vực Đông Nam Á.

Gấu chó có chiều dài khoảng 1,2 m (4 ft), chiều cao khoảng 0,7 m - do đó chúng là loài nhỏ nhất của họ Gấu. Nó có đuôi ngắn, khoảng 3-7 cm (2 inch) và trung bình nặng không quá 65 kg (145 pao). Gấu chó được nặng hơn một chút so với gấu cái.



Không giống như các loài gấu khác, lông của chúng ngắn và mượt. Điều này có lẽ là do môi trường sống của chúng là những vùng đất thấp nóng ẩm. Màu lông của chúng là đen sẫm hay nâu đen, ngoại trừ phần ngực có màu vàng-da cam nhạt có hình dạng giống như móng ngựa. Màu lông tương tự có thể tìm thấy xung quanh mõm và mắt. Gấu chó có vuốt có dạng lưỡi liềm, tương đối nhẹ về khối lượng. Chúng có bàn chân to với gan bàn chân trần, có lẽ là để hỗ trợ việc leo trèo. Chân chúng hướng vào trong nên bước đi của chúng giống như đi vòng kiềng, nhưng chúng là những con vật leo trèo giỏi.

Chúng có tai ngắn và tròn, mõm ngắn. Là một con vật ăn đêm là chủ yếu, gấu chó thích tắm nắng hay nghỉ

ngồi về ban ngày trên các cành cây to cách mặt đất khoảng 2-7 mét. Vì chúng tiêu hao nhiều thời gian ở trên cây, gấu chó đôi khi làm tổn thất nặng nề cho các loại cây trồng. Chúng được coi là những kẻ phá hoại dừa và ca cao trong các đồn điền. Tập tính này là nguyên nhân làm giảm số lượng của quần thể gấu chó cũng giống như việc săn bắn để lấy lông và mật để sử dụng trong y học Trung Hoa.

Thức ăn của gấu chó dao động rất rộng và bao gồm các động vật có xương sống nhỏ như thằn lằn, chim, hay các loài động vật có vú khác, cũng như hoa quả, trứng, mối, ngọn non cây dừa, mật ong, quả mọng, chồi cây, côn trùng, rễ cây, quả của ca cao hay dừa. Hàm răng đầy sức mạnh của chúng có thể phá vỡ những quả dừa. Phần lớn thức ăn của gấu chó là nhờ vào khứu giác của chúng vì mắt của chúng rất kém.

Chúng sống ở phía đông dãy Himalaya đến Tứ Xuyên ở Trung Quốc, cũng như trải rộng về phía nam tới Myanmar, một phần của bán đảo Đông Dương và Malaysia.

3. Khả năng sản xuất

Theo số liệu của Hiệp hội bảo vệ động vật hoang dã (WSPA), tuổi thọ tối đa của gấu sống trong điều kiện nuôi nhốt là 10 năm, chỉ bằng 1/3 tuổi thọ trung bình của chúng nếu sống ngoài tự nhiên. Một số nước đã ghi nhận việc gấu nuôi nhốt có thể sinh sản. ở Việt Nam tại các trang trại nuôi gấu, gấu cái và gấu đực thường bị

nhốt riêng trong các chuồng cũ chật hẹp với chế độ ăn uống và chăm sóc không đảm bảo nên gấu khó có thể sinh sản được. Chỉ có một trường hợp duy nhất một hộ dân thuộc thị trấn Cù Chi (Tp.HCM), một con gấu ngựa cái đã mang thai và sinh được một gấu con nặng 0,5kg trong điều kiện nuôi nhốt. Thông tin này đã được cán bộ Thảo Cầm Viên Sài Gòn xác nhận.

Vì gấu chó không ngủ đông, nên chúng có thể sinh đẻ quanh năm. Chúng thông thường đẻ 2 con với trọng lượng khi sinh khoảng 280 - 340 g (10-12 aoxơ) mỗi con. Chu kỳ mang thai khoảng 96 ngày, nhưng chúng cho con bú khoảng 18 tháng. Gấu đạt đến độ tuổi trưởng thành sau khoảng 3-4 năm, và chúng sống đến 28 năm trong điều kiện bị giam cầm.

4. Giá trị kinh tế

Hiện nay một số hộ dân ở nhiều địa phương đã mạnh dạn xin phép cơ quan kiểm lâm để nuôi gấu lấy mật mang lại hiệu quả kinh tế cao. Nuôi một con gấu trưởng thành có trọng lượng 4-5 tạ (3-4 năm tuổi) trở lên, cho thu lãi từ bán mật khoảng 8-10 triệu đồng/năm.

Dưới đây chúng tôi giới thiệu kinh nghiệm của một số hộ nông dân nuôi gấu lâu năm ở huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang để bà con cùng tham khảo.

Trước đây dăm năm tại Sơn La giá 1 kg gấu hơi 150.000 đồng (loại gấu to từ 80-100 Kg), còn tại Hà Nội và Sơn Tây, giá cao hơn, gần 200.000 đồng/Kg; loại gấu nhỏ, 5 triệu đồng/ con (gấu giống nặng độ 5 kg); giá 1cc

mật (tức 1ml) là 200.000 đ.l cc mật gấu giá khoảng 200.000 đồng, mỗi con trung bình rút được từ 150-200 cc. lợi nhuận thu về theo cấp số nhân là lý do khiến việc lên lút nuôi gấu lấy mật ngày một tăng ở Thủ đô.

Tại một trại nuôi gấu ở phía Bắc Sài Gòn chừng 20 phút đi xe, lần lượt từng con gấu được đánh thuốc mê rồi kim đâm vào túi mật để rút lấy mật ra. Một ống kim chích 100cc mật gấu là có gần 1.000 đô la, số tiền thật lớn trong xã hội Việt Nam. Có người uống ngay tại chỗ, có người mua mang về. Một cc mật gấu bán được gần 10 đô la. Nhiều người mua cả chục cc. Theo các sự tin tưởng truyền thống, mật gấu là thuốc chữa bệnh ngoại khoa rất tài tình khi hòa lẫn với rượu để thoa bóp trên vết thương. Mật gấu có thể trị được bệnh ung thư, tăng cường sinh lực v.v..

5. Kỹ thuật và môi trường nuôi dưỡng

5.1. Chuồng trại và dụng cụ nuôi 1 con gấu lấy mật

Cũi sắt (hàn bằng sắt vuông, khung, nẹp bằng sắt xoắn cây đường kính 3cm) có dung tích 8m³ (dây có chiều dài x rộng x 2m; cao 2m). Có giàn bằng sắt (rộng 80cm, cao 1m, dài theo chiều dài cũi) cho gấu ngồi, nằm và cây gỗ to, chắc, bắc ngang hoặc chéo qua chuồng cho gấu leo chèo, vận động. Cũi nuôi gấu phải để dưới tán cây râm mát, nơi thoáng gió, sạch sẽ. Dưới gầm cũi được láng xi măng, dốc 6-100 về một phía để tiện cho việc dọn phân và nước tiểu được thuận lợi. Hay trong

chuồng có bố trí để gấu có thể vận động và môi trường gần giống tự nhiên, như bể nước tắm, cây cột cho gấu leo trèo, giá để gấu nằm ngủ

Giống gấu: Gấu ngựa, gấu chó, gấu bốn mắt, gấu nâu châu Á và gấu trúc Trung Quốc và họ đang có kế hoạch nhân bản vô tính để bảo vệ chúng.

Gấu nuôi lấy mật hiện nay chủ yếu là giống gấu ngựa, khi trưởng thành (3-4 năm tuổi có trọng lượng 4-5 tạ/con), cho lượng mật lớn và có chất lượng ổn định.

Chọn gấu con 3-4 tháng tuổi, trọng lượng 7-8kg, khoẻ mạnh, nhanh nhẹn, không bị dị tật để nuôi. Giá gấu giống hiện nay khoảng 200 nghìn đồng/kg.

Một lứa Gấu mẹ đẻ ít nhất là một vài con và nhiều nhất là bốn năm con. Gấu mẹ tuy thân hình to lớn, ít ra cũng cá tạ, nhưng con của nó mới sinh ra lại quá nhỏ, thường chỉ nặng từ một ký đến ký rưỡi là cùng.

Gấu con sau ngày sinh một tháng mới mở mắt. Tháng đầu gấu đi chưa vững, qua hết tháng thứ hai mới đi được, nhưng vẫn còn chậm chạp. Gấu con từ hai tháng tuổi trở đi, tuy vẫn được bú mẹ, nhưng nếu thấy cần thiết, nên tập cho chúng ăn thêm bánh mì nhúng sữa cho mau lớn. Nên tập cho chúng ăn từ từ trong những ngày đầu để quen dần với thức ăn mới.

Sau thời gian này, gấu con đã lớn, có thể cân nặng từ mười đến mười lăm cân (kg), khẩu phần của chúng giống như khẩu phần Gấu lớn: cháo đường hay cháo thịt, hoặc cá.

Thịt cho Gấu ăn không nhất thiết phải là thịt heo, bò, mà là tất cả thịt thú vật khác như gà, vịt, thỏ... Ta có thể mua các loại lòng ruột, phổi, huyết của heo, bò để nấu cháo cho Gấu ăn cũng tốt, lại rẻ tiền.

Gấu cũng thích ăn cá, như cá đồng, cá biển; cần nấu chín mới cho ăn.

Gấu con ăn no là ngủ. Nên cho Gấu ngủ nơi ấm áp, nhất là trong giai đoạn còn quá nhỏ và khi trời trở lạnh.

Nuôi Gấu con không khó, cũng không vất vả. Chỉ cho chúng ăn no nê; đúng bữa, tối cho ngủ chỗ khô ráo, ấm áp là chúng mau lớn. Gấu cũng thích tắm, nên trong mùa nóng nực vào ban ngày ta nên tắm cho Gấu một lần. Trong mùa đông tháng giá thì nên tắm với nước ấm. Tắm xong thì lau ngay cho lông khô.

Thường thì Gấu con cũng ít bị bệnh. Chúng thường bị cảm và tiêu chảy. Nhưng những bệnh này dễ trị, chỉ cho chúng uống thuốc thông thường của người là khỏi ngay.

5.2. Thức ăn, nuôi dưỡng

Muốn gấu khỏe mạnh, chất lượng mật tốt và ổn định cần cho gấu ăn nhiều thức ăn tổng hợp. Thức ăn yêu cầu phải sạch, tươi, không bị dịch bệnh. Gấu rất mẫn cảm với các loại thức ăn ôi thiu, không đảm bảo vệ sinh. Thức ăn bao gồm thức ăn động vật, thực vật, thức ăn khoáng, vitamin bổ sung... Có thể nấu chín thành cháo, súp hoặc cho ăn tươi sống kết hợp.

Thức ăn động vật: Cá tươi, sống là món ăn gần ưa thích nhất, xương động vật các loại (nếu xương to cần phải đập nhỏ trước khi cho ăn), thịt động vật các loại đảm bảo hàm lượng protein chiếm 18-20% trong khẩu phần ăn của gấu.

Thức ăn tinh: Gồm cơm gạo lức (gạo lật, gạo xay bỏ vỏ không giã), ngô, khoai lang, hạt đậu đỗ các loại. Thức ăn tinh chiếm 50-60% trong khẩu phần ăn. Ngoài ra còn cho thêm đường (đường mía) và mật ong vào thức ăn dạng súp cho gấu ăn.

Rau, quả xanh: Rau muống, bắp cải, su hào, su su, cà rốt, bí đỏ chiếm 15-20% trong khẩu phần ăn. Rau, quả xanh bổ sung thêm chất xơ và vitamin cho gấu thêm phần khoẻ mạnh.

Thức ăn bổ sung: *B.complex* của các hãng thuốc thú y lớn có uy tín như: Béo, Thú y xanh Việt Nam, Nafa...

Lượng thức ăn các loại cho gấu/ngày bằng khoảng 10-15% trọng lượng gấu. Ta có thể cho gấu ăn 3 bữa (sáng, trưa, chiều)/ngày. Về thức ăn gồm: bột ngô, gạo, đường, thịt và rau- khẩu phần đó căn cứ vào tài liệu nước ngoài và cả quá trình nuôi dưỡng thực tế của Trung tâm Sau khi cho gấu ăn khoảng 2 giờ, thức ăn thừa cần loại bỏ. Cho gấu uống đủ nước sạch, thường xuyên thay nước ngày 2-3 lần, cọ rửa phơi nắng máng nước 1 lần/ngày.

5.3. Chống rét cho gấu

Những ngày rét đậm dưới 130C kéo dài cần dùng bạt che kín cũi nuôi gấu, thấp bóng điện khi cho gấu ăn và sưởi ấm khi cần thiết.

5.4. Chống nóng cho gấu

Nếu nắng nóng trên 330C kéo dài, cần tháo bỏ bạt che cho gấu, bật quạt thông gió, cho gấu uống thêm B.complex có nhiều Vitamin C (Unilyte Vit-C) hoặc dung dịch vitamin C (500mg/lít) + đường mía (1%) + muối ăn (0,1%) ăn thêm nhiều rau xanh giúp cho gấu giải nhiệt được tốt hơn.

5.5. Vệ sinh, phòng bệnh

Mỗi ngày cần rửa sạch nền chuồng 2- 3 lần sau khi gấu bài tiết. Phun thuốc khử trùng định kỳ 2-3 tháng/lần bằng các loại thuốc khử trùng mới, an toàn, hiệu quả diệt khuẩn cao như Benkocid; Oxidan- Tea; Virkon,...

Phải nhất thiết đăng ký chữa bệnh với bác sĩ thú y (chuyên ngành động vật hoang dã) có nhiều kinh nghiệm để khám bệnh định kỳ 1 tháng/ lần và chữa bệnh đột xuất bất kể ngày, đêm cho gấu khi nhiễm bệnh.

5.6. Kinh nghiệm lấy mật gấu

Gấu có trọng lượng 100 kg trở lên (12- 15 tháng tuổi tùy nuôi dưỡng), là có thể lấy được dịch mật. Nên 4-5 tháng lấy dịch mật một lần, đảm bảo sức khoẻ cho gấu và chất lượng mật cho người tiêu dùng.

Khi lấy mật, cũng phải thuê chuyên gia có máy siêu âm nội soi, có thuốc gây tê, gây mê hiện đại, thao tác nhanh gọn tránh làm gấu sợ hãi do bị Stress. Giá thuê một lần hút dịch mật hiện nay khoảng 700 - 800 nghìn đồng.

Gấu trong điều kiện nuôi nhốt tại Việt Nam

Nên nhớ rằng, dù là gấu con và mua về để chăn nuôi, thì mục đích cuối cùng của săn bắt và chăn nuôi chỉ là những sản phẩm: mật gấu, cao gấu, bốn bàn chân, da gấu và thịt. Dù gần đây có nơi mấy mò ra cách lấy mật gấu nhiều lần bằng cách: phẫu thuật rồi khâu lại, có thể phẫu thuật một số lần, thì con gấu đó cuối cùng sẽ bị giết, không có chuyện sinh sản.

Từ trước đến nay, tài liệu nghiên cứu về gấu ở Việt Nam rất sơ sài (về thời gian mang thai và sinh nở của gấu. Có tài liệu viết thời gian mang thai của gấu là 3 tháng, tài liệu khác viết mang thai 5 tháng, hoặc kéo dài hơn. Lúc đó, nhiều người, kể cả các nhà khoa học cũng nghi ngờ và cho rằng, con gấu đã thụ thai trước khi nhập vào Việt Nam. Vì vậy các cán bộ nghiên cứu của trung tâm phải tiến hành theo dõi và nghiên cứu tiếp để khẳng định kết quả gấu sinh nở trong điều kiện nuôi nhốt mà họ đã đạt được. Sau 6 tháng, Trung tâm tiến hành cai sữa hai gấu con (hai gấu này, sau đó phát triển, nặng tới 80-90 Kg/con). Sau khi cai sữa, gấu mẹ được nuôi tách riêng và theo dõi chặt chẽ, đặc biệt là theo dõi sự biểu hiện động dục của gấu. Ngay khi phát hiện sự

đồng đực trở lại, vào tháng 5/1998, đã tiến hành ghép gấu đực. Sau hai lần phối giống tự nhiên trong chuồng, gấu cái có biểu hiện thụ thai và 14/12/1998 sinh 2 gấu con (một đực, một cái); cả đẻ diễn ra bình thường. Trước đó một tháng, gấu mẹ có những biểu hiện không bình thường, giống lần mang thai kỳ trước, nó giảm và bỏ ăn.

Nuôi gấu tập trung theo hướng kinh doanh, khai thác các sản phẩm của gấu và gấu có khả năng thụ thai, sinh nở trong chuồng, đã được tiến hành từ lâu ở Trung Quốc- quốc gia này có những trại nuôi tới 1.000 con. Các nhà nghiên cứu của Trung Quốc cũng đang tiến hành lấy tinh và thí nghiệm thụ thai nhân tạo cho gấu. Ở Việt Nam cả gấu thụ thai và sinh nở bình thường trong chuồng nuôi nhốt của Trung tâm Nghiên cứu bò và đồng có Ba Vì là kết quả thành công đầu tiên ở nước ta. Cùng với kết quả trên các cán bộ nghiên cứu của Trung tâm đã thu được tài liệu thực tế, chính xác và tỷ mỉ về chế độ nuôi dinh dưỡng, sinh lý của gấu.

Gần đây một số trại nuôi nhốt gấu tư nhân cũng thành công trong việc cho gấu đẻ. Hy vọng trong một tương lai không xa, nước ta có thể tiến hành kinh doanh chăn nuôi, phát triển đàn gấu dưới dạng chuồng trại nuôi nhốt, như chúng ta đã tiến hành chăn nuôi một số loài động vật hoang dã khác, như nuôi trâu, hươu, khỉ, cá sấu.... Và điều quan trọng hơn là tránh cho loài gấu ở Việt Nam, nguy cơ tuyệt chủng.

Hiện nay một số hộ dân ở nhiều địa phương đã mạnh dạn xin phép cơ quan kiểm lâm để nuôi gấu lấy mật mang lại hiệu quả kinh tế cao. Nuôi một con gấu trưởng thành có trọng lượng 4-5 tạ (3-4 năm tuổi) trở lên, cho thu lãi từ bán mật khoảng 8-10 triệu đồng/năm.

Gấu ở Việt nam: Trên đà tuyệt chủng !

Chị Nguyễn Phương Dung (Phòng truyền thông - ENV) cho biết, Việt Nam hiện chưa có trung tâm nhân giống gấu. Thế nhưng một số người thường viện cớ nuôi gấu để duy trì nòi giống của chúng. Thực chất động lực của việc nuôi nhốt gấu là lợi nhuận từ mật gấu. Giá mật gấu chất lượng tốt trên thị trường hiện nay dao động từ 160.000-200.000 đồng/cc. Qua khảo sát của ENV, gấu bị săn bắt, buôn bán và được nuôi nhốt trong những chuồng cũ chật hẹp với điều kiện sống không đảm bảo. Thông thường gấu bị lấy mật 4-6 tháng/lần. Song vì mục đích lợi nhuận, nhiều người nuôi hút mật hai tuần một lần. Do vậy, giá mật họ chào bán chỉ chừng 80.000-100.000đồng/cc. Chế độ nuôi và lấy mật không thích hợp đã làm giảm tuổi thọ của gấu. Nhiều con chết do biến chứng trong quá trình lấy mật. Cũng do lợi nhuận cao, nên nghề "chăn nuôi gấu, lấy mật" xem chừng đã khá... "phát triển"! Cục kiểm Lâm đã cho thống kê và nhận thấy, đến năm 2003, số lượng gấu được nuôi nhốt ở Việt Nam lên tới 2.409 con, tăng gấp... 5 lần so với năm 1999! Trong số các loài gấu bị nuôi nhốt ở VN, số phận của gấu ngựa là bị tham nhớt do chiếm tới 96%

tổng số gấu bị nuôi nhốt. Hà Nội, Hà Tây, Hải Phòng, Nghệ An, Bình Dương và TP Hồ Chí Minh là những địa phương tập trung nhiều gấu nuôi nhất (76%). Gấu bị săn bắt, buôn bán và được nuôi nhốt trong những chuồng cũi chật hẹp với điều kiện sống không đảm bảo. Thông thường gấu bị lấy mật 4-6 tháng/lần. Song vì mục đích lợi nhuận, nhiều người nuôi hút mật hai tuần một lần. Do vậy, giá mật họ chào bán chỉ chừng 80.000-100.000 đồng/cc. Chế độ nuôi và lấy mật không thích hợp đã làm giảm tuổi thọ của gấu. Nhiều con chết do biến chứng trong quá trình lấy mật.

Theo TS Nguyễn Xuân Đặng, Trưởng Phòng Động vật học thuộc Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật, Gấu ở Việt Nam sẽ nhanh chóng tuyệt chủng nếu hoạt động săn bắt và khai thác sản phẩm từ gấu không chấm dứt.

Đe dọa tuyệt chủng từ châu Á đến Nam Mỹ!

Theo Liên minh bảo tồn thế giới (IUCN), hiện có tám loài gấu còn tồn tại trên trái đất, sinh sống ở bốn châu lục: gấu trúc (Trung Quốc); gấu ngựa (Đông Nam á, Nam và Đông á); gấu chó (Nam châu á); gấu bốn mắt (vùng Andean của Nam Mỹ), gấu lợn (Đông Nam châu á), gấu nâu (châu Âu, Trung á, Nga, Nhật Bản và Bắc Mỹ), gấu đen châu Mỹ (Bắc Mỹ), và gấu Bắc cực. Năm loài đầu tiên bị đe dọa nhiều nhất. Ngoại trừ gấu đen châu Mỹ cũng như gấu nâu ở Alaska, Canada và Nga, các loài còn lại đều suy giảm về số lượng cũng

như sự phân bố do tác động của con người. Các hoạt động của con người ảnh hưởng tới gấu là phát quang rừng lấy đất canh tác, sự định cư của con người trong khu vực có gấu sinh sống và khai thác rừng quá mức. Hoạt động giết gấu không có kiểm soát để giải trí, lấy các bộ phận làm thuốc, bảo vệ mùa màng hoặc gia súc đã làm số lượng gấu giảm mạnh. Các mối đe dọa lớn nhất đối với gấu nằm ở châu á, Trung Đông và Nam Mỹ. Ngoài việc đối mặt với tất cả những mối đe dọa nói trên, gấu châu á (gấu trúc, gấu lợn, gấu ngựa và gấu chó) đặc biệt lâm nguy do con người thiếu hiểu biết về tình trạng, sự phân bố, số lượng và những điều kiện cần để chúng sinh tồn trong tự nhiên. Theo IUCN, nhiều nhóm gấu trong khu vực sẽ biến mất trước khi chúng được ghi nhận. Trong số tám loài gấu chỉ có gấu trúc là không bị săn bắt để lấy mật. Tổ chức bảo tồn thiên nhiên hoang dã (WWF) cho biết hiện còn khoảng 1.000 con gấu trúc trong tự nhiên sinh sống ở các dãy núi phía Tây Trung Quốc. ít nhất 18 nước châu á liên quan tới việc buôn bán các bộ phận của gấu, chủ yếu nhằm phục vụ y học truyền thống. Tại nhiều nước trong khu vực, sử dụng mật gấu là một bộ phận lâu đời của y học truyền thống cổ xưa nhằm làm "mát" các căn bệnh "nóng". Kết quả là mặc dù việc buôn bán và sở hữu các bộ phận của gấu bị ngăn cấm hoặc hạn chế song luật thường không được thực thi. Do hoạt động buôn bán bị cấm nên giá của chúng thường rất cao, tạo ra lợi nhuận tiềm năng lớn tới mức bọn săn bắt trộm, thương gia

cũng như chủ cửa hiệu thuốc truyền thống vẫn liều lĩnh buôn bán, bất chấp có thể bị phạt tù. Tại Việt Nam, một chiếc tay phải của gấu rừng lớn dùng để ngâm rượu được bán với giá trên 10 triệu đồng ở thị trường chợ đen.

1 vốn... 80 lời!

Trong 20-25 năm qua, Trung Quốc đã phát triển ngành nuôi gấu lấy mật. Theo Victor Watkins, giám đốc phụ trách bộ phận động vật hoang dã tại Hiệp hội Bảo vệ Động vật Thế giới, Trung Quốc có hơn 200 trang trại gấu, nuôi nhốt 7.000 con gấu ngựa và chiếm 1/3 tổng số gấu ngựa tại nước này. 40-50% gấu tập trung tại 10 trang trại lớn nhất, mỗi trang trại có chừng 300 con. Về mặt lịch sử, gấu ngựa là nguồn mật phổ biến nhất đối với y học cổ truyền Trung Quốc. Các trang trại cung cấp chừng 6.000kg mật mỗi năm, cao hơn tổng nhu cầu tiêu dùng nội địa, và có giá trị hơn 100 triệu đôla. Nhiều nhà bảo tồn lo ngại nguồn cung mật gấu dồi dào từ các trang trại này đang tạo ra nhiều người tiêu dùng hơn và không bảo vệ gấu. Ngoài ra, nhiều con gấu nuôi nhốt trên các trang trại được bắt trong thiên nhiên. Mặc dù Trung Quốc ngăn cấm xuất khẩu mật gấu tại các trang trại trên song hoạt động buôn bán bất hợp pháp từ Trung Quốc vẫn tiếp tục diễn ra. Mặc dù có lệnh cấm buôn bán quốc tế các sản phẩm của gấu theo CITES song nhóm của Watkin phát hiện sản phẩm mật gấu vẫn được bán tại

Nhật Bản, Malaysia, Singapore, Mỹ, Canada, Australia, Indonesi và nói chung là nhiều cộng đồng châu á trên khắp thế giới. Tại một số nước, hơn 70% cửa hàng được điều tra có bán sản phẩm gấu bất hợp pháp. Watkin nói: "Một trong những lo ngại là do Trung Quốc đang sản xuất hàng loạt mật gấu và họ đang tìm kiếm một thị trường bất hợp pháp. Họ cung cấp sản phẩm mật gấu không chỉ ở Trung Quốc mà còn khắp thế giới và vô tình tạo ra nhu cầu mà trước đây chưa từng có. Kết quả là nhiều người muốn mua sản phẩm này. Rõ ràng là nếu có cơ hội kiếm tiền từ mật gấu, nhiều tay thợ săn đang giết cả gấu đen, gấu nâu và gấu Bắc cực để lấy mật bán cho các cộng đồng châu Á". Một gam mật gấu ở Trung Quốc có giá chưa tới 0,25 USD song trên thị trường quốc tế mức này là 20 USD/gam

Mặc dù bọn săn trộm săn gấu để lấy các bộ phận có giá trị song phần quý nhất là túi mật. Y học cổ truyền Trung Quốc coi muối mật trong túi mật gấu là một loại thuốc cực mạnh. Muối mật có giá trị tới mức tại thị trường châu Á, một túi mật có thể lên tới 4.000 USD hoặc hơn thế. Theo các bác sĩ châu á, muối mật có thể cứu các bệnh về ruột, gan, sốt và tim mạch. Trái ngược với quan điểm ở phương Tây, mật gấu không được coi là thuốc kích dục. Nghiên cứu lâm sàng cho thấy mật gấu rất hiệu quả trong việc giải độc cho gan, trị co thắt, chất chống ho, trị sưng tấy do va đập, hoà tan sỏi mật, sỏi

thận, chữa bệnh dạ dày và giảm sốt. Vuốt, chân, răng và lông gấu cũng có giá trị tại các thị trường ở châu Á, Bắc Mỹ và châu Âu.

Dùng sản phẩm thay thế để cứu gấu

Theo IUCN và WWF, cần tiến hành khảo sát tình trạng và sự phân bố của các loài gấu châu Á, đặc biệt là gấu chó và gấu ngựa ở Đông Nam Á cũng như Tây Nam Á, gấu nâu ở Trung Đông và Nam Á. Các tổ chức nói trên đang phát triển các dự án hợp tác với một số nước có gấu ngựa, gấu chó, gấu bốn mắt và gấu nâu châu Á để đào tạo các nhà quản lý địa phương có hiểu biết và kinh nghiệm về gấu cũng như nhằm phát triển kế hoạch quản lý. Điều này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng tại các nước chưa có số liệu thống kê về gấu như Indonesia, Malaysia, Thái Lan, Lào, Việt Nam, Myanmar và tại các nước có nhiều gấu như Trung Quốc, vùng biên Đông của Nga, Ecuador, Bolivia và Peru.

IUCN còn khuyến cáo, các nước nên tăng cường công tác quản lý xuyên biên giới vì nhiều nhóm gấu còn lại cũng như môi trường sống của chúng nằm ở các vùng biên giới quốc tế chẳng hạn như Peru-Bolivia-Ecuador, Columbia-Venezuela, Lào-Vietnam, Hy Lạp-Bulgaria-Macedonia-Albania, Pháp-Tây Ban Nha.

Riêng các nước có nhu cầu tiêu dùng cao đối với các sản phẩm từ gấu, cần phải nỗ lực giảm thiểu việc sử dụng mật gấu nhỏ lẻ để đảm bảo nguồn cung hạn chế có sẵn khi cần. Ngoài ra, các nước châu Á nhập

khẩu mật gấu nên giáo dục cho người dân về hiệu quả của các chất tự nhiên nhằm giảm nhu cầu mật gấu. Các quốc gia tồn tại hoạt động xuất khẩu các bộ phận của gấu bất hợp pháp phải tăng cường thực thi pháp luật, áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với buôn bán gấu và yêu cầu sự trợ giúp của cộng đồng quốc tế nếu cần

NUÔI NAI

1. Giới thiệu giống

Trong phân loại học nai thuộc lớp động vật có vú (Mammalia), bộ guốc chẵn (Artiodactyla), họ sừng đặc Cervidea hay họ hươu nai, loài nai. Phụ loài nai Việt Nam là Cervus inicolor Equinos.

Nai là một loài động vật quý trong rừng nhiệt đới nước ta.



Nghề nuôi nai đã có từ rất lâu, tuy sự phát triển chưa thật rộng và nhiều như nghề nuôi hươu.

Nai có thể xem là động vật bán thuần dưỡng, một dạng nằm giữa gia súc và thú hoang, vì vậy chuồng trại nuôi nai phải rất kiên cố để phòng nai thoát chạy về rừng.

Phân bố

Nai cổ đại được tìm thấy tại nước ta và các nước Nam á và Đông Nam á. Trước đây khi còn nhiều rừng ở nước ta có rất nhiều nai, đặc biệt là ở Tây Nguyên và Đông Nam Bộ. Nhưng do sự săn bắt bừa bãi số lượng nai ở nước ta giảm sút rất nhanh. Hiện tại số lượng nai nước ta không nhiều, tập trung chỉ ở một số tỉnh Tây Nguyên và số ít ở vùng Nghệ An - Hà Tĩnh. Điều tra ở tỉnh Đắk Lắk, qua mấy năm cho thấy đàn nai tăng giảm thất thường, tốc độ tăng đàn chậm.

Năm	Số lượng	Năm	Số lượng	Năm	Số lượng
1991	375	1993	284	1995	320
1992	450	1994	270	1996	367

Điều tra ở diện rộng trên 6 tỉnh và thành phố Đồng Nai, thành phố Hồ Chí Minh, Phú Yên, Đắk Lắk, Khánh Hòa với 5 trại và 101 hộ đã nuôi 555 con nai, trong đó đáng chú ý là số nai đực thường nhiều hơn số nai cái.

2. Đặc điểm sinh học

Nai là loài động vật lớn nhất trong họ hươu nai. Nai có thân cao, rắn chắc, chân dài thon, cổ dài, đầu to, trán rộng, khối lượng trung bình lúc trưởng thành ở con đực là 150-200 kg, con cái là 120- 140 kg.

Toàn thân nai phủ bộ lông nâu sẫm, con đực có bộ lông dày hơn con cái. Phía trước bụng và bên trong đùi thường có chùm lông màu vàng nhạt hoặc trắng.

Gạc nai (sừng) là đặc trưng để phân biệt đực cái. Chỉ có nai đực là có gạc, thường thì mọc gạc lúc 12-20 tháng tuổi. Bộ gạc hoàn chỉnh bao gồm 3 nhánh.

Một đặc điểm rất nổi bật của phần dưới mắt nai là tuyến lệ có ca ở con đực lẫn con cái. Tuyến lệ rất lớn, nổi rõ và càng lớn khi động dục. Ngoài ra còn có tuyến guốc ở giữa 2 móng chân, chất tiết của tuyến này giúp con vật đánh dấu khu vực sinh sống, tìm đồng loại, nhất là đối tượng giao phối.

Nai là thú nhai lại, dạ dày có 4 túi. Hàm trên của nai không có răng cửa và răng nanh, răng nanh hàm dưới nằm cạnh răng cửa, răng hàm thấp, bề mặt rộng. Tổng số các loại răng là 32. Dạ dày của nai gồm dạ cỏ, dạ tổ ong, dạ lá sách và dạ múi khế. Theo Bourret 1942 dung tích dạ cỏ của nai trưởng thành đạt 150-200 lít chiếm gần 9/10 dung tích dạ dày. Theo Short 1964 dạ cỏ chiếm 74% dung tích toàn bộ dạ dày. Với dung tích dạ cỏ như vậy nai có thể ăn nhiều loại thức ăn thực vật bao gồm cỏ, lá, thân cây.

Nai thích cư trú ở các vùng thưa, vùng rừng cây lá rộng trong đó xen kẽ giữa cây gỗ và cây bụi. Tất nhiên là ở những vùng này cần có sẵn nguồn nước. Nai không thích ở rừng rậm rạp, hoặc những vùng thảm thực vật nghèo hoặc xa nguồn nước.

Nai sống thành từng đàn, chúng nhận biết nhau qua chất dịch tiết ra từ tuyến lệ và tuyến guốc. Nai đực trưởng thành thường sống đơn độc, khi mùa động dục

đến mới sống ghép đàn với một số con cái. Mỗi đàn nai thường có một con nai đầu đàn, hoạt động của đàn được điều khiển từ con đầu đàn quyền lực này.

Sống hoang dã nai rất nhạy cảm, luôn cảnh giới và có các biểu hiện dựng tai nghe ngóng, mũi phập phồng và khi gặp tình thế nguy hiểm thì chạy biến vào rừng sâu. Bước nhảy của nai lúc bấy giờ có thể dài từ 4-6 m và cao tới 1,8-2 m. Nai được nuôi trong chuồng tính thuần hơn, có biểu hiện thân thiện với chủ nuôi. Trong điều kiện sống tự nhiên, hoạt động kiếm ăn, di lại của nai thường vào ban đêm; ban ngày nai kiếm nơi kín đáo để nhai lại và để ngủ. Trong điều kiện nuôi nhốt, hoạt động cũng như nghỉ ngơi của nai tiến hành cả ngày lẫn đêm xen kẽ.

Nai thích ăn các cây cỏ, cây bụi thấp và cả rong rêu. Qua khảo sát cho thấy trong thành phần thức ăn mà nai tự tìm ăn có khoảng 1/3 là cỏ, 2/3 là các loại lá, quả, cành cây. Thức ăn xanh của nai rất đa dạng, đặc biệt nai có thể ăn cả những lá đắng (như lá xoan). Các tác giả (Lê Hiền Hào, 1973, Đào Văn Tiến, 1985) cho biết nai còn biết ăn cả thức ăn động vật như rùa và cá nữa. Trong điều kiện nuôi nhốt ngoài thức ăn xanh người ta còn cho nai ăn thêm ngô hạt, đậu, bột xương và muối, nhất là trong mùa sinh sản.

3. Khả năng sản xuất

3.1. Khả năng sinh trưởng

Nhiều tài liệu đã nói đến sức sinh trưởng của nai, có thể tập hợp lại như sau:

Tuổi	Theo Đinh Ngọc Lâm	Theo Nguyễn Tấn Vui (1977)
Sơ sinh	7-8 kg	7.55 kg
3 tháng tuổi	40kg	34,25kg
6 tháng tuổi	-	50.50kg
12 tháng tuổi	60-65 kg	-
18 tháng tuổi	100 kg	-
Trưởng thành	120-150kg	140-160kg

3.2. Khả năng sinh sản

Như nhiều dã thú khác, nai động dục theo mùa:

- Mùa thứ nhất từ tháng 1 đến tháng 3 trong năm.
- Mùa thứ hai từ tháng 7 đến tháng 9.

Xem ra mùa động dục của con cái rất phù hợp với sự thay đổi sinh lý của con đực: sau khi con đực rụng gạc vào các tháng 5, 6, 7 trong năm. Thời gian động dục kéo dài từ 1 - 3 ngày và nếu phối không đậu thì chu kỳ tiếp theo đón sau 20 - 30 ngày. Bây giờ nai dục thường ăn ít và trở nên hung dữ hơn bình thường và người ta phải nhốt chung con đực và con cái và buộc riêng. Không được để nhiều con đực với nhau sẽ sinh

đánh nhau. Thời gian mang thai của nai là 9 tháng (260 - 270 ngày). Nai là động vật đơn thai. Nai con sau khi đẻ 25 - 30 ngày đã bắt đầu biết ăn lộc non, lúc 3 - 4 tháng tuổi thì cai sữa.

Sau đây là một số chỉ tiêu sinh sản của nai cái:

Tuổi thành thực 13- 14 tháng

Tuổi phối giống lần đầu 18 tháng

Thời gian mang thai 260-270 ngày

Chu kỳ động dục 22 ngày

Khoảng cách giữa 2 lứa đẻ 13,5 tháng

Khả năng sinh sản của nai nhìn chung là tốt. Tỷ lệ thụ thai cao 88,8%, tỷ lệ sống sau khi đẻ là 93,3 % (theo Nguyễn Tấn Vui, 1997).

3.3. Khả năng sản xuất nhung

Nhung là sản phẩm quý, một loại thuốc quý lấy từ sừng nai non, cũng là nguồn thu nhập hàng năm của người nuôi nai. Nhung chỉ có ở nai đực, mọc hàng năm. Nai đực bắt đầu mọc nhung lúc 12-20 tháng tuổi, nhanh chậm tùy theo cá thể và cả nuôi dưỡng nữa, nuôi dưỡng tốt nhung lên nhanh và to hơn. Lượng nhung lấy được tăng dần theo tuổi nai đực. Theo Nguyễn Tấn Vui (1997) thì lần đầu lấy nhung chỉ được khoảng 0,31kg; lúc 2-3 tuổi 0,84 kg; lúc 3-4 năm tuổi 1,51 kg, các năm sau có thể trên 2 kg.

Từ khi mọc nhú đến lúc thu hoạch nhung (cắt) là khoảng 45-60 ngày. Sau khi cắt khoảng 2 tháng nhung lại mọc lại lần thứ hai trong năm. Có khoảng 80% số con đực mọc nhung lần thứ hai trong năm. Nhung cắt lần thứ hai trong năm có khối lượng và chất lượng thấp hơn lần thứ nhất.

4. Giá trị kinh tế của nai

Nguồn thu chính của nghề nuôi nai là thịt, nhung và các phụ phẩm.

4.1. Thịt nai

Là loại thịt cao giá trong các cửa hàng ăn đặc sản. Thú vui ăn thịt động vật nuôi rừng và cảm nhận thịt hươu nai là thuốc bổ đã kích thích giá thịt nai. Cho đến nay thịt nai chỉ là nguồn cung cấp ít ỏi do số lượng nuôi còn ít, người ta giữ nai để sinh sản và lấy nhung, chỉ giết những con ốm yếu hoặc những con nai rừng săn bắn bất hợp pháp. Do đó tỷ lệ thịt xẻ của nai chưa được đánh giá trên con vật tiêu chuẩn được nuôi béo, phần lớn là thấp chỉ đạt khoảng 40%. Bù lại với tỷ lệ thịt xẻ còn thấp, người ta đã tận dụng được các sản phẩm phụ khác để chế biến thành thức ăn hoặc thuốc bổ. Ví dụ: Lộc thận và lộc tiên (dịch hoàn và dương vật nai) có tác dụng bổ thận, tráng dương. Lộc căn (gân tứ chi) có tác dụng bổ gân xương, giúp xương gãy chóng lành. Lộc vĩ (đuôi nai) phơi khô dùng làm thuốc bổ. Lộc huyết (huyết nai) phơi khô chữa liệt

dương. Cao ban long (cao gạc nai) bổ huyết, kích thích tiêu hoá, tiết sữa.

4.2. Nhung nai

Là loại thuốc quý làm tăng sức khỏe một cách toàn diện qua việc xúc tiến chuyển hoá protit, lipid. Theo tài liệu phân tích của một số tác giả thì thành phần nhung nai bao gồm các chất hữu cơ, vô cơ, các loại homlone sinh dục, các enzym như catalaza và proxydaza. Theo Đinh Ngọc Lâm, 1985 qua phân tích sắc ký người ta tìm được trong nhung nai 18 loại axit amin.

Theo kinh nghiệm của dân, nhung nai rất có tác dụng trong việc chữa các chứng suy nhược, tinh kém, hoạt tính hoa mắt ở đàn ông, băng huyết ở đàn bà.

Cho đến nay người ta vẫn chưa tìm ra bản chất cơ chế tác động của nhung hươu nai, nhưng giá trị y học của nó đã được khẳng định.

5. Kỹ thuật và môi trường nuôi dưỡng

5.1. Cách làm chuồng nuôi nai

** Chuồng nuôi cho số lượng nai ít*

Nai có tính nhút nhát nên không thể thả lỏng như dê, bò mà phải có chuồng nhốt. Theo kinh nghiệm của nhân dân Hà Tĩnh, Nghệ An, chuồng làm có hình vuông hoặc hình chữ nhật, làm trên nền đắp cao. Nhân dân thường tích phân lại trong chuồng khoảng 6 tháng mới lấy ra một lần. Vì vậy đáy chuồng được đào sâu xuống khoảng 30 - 40 cm và thường xuyên đổ tro, trấu

làm cho phân và nền chuồng luôn được khô. Thành chuồng làm bằng gỗ, cột vuông (mỗi cạnh khoảng 18 x 20 cm), hoặc cột tròn (đường kính 20 - 22 cm) ; Gỗ làm xà và thành chuồng kích thước 4 x 13 cm, gỗ tròn thì đường kính khoảng 10 cm. Thành chuồng sát tới mái, cao khoảng 2 - 2,5m. Mỗi chuồng có nhiều ngăn, chuồng lớn hay nhỏ do số ngăn quyết định, mỗi ngăn có diện tích 4 - 6 m². Số ngăn phụ thuộc vào số nai nuôi nhiều hoặc ít. Mỗi con hươu đực phải nhốt riêng ở một ngăn, nai cái và nai con nhốt chung. Vì vậy, mỗi chuồng tối thiểu phải có hai ngăn, nhiều là 5 ngăn, trong đó bao giờ cũng phải có một ngăn dự trữ dùng để nhốt nai khi các ngăn khác cần làm vệ sinh, cần sửa chữa, hoặc khi nuôi nhiều nai cái mà có một con động dục cần phải nhốt riêng con đó với nai nòi để phối giống.

Mỗi ngăn thường làm 3 cửa: Một cửa mở ra phía ngoài để người ra vào khi cần, một cửa chung với ngăn bên để có thể lùa nai từ ngăn này qua ngăn khác và cửa thứ 3 là cửa nhỏ nai chỉ chui đầu lọt, thò cổ ra ngoài để ăn. Kiểu chuồng nói trên tuy đáp ứng được việc nuôi với số lượng ít, nhưng không được tốt vì quá chật và thấp, thiếu ánh sáng. Việc tích phân lại trong chuồng tuy có mặt ưu điểm là phân chóng hoại và tốt, nhưng mất vệ sinh, nai dễ mắc bệnh. Vì vậy, nền chuồng cần lát gạch, láng xi măng hoặc nền đất thì phải đầm kỹ, hàng ngày quét dọn sạch sẽ. Quanh chuồng có một khoảng vườn được rào vững chắc bằng

gỗ, tre, lưới thép hoặc xây cao từ 2,5 m trở lên, trong vườn có cây che bóng làm nơi cho hươu, nai chơi đùa, tắm nắng.

** Chuồng nhốt rộng cho nhiều nai*

Chuồng nhốt hẹp có lợi là ít tốn diện tích, rẻ tiền nhưng con vật nuôi bị nhốt gò bó sẽ gây suy thoái những phẩm chất vốn có khi còn sống hoang dã. Muốn nuôi tốt hơn thì chuồng cần làm rộng, một phần là nhà che mưa, phần để trống có cây che bóng mát có cỏ và cây bụi làm thức ăn. Nguyên liệu để rào vườn có thể bằng lưới thép, bằng gỗ, tre hoặc xây, chiều cao từ 2,5m trở lên và không có các khe kẽ rộng quá 10 cm. Nền ít nhất là hai ngăn, ở giữa là một lối đi hẹp, lúc cần bắt đặt bẫy ở giữa lửa chúng vào cho dễ bắt.

5.2. Thức ăn và chế độ cho ăn

Theo số lượng thống kê được thì nai ăn tới 50 loại thức ăn khác nhau, gồm : cỏ, lá cây, quả cây, rau và các loại chất bột. Chủ yếu là các loại sau : lá mít, lá vò, lá sung, lá cây muối, lá dướng, lá hu đay (lá giầy), lá ngái, lá ngôã, lá vông, lá khế, lá xoan, dây khoai lang, dây lạc còn có thể phối khô để dành cho ăn dần.

Người ta cũng thường bồi dưỡng cho nai bằng các loại chất bột như cơm, cháo (nếp hoặc tẻ), ngô hạt luộc hoặc bắp ngô sống non, khoai lang (sống hoặc luộc), sắn củ tươi : các loại rau như rau muống, bắp cải, su hào, bí đỏ, cà rốt... Ngoài ra khi con vật gầy yếu, ốm, con đực ở thời kỳ sắp mọc nhung hay

sau khi cắt nhung, sau khi giao phối với con cái ; con cái ở thời kỳ nuôi con hay sắp tới thời kỳ động dục, người ta còn bồi dưỡng cho chúng bằng trứng (luộc hoặc nấu cháo)

Khẩu phần thức ăn của một con mỗi ngày khoảng 30 kg cỏ lá. Ăn 2 bữa: sáng sớm và chiều tối. Không nên cho ăn thuần loại, vì ăn thế nai chóng chán và không đủ chất. Việc bồi dưỡng bằng chất bột tùy theo khả năng ta có và không nên cho ăn nhiều quá sẽ gây rối loạn tiêu hoá, chỉ bồi dưỡng cho con đực vào thời kỳ sắp mọc nhung và con cái vào thời kỳ nuôi con. Khi mới ăn món lạ có thể nai chưa chịu ăn ngay, ta cho thêm ít muối để kích thích. Đồng thời nên cho ít muối vào trong một cái ống có dùi nhiều lỗ nhỏ để nước muối rỉ ra cho nai liếm

5.3. Chăm sóc

Cần biết những đặc tính sinh học thì mới hiểu cách chăm sóc chúng. Nai (cả đực và cái) hai tuổi thì trưởng thành sinh dục (động dục và giao phối). Chúng động dục vào mùa thu và đẻ vào mùa xuân, thời gian chứa khoảng 6 tháng rưỡi đến 7 tháng, cả con đực và con cái đều động dục có mùa, khi con đực đã chín muồi thì không được nhốt chung với con cái; vì lúc con đực đòi nhẩy mà con cái chốn chạy, nó có thể phát khùng và húc chết con cái. Khi con cái động dục có biểu hiện là : kêu rống, đi lại nhiều trong chỗ nuôi nhốt, hay nhìn về phía con đực, lúc ấy cần cho

đực - cái gặp nhau, sau khi cho giao phối mà con cái chưa chửa thì khoảng 20 ngày sau lại động dục, nếu sau thời gian ấy không thấy con cái có biểu hiện động dục là giao phối đã thành công và cần nhốt riêng, không được nhốt chung với đực tránh để con đực làm rầy gây cho con cái sảy thai.

Những con đực chưa đến mùa sinh dục có thể nhốt chung, nhưng trong mùa sinh dục phải nhốt riêng, kéo nó ganh cái sẽ húc nhau gây nguy hiểm. Một con đực có thể cho giao phối với 10 con cái, nhưng sắp tới mùa sinh dục và sau khi cho giao phối cần bồi dưỡng, con đực nòi nào mà cho giao phối với nhiều con cái thì không nên cắt nhưng

Khi con cái đẻ phải chú ý mấy việc sau đây:

- Có trường hợp con cái không động dục, không đẻ, phải dùng hormon kích thích sinh dục

- Có trường hợp đẻ lứa đầu con mẹ vụng về hoặc do đau vú nên không cho con ăn, phải can thiệp để bắt ép nó phải cho con bú.

- Có trường hợp đẻ khó quá phải can thiệp để lôi con ra.

- Khi con mẹ âu yếm con mới đẻ thường có thói liếm chỗ rốn mà mẹ mới cần dây rốn, rồi liếm quá nhiều hoặc khi con ỉa nó cũng liếm dít quá nhiều mà lưỡi mẹ lại ráp nên dễ làm chảy máu gây nhiễm trùng và chết. Vì thế một phản xạ tự nhiên là con hay trốn bỏ mẹ, đến giờ

bú con nó sẽ về. nhưng có điều nguy hiểm là chó mà nhìn thấy sẽ cắn chết con con

Bệnh của nai và cách phòng chống

Nai thường hay mắc một số bệnh như: đầy hơi, chướng bụng do ăn phải thức ăn ôi, thiu, mốc hoặc do chuồng quá ẩm, bị ngâm nước tới bụng, bị ngộ độc do ăn phải lá độc, vỏ sắn, củ sắn cháy nhựa, bị cảm, bị ỉa chảy, hà móng, sưng chân... Cách phòng chữa như các loài gia súc ăn cỏ khác.

NUÔI HƯƠNG SAO

1. Giới thiệu giống

Hươu Sao Việt Nam có tên khoa học *Cervus Nippon Pseudasis*, lớp có vú (*Mammalia*), bộ guốc chân (*Artiodactyle*), loài nhai lại (*Ruminant*), họ hươu (*Cervidae*).



Hươu sao là một loài động vật quý của nước ta. Nó được coi là con vật bán thuần dưỡng, có thể nuôi ở nhà nhưng phải nhốt cẩn thận bởi vì nó vẫn giữ tập tính dã sinh dễ được thả là chạy về rừng.

Hươu sao nước ta còn gọi là Sika Deer là loại hươu nhiệt đới. Nó khác với hai loại cận nhiệt đới là *Cervus nippon taiouanensis* (Đài Loan) và *Cervus nippon kopschi* ở Đông Nam Trung Quốc (Chardonet, 1993).

Việt Nam là nước duy nhất ở Đông Nam á có nghề nuôi hươu sao truyền thống lâu đời và người nông dân Việt Nam đã tích lũy được những kinh nghiệm quý giá và nắm trong tay kỹ thuật nuôi hươu sao.

Phân bố

Hươu Việt Nam bắt nguồn từ các khu rừng nhiệt đới, hiện nó phân bố rộng rãi ở các vùng trên đất nước ta. Có điều là hươu sao sống hoang dã không còn lại là bao bởi chúng bị con người săn bắn quá mức. May sao nghề nuôi hươu sao đã phát triển khá mạnh trong nông hộ của một số vùng với một đàn hươu sao có lúc lên tới chục ngàn con. Nghệ Tĩnh là nơi nuôi nhiều hươu sao nhất.

Những năm đầu của thập kỷ 90 nghề nuôi hươu bột phát kéo theo một cơn sốt giống tai hại. Rất nhiều hươu sao được mua đi bán lại và phân bố ra rất nhiều tỉnh trong nước. Nhưng Nghệ An và Hà Tĩnh vẫn là quê hương của nghề nuôi hươu sao.

Chỉ riêng hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh trong thời điểm phát triển nhất, đàn hươu đã có tới 10.000 con. Nếu tính trên phạm vi toàn quốc thì đàn hươu sao có khoảng 22.000 con.

2. Đặc điểm sinh học

Cũng như trâu bò, hươu thuộc loài nhai lại, dạ dày của hươu có cấu tạo phức tạp gồm 4 túi: dạ cỏ, dạ tổ ong, dạ lá sách và dạ múi khế. Dạ cỏ có dung tích từ 6-10 lít, là một túi lên men lớn, ở đó có tới 50% các chất khó tiêu được tiêu hoá.

Mỗi ngày hươu nhai lại từ 6-8 lần và thời gian dùng cho nhai lại mỗi ngày bình quân là 7 giờ. Hươu có thể

ăn rất nhiều loại lá cây. Đặc biệt lá xoan là loại lá đáng (có tác dụng tẩy giun sán) mà hươu lại rất thích ăn.

Hươu sao như tên gọi của nó là trên nền màu vàng của thân có hai hàng chấm trắng như những ngôi sao chạy song song từ vai đến hai bên thân của hươu. Hươu sao có thân hình thon chắc, nhanh nhẹn, cổ dài, đầu nhẹ, tứ chi cao giúp hươu chạy nhanh. Toàn thân màu vàng, phía bụng vàng nhạt hơn.

Chỉ hươu đực mới có sừng, sừng non ta gọi là nhung (hay còn gọi là lộc). Nhung mọc mỗi năm một lần. Có một số con cho 2 lần mọc nhưng sau khi cắt, nhung lần thứ hai trong năm nhung mọc nhỏ hơn.

Tập tính của hươu sao

Nhút nhát là bản tính nổi bật của hươu sao, hễ nghe tiếng động lạ là bỏ chạy. Có lẽ do sức vóc nhỏ nên hươu đã chọn cách chạy trốn làm thượng sách và tứ chi cao khoẻ giúp nó chạy nhanh thoát hiểm. Được nuôi ở nhà, hươu sao quen người và tỏ ra thân thiện, nuôi càng lâu biểu hiện này càng rõ. Người ta có nhận xét đàn hươu nuôi nhà ở vùng Hương Sơn dễ gần hơn, không sợ sệt cảnh giác như đàn hươu nuôi ở Quỳnh Lưu, có lẽ cũng vì Quỳnh Lưu so với Hương Sơn là quê hương mới của hươu sao.

Sống trong rừng hươu sao hoạt động nhiều về đêm, ban ngày tìm nơi trú ẩn để nghỉ lại. Hươu sao ăn được nhiều loại thức ăn xanh. Đặc biệt nông dân thường cho

hươu sao ăn lá xoan, một thứ lá đắng thường dùng làm thuốc tẩy giun, nhưng hươu lại rất thích ăn.

3. Khả năng sản xuất

3.1. Khả năng sinh trưởng

So với các gia súc nhai lại khác thì hươu sao có tốc độ sinh trưởng tương đối khá và tầm vóc cũng lớn. Có những hươu đực nặng tới 90- 100 kg.

So với các gia súc nhai lại khác thì hươu sao có tốc độ sinh trưởng tương đối khá và tầm vóc cũng lớn. Có những hươu đực nặng tới 90- 100 kg.

Bảng I: Khối lượng hươu sao qua các giai đoạn (kg)

Tháng tuổi	Khối lượng đực	Khối lượng cái
Sơ sinh	3,8	3,4
1	10,3	8,5
2	17,0	14,4
3	22,5	20,0
6	28,3	24,3
12	40,2	32,9
24	54,2	43,2
>30	65,5	51,5

3.2. Khả năng sinh sản

3.2.1. Mùa động dục, mùa sinh sản

Mùa động dục của hươu tập trung cao điểm vào các tháng 8, 9, 10 trong năm. Có lẽ sau mùa mưa, được ăn nhiều cỏ lá xanh đã kích thích hoạt động tính dục của

hươu. Như vậy mùa sinh sản của hươu tập trung vào các tháng 3, 4, 5. Lúc bấy giờ khí hậu đã ấm áp, cỏ lá cũng bắt đầu sinh sôi và do đó hươu con được nuôi tốt, tỷ lệ nuôi sống cao hơn.

Các biểu hiện động dục của hươu cũng giống như ở các con vật khác, bốn chồn không yên, cơ quan sinh dục bên ngoài xung huyết, có niêm dịch chảy ra. Thời gian động dục của hươu cái là từ 1-3 ngày, trung bình 2-30 giờ. Khi hươu cái động dục thì cũng kích thích hươu đực động tình. Bấy giờ nó có vẻ hung dữ hơn ăn ít hơn, luôn tìm cách gần hươu cái. Động tác phối giống của hươu chỉ xảy ra trong vòng 20-30 giây.

3.2.2. Tuổi thành thực sinh dục

Tuổi thành thực sinh dục của hươu đến vào khoảng 12 - 16 tháng tuổi, thời gian còn tùy thuộc vào nuôi dưỡng, ánh sáng, v.v... Được nuôi tốt, có ánh sáng sân chơi đầy đủ thì sự thành thực đến sớm hơn. Cũng do các nguyên nhân khác nhau mà đôi khi có những con hươu sự thành thực sinh dục đến muộn, sau hai năm tuổi mới động dục. Chu kỳ động dục của hươu trung bình là 20 ngày, biến động trong khoảng từ 15 - 30 ngày. Không nên cho hươu phối ngay sau lần động dục đầu tiên bởi vì hươu cái tơ cơ thể còn yếu và chưa có kinh nghiệm nuôi con. Những người nuôi có kinh nghiệm và ở các trại giống thường cho hươu phối lúc 1,5 - 2 năm tuổi. Thời gian mang thai của hươu là từ 220 - 225 ngày.

Thời gian động dục lại sau khi đẻ của hươu là từ 102- 116 ngày (Trần Mạnh Đạt, 1999). Khoảng cách giữa hai lứa đẻ dao động từ 339-350 ngày, trung bình là 345 ngày. Như vậy có nghĩa là hươu sao đẻ mỗi năm một lứa.

3.2.3. Tỷ lệ thụ thai

Tỷ lệ thụ thai đối với hươu đã thành thục (trên 20 tháng) theo khảo sát trong sản xuất đạt 76%. Tỷ lệ nuôi sống của hươu đạt 93% (Trần Mạnh Đạt, 1999). Đây là các tỷ lệ đạt cao trong sản xuất đối với con hươu; một loài còn mang rất nhiều tính chất dã sinh. Tất nhiên các tỷ lệ này phụ thuộc rất nhiều vào chế độ nuôi dưỡng và mùa sinh sản.

Hầu hết các bộ phận trên cơ thể hươu đều có thể sử dụng cho việc chữa trị các bệnh con người. Thịt hươu có tác dụng bổ trung, ích khí, mạnh gân cốt (Đỗ Tất Lợi, 1982). Thịt hươu còn được dùng để nấu cao toàn tính (cùng với xương, da, v.v...) dùng bồi bổ khí huyết. Xương hươu, da hươu thường được nấu cao. Các bộ phận cơ thể khác của hươu cũng rất bổ ích: huyết hươu, thận, dịch hoàn, dương vật, gân hươu, v.v... đều được dùng trong các bài thuốc dân gian và rất được tán thưởng.

3.3. Khả năng cho nhung

Cho đến nay nhung của con hươu đực vẫn được coi như sản phẩm chính vì nó đem lại khoản tiền lớn hàng năm cho người nuôi. Nhung hươu sao được coi là loại

thuộc bộ đứng đầu bảng trong đồng y (sâm, nhung, quế, phụ - Đỗ Tất Lợi, 1982). Chỉ có hươu đực có sừng và thay nhung hàng năm. Nhung mỗi mọc có nhiều mạch máu, mỏng đỏ, mềm như chồi non, mặt ngoài phủ một lớp lông tơ mịn màng.

Tuổi bắt đầu cho nhung khi hươu 2 năm tuổi. Lứa nhung đầu thường thấp khoảng 0,4 kg. Từ lứa cắt thứ 3 đến thứ 5 khối lượng nhung tương đối ổn định, khoảng 0,7-0,9 kg. Cá biệt có con cho tới 2,4 kg trong một lần cắt.

Bảng 2: Khối lượng nhung mỗi lần cắt theo các lứa tuổi

Tuổi cắt nhung	Số con (n)	Lượng nhung (kg)	Vc%
Lứa đầu lúc 2 tuổi	165	0.41±0.06	29.5
Lứa đầu lúc 3 tuổi	142	0.68±0.07	33.6
Lứa đầu lúc 4 tuổi	157	0.76±0.06	19.2
Lứa đầu lúc 5 tuổi	138	0.85±0.04	23.1

Nhung hươu có quan hệ với khả năng sinh sản. Thường những hươu đực có sản lượng nhung cao thì sức sinh sản tốt, đàn con của chúng thường cho năng suất cao.

4. Giá trị kinh tế

Cho đến nay nhung của con hươu đực vẫn được coi như sản phẩm chính vì nó đem lại khoản tiền lớn hàng năm cho người nuôi. Nhung hươu sao được coi là loại thuốc bổ đứng đầu bảng trong đồng y (sâm, nhung, quế,

phụ - Đỗ Tất Lợi, 1982). Chỉ có hươu đực có sừng và thay nhung hàng năm. Nhung mới mọc có nhiều mạch máu, mỏng dòn, mềm như chồi non, mặt ngoài phủ một lớp lông tơ mịn màng.

Tuổi bắt đầu cho nhung khi hươu 2 năm tuổi. Lứa nhung đầu thường thấp khoảng 0,4 kg. Từ lứa cắt thứ 3 đến thứ 5 khối lượng nhung tương đối ổn định, khoảng 0,7-0,9 kg. Cá biệt có con cho tới 2,4 kg trong một lần cắt.

Nhung hươu có quan hệ với khả năng sinh sản. Thường những hươu đực có sản lượng nhung cao thì sức sinh sản tốt, đàn con của chúng thường cho năng suất cao.

Hươu sao và công dụng

Theo tài liệu của Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, do Nhà xuất bản Nghệ An xuất bản năm 1992, thì loài Hươu Sao có giá trị kinh tế cao, là nguồn dược liệu quý không những đối với nền y học cổ truyền phương đông mà còn giữ vai trò quan trọng trong tây y.

Trong những thập kỷ gần đây, nhiều nhà Dược học hiện đại đã chú ý và đề cao vai trò của các loại thuốc bào chế từ các sản phẩm của hươu sao.

Trong các văn bản cổ của các Danh y phương Đông như Trung Quốc, Nhật Bản, Việt Nam, ta dễ dàng tìm thấy giá trị quý báu của nhung, gạc và các bộ phận khác

trên cơ thể của hươu sao để điều trị các chứng bệnh nan y như thân kinh, thận . . .

Các nhà bào chế Trung Quốc là những người có nhiều kinh nghiệm sử dụng nhung và các sản phẩm khác, từ 28 bộ phận khác nhau như nhung, răng, móng, máu, da, lông . . . Ngày nay, ở Trung Quốc đã tạo ra được 76 loại thuốc và được gộp chung vào 5 nhóm như sau:

- 48 loại thuốc bổ
- 23 loại điều trị về bài tiết, thận
- 3 loại cho bệnh khớp
- 1 loại cho dạ dày và đường ruột, 1 loại cho bệnh tim mạch

Với một giá trị kinh tế hấp dẫn, không chỉ có chế biến làm được liệu phục vụ cho sức khoẻ của con người mà còn cung cấp một lượng thịt đáng kể cho con người. Vì vậy, đã có nhiều nước trên thế giới tổ chức chăn nuôi có quy mô lớn, thành những trang trại nuôi hàng ngàn con. Cũng theo tài liệu của Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật , cho thấy một số Quốc gia như: Newzelan là Quốc gia có nghề nuôi hươu khá phát triển. Năm 1986, nước này đã có trên 400 nghìn con được nuôi trong 3.500 trại nuôi và cũng năm này, ngành chăn nuôi đã thu được khoảng 30 triệu dola Newzealand qua việc xuất khẩu thịt, nhung và các sản phẩm phụ. ở Trung Quốc, chăn nuôi khoảng 270 nghìn con hươu

Riêng đối với tỉnh An Giang của chúng ta thì nghề nuôi Hươu và Nai mới bắt đầu từ năm 1999 đến nay, rất non trẻ, với số lượng đầu con khoảng trên 40 con. Có rất nhiều người chưa biết về công dụng của Lộc Nhung có tác dụng tốt đối với sức khoẻ như thế nào. Sản lượng lộc nhung Hươu và Nai trong tỉnh An Giang được khai thác hàng năm khoảng 10 kg và từng bước đã hình thành thị trường nhung, cứ vào mùa xuân (khoảng từ ngày 20 tháng 12 cho đến hết tháng 01 âm lịch) thì có thị trường lộc nhung Hươu sao, đến khoảng mùa hè (mùa mưa) thì có thị trường lộc nhung Nai (khoảng từ tháng 5 kéo dài đến tháng 11 dương lịch). Đa số khách hàng tiêu thụ cho biết cách sử dụng thông thường nhất là thái mỏng để nấu cháo cho người cao tuổi ăn bồi dưỡng sức khoẻ thì rất tốt hoặc ngâm rượu trắng để uống trong bữa ăn cơm cũng có tác dụng rất tốt đối với sức khoẻ. Sau đây, xin giới thiệu cùng bạn đọc bài thuốc có lộc Nhung của báo Sức khoẻ và đời sống (Ngày 16/7/2004 - TC SK&ĐS) cụ thể như sau:

Rượu thuốc bổ dương

Trong dược học cổ truyền, rượu thuốc bổ dương (bổ dương dược tửu hay trợ dương dược tửu) là một lĩnh vực hết sức phong phú và độc đáo. Trong bài viết này, chúng tôi chỉ xin giới thiệu một vài loại rượu bổ dương đơn giản và thông dụng nhằm giúp các “đấng mày râu” có thêm một vũ khí để phòng và chống các

trục trặc không mong muốn trong đời sống tình dục như bất lực, xuất tinh sớm, di tinh, giảm sút ham muốn sinh hoạt vợ chồng .

Nhung hươu tửu

Thành phần: Nhung hươu 30g, kỷ tử 30g, rượu trắng 1.000ml.

Cách chế: Nhung hươu thái vụn đem ngâm với rượu trong bình kín, sau chừng 7-10 ngày là có thể dùng được.

Công dụng: Tráng dương tư âm, dùng cho những người mắc chứng bất lực, khó thụ thai do chất lượng và số lượng tinh trùng suy giảm, giảm sút ham muốn và khoái cảm tình dục.

Cách dùng: Uống mỗi ngày 2 lần, mỗi lần từ 10-20ml.

Theo quan niệm của y học cổ truyền, phần lớn các rối loạn sinh lý nêu trên đều thuộc thể dương hư, biểu hiện bằng các triệu chứng như mệt mỏi, sắc mặt nhợt nhạt, dễ đổ mồ hôi, tay chân lạnh, sợ lạnh, tinh dịch lạnh lẽo, lưng đau gối mỏi, hay vã mồ hôi lạnh khi sinh hoạt tình dục... Nhung hươu vị ngọt mặn, tính ấm nóng, có công năng đại bổ nguyên dương, sinh tinh cường cân nên có đủ khả năng giải quyết các chứng trạng này. Kỷ tử vị ngọt, tính mát, có công dụng dưỡng âm nhuận táo, bổ can ích thận, dùng phối hợp nhằm mục đích tăng cường công năng bổ dưỡng và

điều hòa bớt tính nhiệt táo của nhung hươu, khiến cho loại rượu này vừa bổ dương lại vừa dưỡng âm, có thể sử dụng rộng rãi cho mọi đối tượng.

5. Kỹ thuật và môi trường nuôi dưỡng

Nuôi hươu sao không khó, bởi chúng không kén thức ăn. Giống này có khả năng tiêu thụ tới hơn 50 loại thức ăn khác nhau bao gồm cỏ, lá cây, rau và các loại chất bột.

5.1. Thức ăn nuôi hươu

Chủ yếu mà người nuôi thường dùng là những loại cây lá thừa trong nông nghiệp như dây khoai lang, dây muống, lá vông, lá lạc...

Khẩu phần thức ăn của một con mỗi ngày khoảng 30 kg cỏ lá. Ăn 2 bữa: sáng sớm và chiều tối. Không nên cho ăn thuần loại, vì ăn thế hươu chóng chán và không đủ chất. Việc bồi dưỡng bằng chất bột tùy theo khả năng ta có và không nên cho ăn nhiều quá sẽ gây rối loạn tiêu hoá, chỉ bồi dưỡng cho con đực vào thời kỳ sắp mọc nhung và con cái vào thời kỳ nuôi con. Khi mới ăn món lạ có thể hươu chưa chịu ăn ngay, ta cho thêm ít muối để kích thích.

5.2. Những bệnh mà hươu sao hay mắc

Những bệnh thông thường dễ chữa giống trâu, bò như dây hơi, chướng bụng, hà móng, sưng chân.

Nhiều người đã thành công trong việc nuôi hươu, từ chỗ thoát nghèo đã trở nên giàu có, sung túc, ở những

tính mà nghề nuôi hươu phát triển mạnh như Hương Sơn, Hương Khê (Hà Tĩnh), Cẩm Đường (Đồng Nai), các hộ gia đình nuôi tới vài chục con

Hươu đực ba tuổi là đã có thể khai thác nhưng, người chăm hươu lâu năm nắm vững kỹ thuật, có thể khai thác được hai lần trong một mùa nhưng, Có những khúc nhưng nặng tới 0,7kg, nên trung bình một năm người nuôi hươu thu lợi từ 4-6 triệu đồng/con.

5.3. Chuồng nuôi hươu

Hươu có tính nhút nên không thể thả lỏng như dê, bò mà phải có chuồng nhốt.

Theo kinh nghiệm của nhân dân Hà Tĩnh, Nghệ An, chuồng làm có hình vuông hoặc hình chữ nhật, làm trên nền đắp cao. Nhân dân thường tích phân lại trong chuồng khoảng 6 tháng mới lấy ra một lần. Vì vậy đáy chuồng được đào sâu xuống khoảng 30 - 40 cm và thường xuyên đổ tro, trấu

NUÔI CÁ SẤU

1. Giới thiệu giống

Ở Việt Nam có hai loài cá sấu. Đó là cá sấu nước ngọt, còn gọi là cá sấu Xiêm (*Crocodylus siamensis*) và cá sấu nước lợ, còn gọi là cá sấu hoa cà (*crocodylus porosus*).

Theo các chuyên gia, kể từ năm 1995, ở Việt Nam đã không còn loài cá sấu nước ngọt (cá sấu Xiêm) ngoài tự nhiên. Đây cũng là loài cá sấu hiện đang được nuôi tại các trại ở Việt Nam và đã được CITES cấp phép cho xuất khẩu đối với một số trại đủ điều kiện (lý lịch sấu rõ ràng; sấu thương phẩm là sấu gầy nuôi chớ không phải đánh bắt ngoài tự nhiên, chuồng trại hợp vệ sinh...). Riêng cá sấu Hoa Cà hiện đã vắng bóng tại Việt Nam, ngoại trừ một vài con được Thảo Cầm Viên Sài Gòn lưu giữ.

Nghề nuôi cá sấu đang phát triển nhanh tại TP.HCM và ĐBSCL, song ở miền Bắc đây còn là một nghề vô cùng mới mẻ. Trại cá sấu của Công ty 283 là nơi đầu tiên dám thử nghiệm nuôi giống động vật hoang dã này. Thành lập từ 9/5/2001, sau hơn 3 năm

phát triển, số lượng cá sấu của trang trại hiện nay đã lên tới trên 400 con

Cá sấu của trang trại được nhập về từ trung tâm gây giống ở phía Nam với trọng lượng 1,5-2kg/con. Cá sấu được cho vào lồng và vận chuyển ra Hải Phòng bằng máy bay hoặc ô tô. Trong giai đoạn từ 0,7-3kg cá sấu dễ mắc bệnh

Sở Nông nghiệp Phát triển Nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh đặt mục tiêu đến năm 2010 phát triển đàn cá sấu khoảng 100.000 con.

Phát biểu tại Hội thảo chương trình phát triển cá sấu đến năm 2010, tổ chức ngày 25/1, tại Làng cá sấu Sài Gòn, ông Nguyễn Thiện Nhân, Phó Chủ tịch thường trực Ủy ban Nhân dân thành phố cho biết thành phố sẽ sớm thành lập Ban chỉ đạo để triển khai các chương trình nghiên cứu về nuôi, chế biến các sản phẩm từ da cá sấu, chọn mô hình điểm hiệu quả kinh tế cao nhân ra các nơi khác, đồng thời sẽ hỗ trợ cho các đơn vị áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO9001 và vệ sinh an toàn thực phẩm HACCP

Tính đến thời điểm hiện nay, toàn thành phố có gần 50.000 con cá sấu, chiếm diện tích nuôi chưa tới 10ha và vốn đầu tư gần 41 tỷ đồng. Chỉ tính trong năm 2003 và 6 tháng đầu năm 2004, các trại nuôi cá sấu đã xuất bán được gần 13.000 con sấu trị giá hơn 16 tỷ đồng, lợi nhuận (sau khi trừ chi phí) gần 6,5 tỷ đồng.

Sản lượng sản phẩm da cá sấu bán nội địa và xuất khẩu tại chỗ của Làng cá sấu Sài Gòn là hơn 6.400 sản phẩm, trị giá 3,2 tỷ đồng.

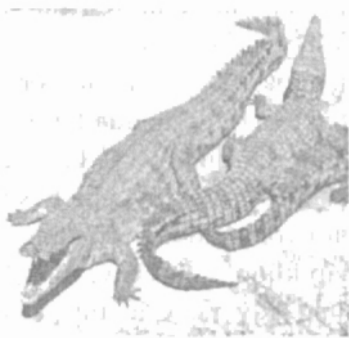
Trong những năm gần đây, tốc độ phát triển đàn cá sấu tại các quận ven và huyện ngoại thành tăng rất nhanh, từ 10.000 con năm 2000 tăng lên 50.000 con năm 2004, nuôi cá sấu có thể thu lãi tới 500 triệu đồng/ha.

Tuy nghề nuôi, sản xuất, chế biến, kinh doanh cá sấu của thành phố còn mới mẻ, sản lượng chưa cao, nhưng các sản phẩm từ cá sấu đều có lợi thế cạnh tranh trong khu vực vì chất lượng tốt, mẫu mã phong phú, giá cả rẻ.

Các nhà khoa học cho rằng cần phải xây dựng trung tâm giống cá sấu tại Thành phố Hồ Chí Minh; định hướng phát triển làng nghề cá sấu Sài Gòn: xây dựng nhà máy thuộc da và chế biến da cá sấu; định hướng về tiếp thị du lịch sản phẩm cá sấu; đa dạng hóa sản phẩm chế biến từ thịt cá sấu, xây dựng thương hiệu.

Phân bố

Theo thống kê từ Cục Kiểm lâm, hiện nay nước ta có 75 trại và hộ gia đình nuôi cá sấu



nước ngọt sinh sản có đăng ký với cơ quan kiểm lâm địa phương. Nhưng hầu hết các trại và hộ gia đình nuôi ở quy mô nhỏ, từ vài con đến vài chục con, một số rất ít nuôi với số lượng trên ngàn con.

2. Đặc điểm sinh học

Loài bò sát không có thân nhiệt nhất định mà có thể tự điều tiết thay đổi phù hợp theo môi trường. Tuy nhiên đối với cá sấu sự thay đổi này có giới hạn, nhiệt độ thích hợp cho chúng từ 28-30 độ C. Vì vậy chúng nằm mình dưới nước là cách làm giảm thân nhiệt và nằm phơi nắng là để tăng thân nhiệt. Một hình ảnh quen thuộc của cá sấu là nằm bất động há rộng miệng bày đói hàm răng kinh khiếp. Đây không phải là hình thức đe dọa mà chỉ vì da cá ra ngoài sấu rất dày, không có tuyến mồ hôi nên chúng phải há miệng để bài tiết hơi nóng ra ngoài. Nhìn hình dáng bên ngoài rất khó phân biệt sấu đực, cái nhất là lúc còn nhỏ. Cách hay nhất là khám bộ phận sinh dục bằng cách cột chặt và đặt sấu nằm ngửa. Cá sấu nhỏ khi ấn tay dưới lỗ huyết và đẩy đuôi sấu cong lên, nếu con đực dương vật sẽ lộ ra ngoài. Đối với sấu lớn, ấn ngón tay vào trong lỗ huyết và di động qua lại, nếu con đực ngón tay sẽ chạm chiều dài dương vật bên dưới da. Cá sấu là loại động vật hoang dã tuy nhiên sống trong môi trường chăn nuôi với số lượng lớn cũng có thể mắc một số bệnh như thấp khớp, tiêu chảy, nhất là bệnh do một loại ký sinh trùng gây ra. Các tuyến trùng này đục thành những

đường ngấm ở bên trong lớp vảy bụng, sau đó bề mặt các đường ngấm này bong ra tạo thành những đường lõm ngoằn ngoèo khiến bộ da mất hết giá trị. Do cá sấu là động vật cực kỳ hung dữ khó đến gần, nên việc chẩn và trị bệnh rất khó khăn. Chủ yếu phòng bệnh bằng cách cung cấp thức ăn không hư thối, giữ nước sạch, chuồng trại khô ráo đảm bảo vệ sinh. Hồ nước phải có điều kiện tháo và đưa nước vào dễ dàng. Mùa nắng thay nước 1 tuần/lần, mùa mưa 4 ngày/lần. Thỉnh thoảng rút cạn nước, phơi đáy hồ dưới ánh sáng Mặt trời để diệt mầm bệnh. Sau mỗi lần cho sấu ăn, 3 người con trai lớn của ông Mười vào chuồng, 2 người cầm 2 cây sào dài có quần cao su ruột xe ở đầu dể cho sấu xuống hồ để 1 người thu dọn thức ăn thừa và phân.

3. Khả năng sản xuất của cá sấu

3.1. Khả năng sinh trưởng của cá sấu

- Tuổi thành thực sinh dục: ở 5 năm tuổi
- Số trứng/cái/năm: 35 - 40 quả
- Nuôi thịt: Khối lượng cá đực: 50 - 60 kg
- Khối lượng cá cái: 35 - 40 kg

Nuôi sau 19 tháng ở vùng nhiệt đới cá sấu nước lợ nuôi bằng cá (cá được cắt thành miếng nhỏ) dài trung bình 1.06m, nặng 4kg; sau 4 năm dài 2m, nặng 37kg. Cá sấu tăng trọng rất nhanh, có khả năng đạt trọng lượng trên 35 kg/con trong một chu kỳ nuôi từ 2,5 - 3 năm. Nếu trừ các khoản chi phí, bình quân mỗi con lãi 3 triệu

đồng. Theo Chị Phạm Thị Vân ở ấp 3, xã Thạnh Trị, huyện Bình Đại, Bến tre

3.2. Khả năng sinh sản của cá sấu

Trung bình mỗi năm, mỗi con cá sấu mẹ đẻ 30 - 50 trứng, nở được 30 cá sấu con chần nuôi, chăm sóc, thức ăn khá đầy đủ nên đàn cá sấu lớn rất nhanh.

Cá sấu là loài sinh sản vào mùa thu với tỷ lệ trứng là 20-40 quả/con. Cá sấu mẹ ấp trứng không đạt được tỷ lệ cao như mong muốn. Do vậy sau khi cá mẹ đẻ trứng phải chuyển sang một khu ấp trứng riêng biệt để theo dõi và kiểm tra.

Ấp trứng là 1 công đoạn khó, tỷ lệ đậu cao hay không phụ thuộc vào khả năng chăm sóc của các chuyên viên. Một trứng ấp thường từ 70 đến 80 ngày dưới tác dụng của nhiệt độ thích hợp thì trứng sẽ nở, cá sấu mới nở dài từ 250mm đến 280mm. Thời gian ấp trứng: Tùy loại cá sấu. Nếu cá sấu Việt Nam từ 75-80 ngày, sấu Cuba 85-90 ngày.

Tuổi trưởng thành sinh dục của cá sấu là lúc 5 tuổi

Cá sấu sinh sản thường từ tháng 2 - 6 hàng năm. Khi sinh sản chúng bò lên bờ tìm nơi tạo ổ đẻ và ấp trứng.

Sấu đẻ mỗi năm 1 lần. ổ trứng cá sấu thường ở gần những hồ nước. Số lượng trứng năm đầu 15-25 trứng/con, tăng dần trong những năm sau cho đến 35-40 quả/con.

4. Giá trị kinh tế

Trên thế giới da cá sấu là một mặt hàng rất có giá trị dùng để sản xuất các vật dụng: xách tay, ví bỏ túi, thắt lưng, giày dép, va li... dành cho giới làm tiền. Đặc biệt lớp da bụng là phần giá trị nhất. Do đó cá sấu trong hoang dã có nguy cơ tuyệt chủng vì sự săn lùng của con người. Riêng cá sấu hoa cà *Crocodine porosus* ở nước ta đang trở nên rất hiếm. Vì vậy nuôi cá sấu, ngoài mục đích bảo tồn loài động vật hoang dã quý hiếm còn là nguồn lợi kinh tế: đặc biệt thích hợp vùng ven biển do lượng thức ăn (cá) có nhiều, giá rẻ. Tuy nhiên đầu tư nuôi cá sấu, ban đầu đòi hỏi khá tốn kém. Giá mua 115 con giống là 178 triệu, chi phí xây dựng chuồng trại hơn 30 triệu, tổng cộng ông Mười Chơi đã bỏ vốn ra 208 triệu đồng chưa tính chi phí thức ăn. Theo anh Tám, có nhiều chủ trại cá sấu ở TP. HCM đến mua lựa những con từ 2 mét trở lên với giá 10 triệu đồng/con nhưng gia đình không bán. Ông Mười dự kiến khi cá sấu trưởng thành (4-5 năm tuổi) bắt cặp giao phối sẽ chuyển sang khu chuồng trại kế bên (diện tích khoảng 200 m²) để nuôi sinh sản. Theo chúng tôi được biết hiện nay Nhà nước chưa có văn bản qui định cho phép xuất khẩu da cá sấu. "Đầu ra" của chăn nuôi cá sấu hiện nay chỉ là bán con giống trong nước.

Tỷ phú Trần Văn Rê

Thái Lan là nơi tôi "mở rộng tầm nhìn" khi đứng trước một trang trại nuôi cá sấu qui mô 45.000 con -

Trần Văn Rê, ngụ tại ấp 6, xã Tân Hội Trung, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp đã nói như vậy. Vốn lớn lên từ một gia đình nông dân nghèo, cố theo đuổi học vấn nhưng tới lớp 11 phải nghỉ, thời điểm này chiến trường Tây Nam biến động, anh gia nhập quân tình nguyện chiến đấu trên đất bạn... Sau 4 năm rưỡi làm tròn nghĩa vụ quân sự, anh rời quân ngũ trở về quê. Hành trang của người lính ấy là sự hiểu biết hai thứ tiếng Campuchia và tiếng Thái. Nhờ biết tiếng Thái nên anh học hỏi kinh nghiệm khá nhanh khi ở trang trại Cá sấu bên Thái Lan. Trở về Việt Nam, anh bỏ ra nhiều ngày tìm hiểu, tham quan những trại nuôi cá sấu ở khu vực ĐBSCL, TP.HCM, Trị An, La Ngà... Năm 2000, anh vào Đồng Tháp Mười mua 12 ha đất ruộng để xây dựng mô hình trồng sen và nuôi cá sấu...

Hiện nay, anh đã đầu tư vào trang trại này hơn 3 tỷ đồng nuôi 4.000 con cá sấu hoa cà (mỗi chuồng 100 con) Giá cá sấu từ 160-170 ngàn đồng/ký đang kích lệ anh. "Với đà này, tôi sẽ nhân giống cá sấu và sẽ mở rộng qui mô nuôi cá sấu để xuất khẩu, hình thành và biến nơi này trở thành khu du lịch sinh thái - động vật hoang dã" - anh nói. ý tưởng này là đòn bẩy cho cơ nghiệp của anh. Mặt nước được anh tận dụng triệt để, ao hàm nuôi cá rô đồng, cá điêu hồng, cá sặc rằn và nuôi baba "lấy ngắn nuôi dài". Khu vực trồng sen (4,5 ha) dưới chân ruộng thả các loại cá sống tự nhiên...

Anh Rê cho tôi xem bảng ghi chép: Năm 2001 thu 2,7 tỷ; năm 2002 thu 3,5 tỷ và năm 2003 xuất chuồng

2.000 con cá sấu (loại 2 năm tuổi), mỗi con cân nặng từ 18 - 20 kg, bán giá 140.000 đ/kg (kém hơn năm 2002 là 30.000 đ/kg/con), thu vào 5,6 tỷ đồng. Chưa kể nguồn thu từ cá rô đồng, cá điêu hồng, cá sặc rằn, baba, gương sen trên 521,5 triệu đồng. Tổng thu năm 2003 là 6.121.500.000 đồng, trừ mọi chi phí anh còn lãi 5 tỷ đồng. Bài học mà Trần Văn Rê luôn tâm đắc là phải tìm ra thế của đòn bẩy để bật lên tiềm lực xung quanh mình.

Hiệu quả kinh tế lớn từ nuôi cá sấu

Trại nuôi cá sấu của Công ty Lâm nghiệp Sài Gòn ở quận Thủ Đức hiện có tổng đàn sấu lên đến hơn 7.000 con với kỹ thuật ấp trứng hiện đại. Cá sản phẩm từ thịt và da cá sấu sẽ là cơ hội mới trong đầu tư kinh doanh đạt hiệu quả kinh tế cao ở khu vực phía Nam...

Nuôi cá sấu ở khu vực phía Nam đang ngày càng phát triển mạnh trong dân bởi tính hiệu quả kinh tế. Với một ít vốn, kỹ thuật do cán bộ kỹ thuật của Công ty Lâm nghiệp Sài Gòn, nhiều hộ đã nuôi cá sấu thành công và được công ty thu mua để xuất khẩu.

Từ những thành công trong cung cấp giống

Trại nuôi cá sấu của Công ty Lâm nghiệp Sài Gòn rộng hơn 1,3 ha thuộc phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức (thành phố Hồ Chí Minh), khởi đầu nuôi chỉ có vài con do nước bạn Cuba tặng. Trong một thời gian dài, số lượng đàn cá sấu phát triển chậm bởi các nhân viên kỹ thuật chưa có kinh nghiệm phương pháp nuôi cá sấu sinh sản. Đến năm 2001, tổng đàn cá sấu đã phát

triển được 600 con với 64 cá sấu bố mẹ. Tuy nhiên, nhận thấy nhu cầu xuất khẩu cá sấu ngày càng có triển vọng, công ty quyết định đầu tư để thực hiện "chiến lược" tăng tốc phát triển đàn sấu. Công ty cho công nhân tham quan các trại sấu của Thái Lan - nơi có kỹ thuật nuôi sấu tiên tiến nhất trong khu vực, quan sát rất kỹ từng chi tiết về chuồng trại, thức ăn, điều kiện khí hậu, môi trường: tìm hiểu phương pháp ấp điện, kinh nghiệm nuôi dưỡng sấu con... Trở về, đội ngũ công nhân này bắt tay vào thiết kế phòng ấp điện thử nghiệm. Lần đầu, chỉ ấp thử vài trăm trứng. Giữa năm 2002, sau hơn hai tháng hồi hộp chờ đợi, lứa cá sấu đầu tiên ấp bằng phương pháp mới "chào đời". Phương pháp mới giúp kiểm soát quá trình phát triển của phôi, điều khiển bằng giới tính theo ý muốn, tỷ lệ trứng nở đến 98%. Các thông số kỹ thuật trong quá trình ấp quyết định chất lượng sấu con vì nếu sai sót, dù nhỏ, sấu vẫn nở nhưng sẽ bị còi cọc, khó nuôi hoặc sẽ chết ngay khi mới nở. Bên cạnh đó, trại còn tìm ra phương pháp phối giống cá sấu, giúp tỷ lệ trứng có phôi đạt trên 70%, trong khi Thái Lan chỉ đạt khoảng 50%. Nhờ phương pháp này, từ 2.500 con năm 2002, đến nay, tổng đàn sấu đã lên đến hơn 7.000 con.

Đến nuôi đại trà có hiệu quả

Nhu cầu các sản phẩm từ cá sấu của thị trường hiện nay rất lớn, nhất là xuất khẩu. Thử làm một phép tính, sấu thịt hiện được bán hơn 180.000-200.000 đồng/kg, cá

sấu con một tháng tuổi có giá trị 1 triệu đồng/con. Cá sấu con nuôi 3 năm đạt 30 kg, chi phí trung bình mỗi năm chỉ khoảng 350.000 đồng/con cho thấy lợi nhuận từ nuôi cá sấu rất lớn. Ông Dương Đức Hoà - Giám đốc Công ty Lâm nghiệp Sài Gòn cho biết: "Có đơn vị nước ngoài đặt hàng cung cấp 800 bộ da sấu mỗi tháng, thế nhưng công ty phải từ chối đơn hàng vì số lượng cá sấu chưa ổn định. Phát triển đàn cá sấu hiện nay vẫn là mục tiêu hàng đầu". Dự kiến năm 2005, công ty mới đáp ứng nhu cầu xuất khẩu.

Hiện nay, quy mô đàn sấu phát triển, công ty đã xây thêm một trại sấu rộng 23 ha tại xã Phạm Văn Hai, huyện Bình Chánh. Trong kế hoạch xây dựng trại nuôi sấu mô hình công nghiệp, công ty sẽ đầu tư xây dựng phân xưởng thuộc da và xưởng may, sẽ giải quyết việc làm cho hàng trăm lao động. Ước mơ về một làng cá sấu quy mô nhỏ phục vụ du lịch tương lai sẽ không còn xa. Giám đốc Dương Đức Hoà cho biết thêm, công ty được CITES (Tổ chức Công ước quốc tế về buôn bán các loài động - thực vật hoang dã) chứng nhận và cấp phép xuất khẩu các sản phẩm từ cá sấu (năm 2002). Do vậy, công ty khuyến khích phát triển nuôi cá sấu trong dân. Nhiều hộ dân quanh trại ở Thủ Đức, Bình Chánh đã đầu tư nuôi từ vài năm nay, giống do công ty cung cấp cá sấu con với giá thấp hơn thị trường và hướng dẫn kỹ thuật chăn nuôi. Khi cá sấu lớn, công ty sẽ mua lại, bảo đảm đầu ra cho người nuôi.

Ngoài ra, để giới thiệu những món ăn đặc sản bổ dưỡng từ cá sấu, nhà hàng "Rừng Xanh" ra đời ngay tại trại sấu Thủ Đức. ở đây có 30 món đặc sản cá sấu do những đầu bếp chuyên nghiệp từng "thi tài" tại Thái Lan, Lào... đảm trách như: chả giò, nướng, cari, lúc lắc, gỏi, chiên bơ, xốt chanh, xào lăn, lẩu, thịt tươi chấm mù tạt... Khách hàng còn có thể mua sắm những sản phẩm "trăm phần trăm" do cá sấu, "chất lượng... ngoại với giá nội địa". Đây là một mô hình vừa kinh doanh với giới thiệu sản phẩm để người dân biết đến, và trong tương lai nhu cầu tiêu thụ thịt cá sấu của các nhà hàng, quán ăn cũng không nhỏ.

5. Kỹ thuật và môi trường nuôi dưỡng

Nuôi cá sấu ở gia đình

5.1. Xây dựng chuồng nuôi.

Chuồng nuôi cá sấu thương phẩm thường là một khu vực ngoài trời được vây lại (còn gọi là chuồng vây) có hệ thống rào chắc chắn, có bể chứa nước (bể đất hoặc bể xi măng) có khu vực cho cá sấu ăn và nhiều cây bóng mát.

Địa điểm làm chuồng vây cần chọn nơi có nhiều ánh sáng mặt trời, kín gió (có thể trồng cây để chắn gió), chú ý là cây không được che khuất ánh sáng mặt trời buổi sáng và buổi chiều chiếu vào chuồng vây.

Có thể dùng gỗ, lưới kim loại, các tấm tôn để rào vây chuồng hoặc xây tường bao bằng gạch pa panh.

Rào sâu ngập trong đất ít nhất 50cm để tránh cá dũi đất tẩu thoát. Tường rào xây cao khoảng 1,4m có thể nuôi cá sấu cỡ dài 2m an toàn.

Trong chuồng nuôi nhất thiết phải có nước cho cá sấu tắm mình vì vậy phải có ao hoặc bể xây. Ao đất (hoặc bể đất) nếu đào nông khó giữ nước, đào sâu cá sấu đã xuống nước sẽ khó lên bờ nên cần dùng các khúc gỗ, tảng đá hoặc tấm xi măng nhẵn xếp vào bờ hoặc kê ao giúp cho cá lên bờ dễ dàng. Ao có dòng nước chảy vào-ra nhưng vẫn giữ được mức nước ổn định là tốt nhất. Bể xi măng chìm không sâu quá 75cm. Nếu cùng một chuồng các bể xây có độ cao thấp khác nhau, thì cá sấu có xu hướng tụ tập ở phía dưới.

Chuồng nuôi cá sấu kích thước 30x30m có hệ thống hai bể song song, thành bể có bờ thoải dốc, độ sâu trung bình ở giữa bể là 60cm. Khi cần cọ rửa vệ sinh cần tháo cạn nước ở một bể, tất cả cá sấu sẽ sang bể bên cạnh. Nhờ thế công việc dọn dẹp nước sẽ không làm ảnh hưởng gì đến cá sấu đang nuôi.

Các chuồng nuôi cần có khu vực rộng láng xi măng để cá sấu nằm phơi nắng. Nên trồng các loại cây có lá xanh quanh năm, cây thân gỗ có tán thấp và rộng để tạo được nhiều bóng râm. Trung tâm nghiên cứu gia cầm ở Thụy Phương (Viện Chăn nuôi) còn nuôi cá sấu trong nhà kết hợp với sàn phơi nắng, bể chứa nước và cây bóng mát ở ngoài trời, nhờ vậy cá sấu được bảo vệ tốt hơn và khỏi bị rắn độc cắn.

5.2. Mật độ nuôi.

Cỡ cá sấu từ 1 đến 3 tuổi, mật độ thưa 0,6-1 con/m² ở điều kiện bình thường. Mật độ 3 con/m² với điều kiện cho ăn tốt, giữ được vệ sinh chuồng trại.

5.3. Cho ăn và chăm sóc.

Cần cho cá sấu ăn đủ và thức ăn phù hợp. Cá sấu hầu như không có khả năng đồng hóa đạm có nguồn gốc thực vật.

Thường cho cá ăn những loại thức ăn như lòng lợn, lòng bò, lòng gà vịt, cá đồng, cá biển, chuột.

Cần dựa vào thức ăn còn lại của chiều ngày hôm trước để điều chỉnh thức ăn cho vừa đủ. Theo dõi nhiều lần cho cá sấu ăn sẽ đoán được nguyên nhân cá không ăn hết thức ăn, do thức ăn không phù hợp, do thời tiết hay do chuồng trại bị xáo trộn làm cho cá sấu hoảng sợ.

Nuôi sau 19 tháng ở vùng nhiệt đới cá sấu nước lợ nuôi bằng cá (cá được cắt thành miếng nhỏ) dài trung bình 1,06m, nặng 4kg; sau 4 năm dài 2m, nặng 37kg. Nếu cho cá ăn bằng thịt bò xò cá sẽ lớn nhanh hơn. Cá sấu đực thường lớn nhanh hơn con cái. Nuôi cá sấu Cuba ở Viện Chăn nuôi cho ăn bằng cá mè, cá rô phi, cứ 4,5kg cá nước ngọt được 1kg cá sấu tăng trọng.

Cách cho ăn:

- Phải cho cá sấu ăn thức ăn tươi, cắt thành các mảnh nhỏ để cá sấu dễ nuốt và không để ruồi nhặng bám. Hai ngày cho cá ăn một lần.

- Đặt thức ăn lên các tấm ván hoặc các miếng tôn để dễ dàng quét dọn, di chuyển. Máng cho ăn nên dài và không quá 10cm lảng xi măng nhẵn và dốc thoải thoải thông với mương tiêu. Khi quét dọn máng ăn có thể dùng vòi nước để xối rửa và dùng chổi cán dài, để quét dọn. Phía trên các máng ăn chừa 80cm nên căng lưới và để không cho chim chóc sà xuống ăn và tranh thức ăn của cá sấu.

- Chú ý: Nên có chuồng cách ly để nuôi riêng những con cá sấu yếu, ở chuồng cách ly nên dùng nguồn nước riêng, máng ăn luôn sạch và có chế độ chăm sóc đặc biệt.

Ngoài ra còn lập ra khu riêng có nhiều ngăn chuồng nhỏ để nhốt cá sấu trước khi giết, mổ.

5.4. Chăm sóc cá sấu sinh sản

Các loại cá sấu nước ngọt khi được 6 năm tuổi thì bắt đầu sinh sản (với chế độ nuôi nhốt, chăm sóc tốt chỉ 4- 5 năm cá sấu có thể sinh sản).

Diện tích chuồng nuôi 1 con/10m². Độ sâu hồ nước 1,2-1,5m.

Tỉ lệ ghép 1 đực/3 cái.

Cho cá sấu ăn 1 tuần/lần, lượng thức ăn 1 lần chiếm 10% trọng lượng cơ thể. Khi cá sấu cái mang thai và ấp trứng chúng giảm ăn, lượng thức ăn chỉ bằng 3-5% trọng lượng cơ thể.

Thức ăn cho cá sấu cái nên cung cấp thêm lượng đạm động vật như: gan, tôm tép, cá cắt nhỏ trộn thêm với thuốc bổ.

5.5. Chăm sóc cá sấu con

Cá sấu con còn nhỏ một số cơ quan chưa hoàn chỉnh, nên việc dự trữ năng lượng của cơ thể còn rất ít, khả năng thích ứng và chống đỡ với môi trường chưa đầy đủ, sức chống đỡ thấp. Vì vậy nên phòng bệnh hơn chữa bệnh. Có tới 50% trường hợp cá sấu con nhiễm bệnh không thể chữa được, nếu có chữa được thì cũng còi cọc, động kinh, nuôi không hiệu quả.

Vì vậy cần chú ý phòng bệnh cho cá sấu con:

- Vệ sinh chuồng trại, thức ăn, nước uống, mật độ nuôi nhốt hợp lý...

- Đảm bảo hợp lý các yếu tố về môi trường: ánh sáng, nhiệt độ, tiếng động...

- Thường xuyên quan sát các hoạt động của cá sấu con như: ăn ngủ, di lại, phơi nắng vào các buổi sáng, chiều, tối trong ngày. Việc quan sát thường xuyên sẽ giúp nhận ra những cử chỉ lạ, cho thấy dấu hiệu bệnh tật đang diễn ra trong cơ thể chúng.

- Biết phân biệt phân của con khỏe và con bị bệnh để sớm phát hiện bệnh tiêu chảy.

- Quan sát những răng không thẳng hàng và những chân yếu để phát hiện tình trạng suy dinh dưỡng ở cá sấu con.

Khi cá sấu con được 3 tháng đến 1 năm tuổi đã có thể phân biệt con đực con cái thông qua ngoại hình. Nếu nuôi từ nhỏ, thường con đực nhanh lớn hơn con cái từ 15-20% trọng lượng cơ thể và hung dữ hơn con cái, phàm ăn, da thô, nhám, xù xì...

NUÔI TRĂN

1. Giới thiệu giống

Gồm các giống trăn hoa, trăn vàng dài hàng chục mét và nặng hàng trăm kg và trăn Python molurus bivittatus

Phân bố

Trăn vàng phân bố ở một số tỉnh phía nam Thái Lan, Campuchia...

Trăn vàng ưa sống ở rừng già

Trăn vàng là loài biến dạng của loài trăn đất, cơ thể có màu vàng nhạt trên nền hoa đốm vàng đậm. Thân có thể dài 4-5m, nặng 40-50kg. Trăn cái đẻ tới hàng chục trứng, sau 2 tháng ấp nở thành trăn con. Tuổi thọ khoảng 20 năm.

Trăn hoa xuất hiện ở các tỉnh miền núi từ phía Bắc đến miền Trung Việt Nam và đồng bằng sông Cửu Long...

Trăn hoa sống ở rừng già, thích nơi râm mát.

Trăn hoa hoạt động chủ yếu vào mùa hè. Mùa đông, trăn ở trong hang hốc (hốc đá, hốc cây). Một con trăn trưởng thành có trọng lượng cơ thể khoảng 40-70kg, chiều dài cơ thể tới 5m.

Sau khi giao phối khoảng 2,5-3 ngày thì đẻ từ 15-60 trứng, sau đó trứng ấp khoảng 2 tháng thì nở. Con non, sau khi nở từ 7-10 ngày mới bắt đầu ăn thức ăn. Tuổi thọ trung bình của Trăn hoa khoảng 10-15 năm.

ở TP HCM, trại nuôi trăn của ông được người trong giới xem là số 1. Trăn bệnh, cần chữa trị hay sản phẩm da trăn của các chủ trại khác không tiêu thụ được... chỉ cần gặp ông là xong. Hơn 20 năm gắn bó với nghề, tèn tuổi của tỷ phú nuôi trăn Lê Văn Hiền đã lan rộng khắp nơi trong cả nước.

Ông Hiền trạc ngoài 40 tuổi, thân hình to lớn, giọng nói oang oang. "Tôi gắn bó với con trăn từ những năm 1980. Lúc đó, tôi đi thu gom trăn từ các hộ rồi bán lại cho lực lượng thanh niên xung phong để kiếm lời. Nhiều người thấy trăn là sợ, nhưng đối với tôi đó lại là con vật thân thiết", ông tâm sự. Từ công việc bán trăn dạo đó, ông tích lũy kinh nghiệm, tích lũy vốn liếng rồi lập một trại nuôi trăn. Những năm này, phong trào nuôi trăn để xuất khẩu sang Trung Quốc nở rộ khắp cả nước, nhất là khu vực ĐBSCL. Thế nhưng, đầu ra lại hoàn toàn lệ thuộc vào thị trường Trung Quốc nên khi biến động, giá trăn con từ 100.000-120.000 đồng đã tụt xuống chỉ còn... 2.000 đồng.

2. Đặc điểm sinh học

Trăn khoẻ mạnh, cho ăn tốt, mỗi tháng lột xác một lần. Sau lột nó ăn rất khoẻ, lượng thức ăn bằng khoảng

1/3 trọng lượng con vật”. Chó nên cho ăn vật quen dạ, ăn ít chậm lớn.

Trần ưa nơi thoáng mát, kín đáo, yên tĩnh.

Trần sợ mùi men rượu hơi lạ và tiếng ồn, bởi vậy không cho trẻ con chơi đồ chơi và người lạ quấy rầy. Cho nên để một người chuyên trông nom: cho ăn thay nước hàng ngày và vệ sinh trần nó sẽ quen hơi, không hết hoảng

Phân biệt trần đực cái: Trần cái trông mập mạp, cựa 2 bên hậu môn ngắn, thụt vào trong hốc, khi ấn tay cơ quan giao cấu không lộ ra ngoài; ngược lại, trần đực có thân mình thon dài, cựa 2 bên hậu môn dài, lộ khá rõ ra ngoài, khi ấn tay vào 2 bên thì cơ quan giao cấu lộ ra ngoài, có thể quan sát được dễ dàng. Da trần kỳ lục có chiều dài non 10 m, bề ngang 80 cm

Khi trần ăn, bốn liên tục tới khi nó lắc ra mới thôi, trần nằm yên tiêu hoá dần. Sau lột nó ăn rất khoẻ, lượng thức ăn bằng khoảng 1/3 trọng lượng con vật”.

3. Khả năng sản xuất

Mùa phối giống của trần từ tháng 10 đến tháng 1 năm sau. Thời gian phối tốt nhất là tháng 11-12.

Tuổi cho trần phối giống là 28-30 tháng tuổi. Khi trần cái muốn giao phối thường tiết ra mùi đặc hiệu để dụ con đực. Lúc này thả trần đực khỏe mạnh có trọng lượng bằng hoặc to hơn vào, chúng xoắn xuýt, giao phối với nhau 1-3 giờ.

Trần cái mang thai từ 120-140 ngày.

Mỗi lần trần cái đẻ từ 10-100 quả trứng. kích thước trung bình 7-10cm.

Thời gian ấp trứng 53-55 ngày thì nở. Với tỉ lệ nở 80%

Trần con sau khi nở có thể tự sống được 3-5 ngày bằng khối noãn hoàng tích ở trong bụng. Sau thời gian này, bụng trần con xẹp lại, da nhăn nheo.

Nuôi trần bán thịt, sau một năm nuôi, trọng lượng có thể đạt 6-7 kg

4. Giá trị kinh tế

“Nuôi trần thoát nghèo”

Chuyện nuôi trần tưởng chừng như trò tiêu khiển của những nhà quyền quý thì nay, nhiều nông dân ở huyện Phú Tân, tỉnh An Giang đã mạnh dạn nuôi trần làm hàng hóa thay cho nuôi lợn, nuôi gà.

Anh Phan Hồng Thái, 30 tuổi, nhà ở ấp Thượng I, thị trấn Phú Mỹ (Phú Tân) bắt đầu "nghề" nuôi trần của mình hơn 5 năm qua. Lúc đầu, anh nhờ người quen ở huyện Tân Hưng (tỉnh Long An) mua giúp hai con trần con giá 500.000 đồng. Đến nay, cặp trần bố, mẹ này trị giá trên 10 triệu đồng và chúng đã đẻ được 3 lứa trứng, ấp nở được trên 100 con. Hai lứa đầu tiên vào năm 2001, 2002 nở được 60 con, anh để nuôi đến 12 tháng tuổi (trọng lượng trung bình từ 5 - 6kg/con) bán thu tổng cộng gần 30 triệu đồng. Lứa thứ 3 nở 46

con, hiện đã 1 tháng tuổi. Anh Thái cho biết: Khi lập gia đình, cha mẹ cho ra ở riêng, nên cuộc sống gia đình khá chật vật, túng thiếu. Anh suốt ngày quần quật ở ngoài ruộng với một vài công lúa, nhưng thu hoạch xong lại chẳng có lãi bao nhiêu. Cũng nhờ bán được bầy trần, năm ngoái anh sửa được căn nhà, mua được chiếc xe gắn máy phục vụ nhu cầu vận chuyển sản xuất, sắm được chiếc tivi và phụ vốn cho vợ buôn bán lặt vặt, góp phần đưa thu nhập của gia đình đi vào ổn định. Bà con xóm giềng khen gia đình anh Thái nhờ nuôi trần mà thật sự đã thoát nghèo. Anh cho biết thêm, lứa thứ ba năm nay anh sẽ chọn lọc những con tốt để lại tiếp tục nhân giống thành nhiều con bố mẹ, mở rộng qui mô sinh sản. Ngoài ra, anh còn nuôi rắn ri voi (một loại rắn không độc, thịt ngon đang được ưa chuộng ở miền Nam, bán giá 180.000 đồng/kg), với mô hình rất mới nuôi trong lu khắp.

Người được xem có "nghề" nuôi trần bậc nhất ở Phú Tân là chú Nguyễn Văn Tòng (51 tuổi), nhà ở ấp Hậu Giang 2, xã Tân Hoà. Chú đã nuôi trần gần 10 năm nay với vốn 3 con trần mẹ đầu tiên. Khi chúng tôi đến, chú vừa bán xong 400kg trần (50 con), giá 75.000đồng/kg. Hiện trong chuồng, chú còn 50 con trần khác có trọng lượng trên dưới 15kg/con để năm sau bán có giá hơn và 36 con trần con vừa nở được 3 ngày tuổi. Chú cho biết: nghề nuôi trần không phải là nghề khó, rất dễ là đằng khác, vì trần ít bị bệnh, nhẹ trong khâu chăm sóc, lại không ảnh hưởng nhiều đến

vệ sinh môi trường như nuôi bò, nuôi lợn; một người có thể chăm sóc được nhiều con trong cùng thời gian và có thể xem là nghề phụ, nhưng cho thu nhập chính. Đầu ra cho trần thịt không cần lo vì có nhiều đầu mối thu mua trong và ngoài tỉnh (đôi khi không đủ hàng để cung cấp cho khách hàng). Nghề nuôi trần cũng đóng góp thiết thực cho quá trình bảo vệ mùa màng của nông dân vì thức ăn chính của trần là chuột. Anh Thái chỉ có 2 con trần bố mẹ và một số trần con, nhưng có đến 20 cái sập chuột loại lớn và gần 100 cái sập nhỏ gửi ở nhiều nhà hàng xóm để bẫy chuột. Còn chú Tòng, do có số lượng trần nhiều hơn, nên phải mua thêm thức ăn phụ khác ngoài chuột. Thu nhập chính từ nuôi trần, đã giúp gia đình chú Tòng thoát nghèo, vươn lên giàu có từ nhiều năm trước.

Hiện nghề nuôi trần được bà con trong huyện Phú Tân ủng hộ tích cực, vì cho thu nhập khá, ít bỏ vốn và công lao động. Hơn nữa, nhờ sự giúp đỡ tận tình của những người nuôi trước, nên bà con rất an tâm trong việc gây giống. Hy vọng nghề nuôi trần sẽ



được phát triển rộng rãi, góp phần thiết thực vào việc xoá đói giảm nghèo ở tỉnh An Giang.

Hiện nay, nghề nuôi trăn đang hồi phục. Riêng địa bàn TP HCM có trên 12 trại nuôi có quy mô tương đối lớn. Giá bán trăn con cũng đã trở lại thời "hoàng kim": 100.000 đồng/con, giá xuất khẩu đa từ 6 từ 15 USD/m, tùy khổ. Nhiều người nuôi trăn cho biết chỉ cần giá trăn ở mức 50.000-80.000 đồng/kg là đã có lời. Đầu ra cho trăn không bó hẹp thị trường Trung Quốc như trước đây, nhưng theo ông Hiến, "Đầu ra vẫn là nỗi lo lớn nhất. Hiện nay người nuôi vẫn tự đi tìm nơi tiêu thụ". Ông trầm ngâm: "Những người nuôi trăn mà trăn bệnh không chữa được, tôi sẵn sàng cho thuốc và chữa giúp. Chỉ e thị trường còn hạn hẹp". Ông nhất quyết năm nay sẽ sang Italy tìm khách hàng, về sau sẽ chuyển dần sang chuyên xuất khẩu sản phẩm, lo đầu ra cho người nuôi trăn.

Cà Mau: Một gia đình nuôi tới 1.300 con trăn

Gia đình ông Hai Bá ở khóm 6, phường 1, thành phố Cà Mau đang nuôi 1.300 con trăn, bao gồm 1.000 con trăn con và 300 con trăn mẹ. Toàn bộ đàn trăn này có tổng trị giá hơn 500 triệu đồng. Mặc dù mỗi tháng phải tốn khoảng 20 triệu đồng để mua thức ăn cho đàn trăn, song do giá trăn trên thị trường đang cao (trên 160.000 đồng/kg) nên thu nhập hàng tháng từ việc nuôi trăn của gia đình ông Bá vẫn đạt khá cao. Việc gia đình ông Hai Bá phát triển nghề nuôi trăn không

chỉ giúp gia đình ông có thu nhập cao, ổn định, mà còn góp phần thúc đẩy phong trào nuôi trăn ở thành phố Cà Mau.

Vĩnh Long: Người nuôi trăn lãi cao

Nhiều thương lái đã đến tận xã Hiếu Thuận, huyện Vũng Liêm để thu mua trăn với giá từ 110.000 - 120.000 đồng/kg. Với giá này, nông dân nuôi trăn thu lãi cao (những năm trước giá trăn từ 20.000 - 30.000 đồng/kg).

Được biết, hiện nay bình quân mỗi hộ gia đình ở làng trăn Quang Mỹ, xã Hiếu Thuận nuôi từ 5 - 20 con trăn, nhiều con có trọng lượng từ 40 - 50 kg. Giá trung bình mỗi con trăn từ 4 - 5 triệu đồng.

Tỷ phú nuôi trăn

ở TP HCM, trại nuôi trăn của ông được người trong giới xem là số 1. Trăn bệnh, cần chữa trị hay sản phẩm da trăn của các chủ trại khác không tiêu thụ được... chỉ cần gặp ông là xong. Hơn 20 năm gắn bó với nghề, tên tuổi của tỷ phú nuôi trăn Lê Văn Hiền đã lan rộng khắp nơi trong cả nước.

Ông Hiền trạc ngoài 40 tuổi, thân hình to lớn, giọng nói oang oang. "Tôi gắn bó với con trăn từ những năm 1980. Lúc đó, tôi đi thu gom trăn từ các hộ rồi bán lại cho lực lượng thanh niên xung phong để kiếm lời. Nhiều người thấy trăn là sợ, nhưng đối với tôi đó lại là con vật thân thiết", ông tâm sự. Từ công việc bán trăn dạo đó, ông tích lũy kinh nghiệm, tích lũy vốn liếng rồi lập

một trại nuôi trăn. Những năm này, phong trào nuôi trăn để xuất khẩu sang Trung Quốc nở rộ khắp cả nước, nhất là khu vực ĐBSCL. Thế nhưng, đầu ra lại hoàn toàn lệ thuộc vào thị trường Trung Quốc nên khi biến động, giá trăn con từ 100.000-120.000 đồng đã tụt xuống chỉ còn... 2.000 đồng.

Trong trại trăn của ông Hiền, trăn nằm quần với nhau từng lớp, từng lớp, con to nhất gần 70 kg, con nhỏ thì nhiều vô kể. Hiện trại trăn của ông có 1.200 con, trong đó có 600 con đang trong thời kỳ sinh sản, mỗi mùa có thể cho ra đời từ 10.000 - 15.000 trăn con. Đã tìm ra cách trị bệnh mới cho trăn, ông càng nổi tiếng nhờ đã trực tiếp tìm ra thị trường xuất khẩu mới, giá trị kinh tế cao. Chỉ trong ba tháng 9, 10 và 11 năm 2004, ông đã thu về hơn 350.000 USD từ việc xuất khẩu trực tiếp da trăn sang Italy. "Trong năm qua, một số khách hàng Italy đã đến tận trại của tôi để tham quan, nhiều người không ngần ngại đặt cọc tiền trước để giữ hàng", ông khoe. Trong căn nhà cao tầng của ông có một căn phòng rộng rất sạch sẽ. Đây sẽ là nơi dành cho trăn sinh nở. Trong năm nay, ông sẽ mở thêm một trại nuôi mới trên diện tích 2.000 m² tại Bình Chánh, lúc đó đàn trăn sẽ tăng gấp nhiều lần và lượng da xuất khẩu cũng nhiều hơn.

Hiện nay, nghề nuôi trăn đang hồi phục. Riêng địa bàn TP HCM có trên 12 trại nuôi có quy mô tương đối lớn. Giá bán trăn con cũng đã trở lại thời "hoàng

kim": 100.000 đồng/con, giá xuất khẩu da từ 6 từ 15 USD/m, tùy khổ. Nhiều người nuôi trâu cho biết chỉ cần giá trâu ở mức 50.000-80.000 đồng/kg là đã có lời. Đầu ra cho trâu không bó hẹp thị trường Trung Quốc như trước đây, nhưng theo ông Hiền, "Đầu ra vẫn là nỗi lo lớn nhất. Hiện nay người nuôi vẫn tự đi tìm nơi tiêu thụ". Ông trầm ngâm: "Những người nuôi trâu mà trâu bệnh không chữa được, tôi sẵn sàng cho thuốc và chữa giúp. Chỉ e thị trường còn hạn hẹp". Ông nhất quyết năm nay sẽ sang Italy tìm khách hàng, về sau sẽ chuyển dần sang chuyên xuất khẩu sản phẩm, lo đầu ra cho người nuôi trâu.

Ngoài ra da trâu còn có giá trị xuất khẩu cao

Công ty cổ phần da Tây Đô, đơn vị thuộc da lớn nhất Đồng bằng sông Cửu Long vừa xuất 167.325 Square feet (đơn vị tính, viết tắt : SF) sang thị trường Italia, năng lượng hàng cùng loại đã xuất từ đầu năm đến nay là 336.489 SF, trị giá 1,719 triệu USD. Trước đó, công ty đã xuất 7.291m da trâu, 3.831 tấm da rắn sang Italia, Nhật Bản, Hồng Kông, trị giá 102.744 USD. Ngoài ra, công ty còn xuất nhiều loại da khác sang thị trường Hà Lan với số lượng 18.608 kg và 3.548 tấm. Tổng trị giá các mặt hàng da đã xuất đạt 1,924 triệu USD, nhiều gấp 5 lần cùng kỳ năm 2003.

Ngay từ đầu năm, công ty đã đầu tư 130.000 USD lắp đặt thiết bị mới, nâng công suất sản xuất cao hơn trước 6 lần. Sản phẩm làm ra bảo đảm chất lượng. Công

ty tích cực tiếp thị tại nhiều nước châu Á, châu Âu, ký thêm nhiều hợp đồng tiêu thụ sản phẩm. Số lượng hàng xuất khẩu và giá trị đều tăng rất cao. Công ty phấn đấu đến cuối năm sản xuất thêm nhiều mặt hàng da cá sấu, da điều chất lượng cao để xuất khẩu và phục vụ chế biến cặp da nội địa

5. Kỹ thuật và môi trường nuôi dưỡng

5.1. Chuồng nuôi

Chuồng làm bằng gỗ thanh, nan tre, bương, sắt, lưới mắt cáo... có khe, lỗ rộng từ 1-2,5cm (tùy loại trăn nuôi) để tiện vệ sinh và không cho trăn chui ra ngoài.

Kích thước ô chuồng cao 0,6-0,7m, rộng 0,5-0,6m, dài 24m. Với diện tích này có thể nhốt các loại trăn theo số lượng: trăn sơ sinh 0,5kg/con nhốt 8-12 con, từ 0,7-2kg/con nhốt 5-7 con, từ 2,5-5kg/con nhốt 3-4 con, từ 5kg trở lên nhốt 2-3 con.

Nơi có điều kiện đất rộng nên làm chuồng kết hợp với khu vườn rừng chăn thả, có rào lưới sắt tráng kẽm chắc chắn.

5.2. Nuôi dưỡng

Thức ăn cho trăn là gà, vịt, chim cút non, thịt lợn, bò, trâu, dê, thỏ, chuột...

- Nuôi chân thịt: Trăn con từ 1 tháng tuổi đến 0,5kg, 1 tuần cho ăn 1 lần, hết 0,5kg/tháng. Trăn từ 1-5kg cho ăn 2 - 3 lần/tháng, mỗi lần từ 1 - 1,5kg thức ăn. Trăn từ 6 - 10kg cho ăn 2 lần/tháng, mỗi lần cho ăn từ

1,5 - 1,7kg thức ăn. Trăn trên 10kg, cứ 8 - 20 ngày cho ăn 1 lần, mỗi lần từ 3 - 5kg thức ăn.

Ngoài ra còn cần chú ý bổ sung thêm các loại vitamin B1, B6, B12, C, A, D, E, PP... hoà vào nước cho uống sau mỗi lần trăn ăn hoặc uống trực tiếp.

- Nuôi trăn sinh sản: Mùa phối giống của trăn từ tháng 10 đến tháng 1 năm sau. Thời gian phối tốt nhất là tháng 11-12. Trước mùa phối giống 1 tháng cho con cái ăn thật no để có đủ dinh dưỡng tích mỡ và tạo trứng.

Tuổi cho trăn phối giống là 28-30 tháng tuổi. Khi trăn cái muốn giao phối thường tiết ra mùi đặc hiệu để dụ con đực. Lúc này thả trăn đực khỏe mạnh có trọng lượng bằng hoặc to hơn vào, chúng xoắn xuýt, giao phối với nhau 1-3 giờ. Nên cho phối kép để đảm bảo trứng thụ thai và có tỉ lệ nở cao.

Trăn cái mang thai từ 120-140 ngày. Trong thời gian trăn cái có chứa không cho ăn hoặc cho ăn mỗi lần rất hạn chế để tránh chèn ép trứng.

Khi chuẩn bị đẻ, con cái bò đi bò lại trong chuồng, đào đất, tìm chỗ trứng, có rơm, cỏ khô để đẻ. Có thể làm ổ đẻ cho trăn bằng bao xác rắn đựng trấu cài chặt vào một góc chuồng, nơi yên tĩnh, tránh gió lùa...

Mỗi lần trăn cái đẻ từ 10-100 quả trứng. Sau khi đẻ hết trứng vào ổ, trăn cái tự cuộn tròn lại trên trứng để ấp. Khi trăn ấp nên kiểm tra vài lần, nếu thấy các quả trứng to đều, trắng, khô ráo, vỏ láng bóng là trứng tốt; những

quả quá to hay quá nhỏ, vỏ xin vàng... là trứng hỏng phải loại bỏ.

Thời gian ấp trứng 53-55 ngày thì nở. Trăn con tự mổ vỏ trứng chui ra. Sau 1-2 ngày có những con trăn con yếu không tự mổ vỏ chui ra, phải đem thả những quả trứng này vào nước ấm kích thích để trăn con tự mổ vỏ chui ra.

Còn quả nào chưa nở, ta hỗ trợ bằng cách xé vỏ dài 1cm, lẩn tìm đầu trăn con nhẹ nhàng kéo ra.

Trăn con sau khi nở có thể tự sống được 3-5 ngày bằng khối noãn hoàng tích ở trong bụng. Sau thời gian này, bụng trăn con xẹp lại, da nhăn nheo. Lúc này cho trăn con ăn thịt lợn nạc, thịt bò, trâu, dê... tươi ngon thái nhỏ.

5.3. Phân biệt trăn đực, trăn cái

- Trăn đực: Thân thon dài, có 2 cửa dài ở hai bên hậu môn lộ ra ngoài, vây hậu môn to, chóp vây tù. Vây quanh hậu môn nhỏ xếp sát nhau, ấn mạnh tay vào hai bên huyết thấy cơ quan giao cấu lộ ra.

- Trăn cái: Thân to mập, cửa hai bên hậu môn ngắn, nằm ẩn sâu bên trong. Vây quanh hậu môn to, xếp không sát nhau, không thấy có cơ quan giao cấu.

Chú ý:

- Trăn nuôi lúc đói, lột xác, đang ấp trứng... thường rất hung dữ, chúng rất nhạy cảm với các loại mùi thuốc lá, hành, tỏi, dầu sả... nên cần tránh những mùi này.

- Trăn nuôi khi ăn no rất hiền, thích vuốt ve, cõng bế, về mùa hè rất thích tắm nước. Vì vậy trong chuồng, khu chăn nuôi ngoài nắng, chậu uống, cần có chậu to hoặc xây bể để khi nóng bức trăn bò vào tắm, tắm..

- Trăn lột xác vào mùa hè, trăn non lột xác nhiều hơn trăn già. Lúc sắp lột xác trăn có màu da sẫm hơn, hai mắt trở nên đục mờ, ngừng ăn, tìm chọn nơi có nước, gần nước để nằm. Thời gian lột xác thường kéo dài từ 1-2 tuần.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
NUÔI LỢN Ỉ	5
1. Nguồn gốc xuất xứ	5
2. Đặc điểm sinh học	7
2.1. Đặc điểm ngoại hình	7
2.1.1. Lợn ỉ mỡ (ỉ đen)	7
2.1.2. Lợn ỉ pha	8
3. Khả năng sản xuất	8
3.1. Khả năng sinh trưởng	8
3.2. Khả năng sinh sản	10
3.3. Khả năng cho thịt	11
4. Giá trị kinh tế	11
5. Kỹ thuật và môi trường nuôi dưỡng	12
NUÔI TRỈ ĐỎ	14
1. Nguồn gốc xuất xứ	14
2. Đặc điểm sinh học	15
3. Khả năng sản xuất	16
4. Giá trị kinh tế	17

5. Kỹ thuật và môi trường nuôi dưỡng	19
NUÔI GÀ LÔI	22
1. Giới thiệu giống	22
Tìm lại giống gà quý sau 80 năm	29
NHỮNG LOÀI GÀ QUÝ TẠI VƯỜN THÚ HÀ NỘI	33
1. Đặc điểm ngoại hình	33
2. Khả năng sản xuất	34
3. Giá trị kinh tế	35
4. Môi trường và kỹ thuật chăm sóc nuôi dưỡng	35
NUÔI LỢN SÓC	36
1. Giới thiệu giống	36
2. Đặc điểm ngoại hình	37
3. Khả năng sản xuất	37
3.1. Khả năng sinh trưởng	37
3.2. Khả năng sinh sản	37
3.3. Khả năng cho thịt	38
4. Hiệu quả kinh tế của lợn sóc	38
5. Môi trường và kỹ thuật chăm sóc nuôi dưỡng	39
NUÔI LỢN VÂNPA Ở TỈNH QUẢNG TRỊ	40
1. Giới thiệu giống	40
2. Đặc điểm ngoại hình	41

3. Khả năng sản xuất	42
3.1 Một số chỉ tiêu sinh trưởng và phát dục của lợn Vânpa Quảng Trị	42
3.2 Khả năng sinh sản	43
4. Giá trị kinh tế	44
5. Kỹ thuật và môi trường nuôi dưỡng	44
NUÔI NHÍM	45
1. Giới thiệu giống	45
2. Đặc điểm sinh học	45
3. Khả năng sản xuất	47
4. Giá trị kinh tế	48
5. Kỹ thuật và môi trường nuôi dưỡng	50
NUÔI GÀ CHỌI	57
1. Giới thiệu giống	57
2. Đặc điểm sinh học	58
2.1. Đặc điểm ngoại hình	58
2.1.1. Màu sắc của lông, da	58
2.1.2. Tầm vóc	60
2.1.3. Một số đặc điểm ngoại hình khác	61
3. Khả năng sản xuất	61
3.1. Đặc điểm sinh trưởng, phát dục và sinh sản	61
3.2. Phát dục	62
3.3. Sinh sản	62

4. Giá trị kinh tế	63
5. Kỹ thuật và môi trường nuôi	65
5.1. Phương thức nuôi gà chọi	65
5.2. Chọn và nhân giống	65
5.3. Thức ăn và dinh dưỡng	66
5.4. Quản lý huấn luyện gà thi đấu	68

NUÔI GẤU LẤY MẬT 70

1. Giới thiệu giống	70
2. Đặc điểm sinh học	73
3. Khả năng sản xuất	77
4. Giá trị kinh tế	78
5. Kỹ thuật và môi trường nuôi dưỡng	79
5.1. Chuồng trại và dụng cụ nuôi 1 con gấu lấy mật	79
5.2. Thức ăn, nuôi dưỡng	81
5.3. Chống rét cho gấu	83
5.4. Chống nóng cho gấu	83
5.5. Vệ sinh, phòng bệnh	83
5.6. Kinh nghiệm lấy mật gấu	83

NUÔI NAI 93

1. Giới thiệu giống	93
2. Đặc điểm sinh học	94
3. Khả năng sản xuất	97
3.1. Khả năng sinh trưởng	97

3.2. Khả năng sinh sản	97
3.3. Khả năng sản xuất nhung	98
4. Giá trị kinh tế của nai	99
4.1. Thịt nai	99
4.2. Nhung nai	100
5. Kỹ thuật và môi trường nuôi dưỡng	100
5.1. Cách làm chuồng nuôi nai	100
5.2. Thức ăn và chế độ cho ăn	102
5.3. Chăm sóc	103
NUÔI HƯƠNG SAO	106
1. Giới thiệu giống	106
2. Đặc điểm sinh học	107
3. Khả năng sản xuất	109
3.1. Khả năng sinh trưởng	109
3.2. Khả năng sinh sản	109
3.3. Khả năng cho nhung	111
4. Giá trị kinh tế	112
5. Kỹ thuật và môi trường nuôi dưỡng	117
5.1. Thức ăn nuôi hương	117
5.2. Những bệnh mà hương sao hay mắc	117
5.3. Chuồng nuôi hương	118
NUÔI CÁ SẤU	119
1. Giới thiệu giống	119

2. Đặc điểm sinh học	122
3. Khả năng sản xuất của cá sấu	123
3.1. Khả năng sinh trưởng của cá sấu	123
3.2. Khả năng sinh sản của cá sấu	124
4. Giá trị kinh tế	125
5. Kỹ thuật và môi trường nuôi dưỡng	130
5.1. Xây dựng chuồng nuôi	130
5.2. Mật độ nuôi	132
5.3. Cho ăn và chăm sóc	132
5.4. Chăm sóc cá sấu sinh sản	133
5.5. Chăm sóc cá sấu con	134
NUÔI TRĂN	136
1. Giới thiệu giống	136
2. Đặc điểm sinh học	137
3. Khả năng sản xuất	138
4. Giá trị kinh tế	139
5. Kỹ thuật và môi trường nuôi dưỡng	146
5.1. Chuồng nuôi	146
5.2. Nuôi dưỡng	146
5.3. Phân biệt trăn đực, trăn cái	148

KỸ THUẬT CHĂN NUÔI MỘT SỐ ĐỘNG VẬT QUÝ HIẾM

Chịu trách nhiệm xuất bản:

NGUYỄN ĐÌNH THIÊM

Chịu trách nhiệm nội dung:

PHẠM SỸ TIỆP

Biên tập: THÁI BÌNH

Sửa bản in: PHẠM SỸ TIỆP

Bìa và Trình bày: CẨM TÚ

Liên kết xuất bản: Trung tâm UNESCO

Bảo tồn & PT Văn hóa DTVN

Mã số NXB Lao động - Xã hội: 41-194

30-12

In 1000 cuốn, khổ 13 x 19 tại Xưởng in Tổng cục công nghiệp Quốc phòng. Giấy phép xuất bản số: 38-2006/CXB/41-194/LĐXH cấp ngày 15/3/2006. In xong và nộp lưu chiểu Quy II năm 2006



Kỹ thuật chăn nuôi
MỘT SỐ ĐỘNG VẬT QUÝ HIẾM

¥862101

Giá: 15.000đ